Nếu bạn cần hoàn thiện bài luận văn trong cuối năm học thì hãy tìm đến Luận văn 24, chúng tôi có mở Dịch vụ viết luận văn thạc sĩ chất lượng, đảm bảo sự tuyệt mật, thời gian nhanh chóng, đặc biệt với giá cả hợp lý chưa từng có.

QUẢN LÝ CHỐNG THẤT THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH TẠI CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Chuyên ngành: QUẢN LÝ KINH TẾ

THÁI NGUYÊN

QUẢN LÝ CHỐNG THẤT THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH TẠI CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH

Chuyên ngành: Tài Chính
Ngân Hàng
Mã số:

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

THÁI NGUYÊN

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng, đây là công trình nghiên cứu Khoa học của riêng tôi và không trùng lặp với bất kỳ công trình nghiên cứu Khoa học của tác giả khác. Các dữ liệu và kết quả nghiên cứu trong Luận văn này là trung thực và chưa hề được sử dụng để bảo vệ một học vị nào.

Tôi xin cam đoan rằng, mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn đã được cảm ơn và các thông tin trích dẫn trong luận văn đều được chỉ rõ nguồn gốc.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Nhà nước, Bộ, ngành chủ quản, cơ sở đào tạo và Hội đồng đánh giá Khoa học của Trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh - Đại Học Thái Nguyên về công trình và kết quả nghiên cứu của mình.

Thái Nguyên, tháng 6 năm 2015

Tác giả luận văn

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế của mình, ngoài sự nỗ lực cố gắng của bản thân, tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của nhiều cá nhân và tập thể.

Nhân dịp này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới sự giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của các thầy, cô giáo khoa Quản lý luật kinh tế, Bộ phận sau đại học - Phòng đào tạo - Trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh - Đại Học Thái Nguyên ; đặc biệt là sự quan tâm, chỉ dẫn tận tình của cô giáo **PGS.TS.** đã trực tiếp hướng dẫn tôi trong suốt quá trình thực hiện luận văn.

Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn tới lãnh đạo Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh, các phòng ban liên quan tại Cục thuế tỉnh Bắc Ninh, Cục thống kê tỉnh Bắc Ninh, các ban, ngành cùng với các doanh nghiệp đã giúp tôi trong suốt quá trình thực hiện Luận văn này.

Mặc dù bản thân đã rất cố gắng, nhưng Luận văn này không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, tôi rất mong nhận được sự chỉ dẫn, góp ý của quý thầy, cô giáo và tất cả bạn bè.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

Thái Nguyên, tháng 6 năm 2015

Tác giả luận văn

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN i

LỜI CẢM ƠN ii

MỤC LỤC iii

DANH MỤC VIẾT TẮT vii

DANH MỤC CÁC BẢNG viii

DANH MỤC CÁC HÌNH x

MỞ ĐẦU 1

1. Sự cần thiết của đề tài 1

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài 3

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 3

4. Ý nghĩa khoa học của đề tài 3

5. Kết cấu của luận văn 4

Chơơng 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ CHỐNG THẤT THU THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH 5

1.1. Vai trò và đặc điểm của doanh nghiệp ngoài quốc doanh 5

1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp ngoài quốc doanh 5

1.1.2. Vai trò của doanh nghiệp ngoài quốc doanh 6

1.1.3. Đặc điểm của doanh nghiệp ngoài quốc doanh 6

1.2. Một số vấn đề cơ bản về thuế giá trị gia tăng 7

1.2.1. Khái niệm về thuế giá trị gia tăng 7

1.2.2. Đặc điểm của thuế giá trị gia tăng 7

1.2.3. Vai trò của thuế giá trị gia tăng 8

1.2.4. Quy định hiện hành về thuế GTGT 10

1.3. Quản lý chống thất thu thuế giá trị gia tăng đối với DN NQD 13

1.3.1. Khái niệm và đặc điểm của thất thu thuế GTGT 13

1.3.2. Nội dung quản lý chống thất thu thuế GTGT 19
1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác Quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD
31
1.4. Kinh nghiệm quản lý thu thuế của một số nước trên thế giới và một số tỉnh trong nước 33
1.4.1. Kinh nghiệm chống thất thu thuế của Singapo 34
1.4.2. Kinh nghiệm chống thất thu thuế tại Cục thuế TP Hà Nội 38
1.4.3. Bài học kinh nghiệm về quản lý chống thất thu thuế GTGT cho Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh 40
Chơng 2: PHƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 42
2.1. Câu hỏi nghiên cứu 42
2.2. Phương pháp nghiên cứu 42
2.2.1. Mô hình nghiên cứu 42
2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu 43
2.2.3. Phương pháp tổng hợp và xử lý thông tin 44
2.2.4. Phương pháp phân tích thông tin 44
2.3. Hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu 45
Chơng 3: THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHỐNG THẤT THU THUẾ GTGT TẠI CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH 48
3.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Bắc Ninh 48
3.1.1. Đặc điểm tự nhiên 48
3.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội 49
3.2. Đặc điểm của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh 50
3.2.1. Khái quát về Cục thuế tỉnh Bắc Ninh 50
3.2.2. Cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Cục thuế Bắc Ninh 50
3.2.3. Đặc điểm nhân sự của Văn Phòng Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh 53
3.3. Đặc điểm hoạt động của các DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh 54

3.3.1. Đặc điểm tình hình hoạt động của DN NQD 54
3.3.2. Thực trạng về DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh 56
3.4. Thực trạng công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh 59
3.4.1. Kết quả thực hiện thu NSNN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2012 - 2014
59
3.4.2. Công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với các DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh
62
3.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh
82
3.5.1. Các yếu tố chủ quan 82
3.5.2. Các yếu tố khách quan 87
3.6. Đánh giá chung về công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh 88
3.6.1. Những kết quả đạt được 88
3.6.2. Tồn tại và nguyên nhân 90
Chương 4: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHỐNG THẤT THU THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH TẠI CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH 93
4.1. Quan điểm và phương hướng tăng cường quản lý chống thất thu thuế GTGT của Nhà nước và của Tỉnh Bắc Ninh 93
4.1.1. Quan điểm 93
4.1.2. Phương hướng 94
4.2. Các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với các DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh

95
4.2.1. Về đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế 95
4.2.2. Đối với công tác hoàn thuế 97
4.2.3. Tăng cường công tác thanh tra và kiểm tra thuế 98
4.2.4. Tăng cường công tác tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chống thất thu thuế GTGT 99
4.2.5. Công tác quản lý thu nợ thuế 100
4.3. Một số kiến nghị 100
4.3.1. Một số kiến nghị với Nhà nước 100
4.3.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính - Tổng Cục thuế 101
4.3.3. Kiến nghị với UBND tỉnh Bắc Ninh và Cục thuế tỉnh Bắc Ninh 101
KẾT LUẬN **103**
TÀI LIỆU THAM KHẢO **105**
PHỤ LỤC **107**

DANH MỤC VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Diễn giải
CBCC	Cán bộ công chức
CQT	Cơ quan thuế
DN	Doanh nghiệp
DN NQD	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
GTGT	Giá trị gia tăng
HSKT	Hồ sơ khai thuế
HTX	Hợp tác xã
KD	Kinh doanh
NNT	Người nộp thuế
NQD	Ngoài quốc doanh
NSNN	Ngân sách nhà nước
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tỷ trọng một số khoản thuế trong tổng thu NSNN 18

Bảng 2.1. Số lượng mẫu theo ngành nghề kinh doanh 44

Bảng 3.1. Cơ cấu tổ chức cán bộ văn phòng Cục thuế tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2012 - 2014 54

Bảng 3.2. Số lượng các DN NQD trên địa bàn toàn tỉnh Bắc Ninh theo lĩnh vực kinh doanh qua 3 năm 2012 - 2014 56

Bảng 3.3. Số lượng và cơ cấu doanh nghiệp ngoài quốc doanh Toàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn từ Năm 2012-2014 57

Bảng 3.4. Số lượng các DN NQD do phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý theo lĩnh vực kinh doanh giai đoạn 2012 - 2014 57

Bảng 3 5. Số liệu về DN NQD trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh do phòng kiểm tra số 2 quản lý (2012- 2014) phân theo quy mô loại hình doanh nghiệp 58

Bảng 3.6. Thu NSNN tại Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2012 - 2014 59

Bảng 3.7. Kết quả thu NSNN của các DN NQD trên toàn tỉnh Bắc Ninh theo từng sắc thuế 60

Bảng 3. 8. Bảng số thu NSNN của các DN NQD do phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý từ năm 2012 đến 2014 60

Bảng 3.9. Số nộp về thuế GTGT so với số nộp NSNN theo địa bàn 61

Bảng 3.10. Số lượng DN NQD thuộc phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý giai đoạn từ 2012-2014 63

Bảng 3.11. Bảng thống kê doanh nghiệp đăng ký kê khai thuế 64

Bảng 3.12. Số lượng DN NQD đang quản lý và số lượng DN NQD kê khai thuế giá trị gia tăng giai đoạn 2012 -2014 66

Bảng 3.13. Số thuế giá trị gia tăng kê khai các năm 2012-2014 66

Bảng 3.14. Số thu về thuế GTGT so với kê khai các năm 2012 - 2014 theo loại hình doanh nghiệp 67

Bảng 3.15. Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng doanh nghiệp đã nộp cho cơ quan thuế giai đoạn 2012-2014 68

Bảng 3.16. Kết quả điều tra về kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng 69

Bảng 3.17. Kết quả hoàn thuế giai đoạn (2013 - 2014) 72
Bảng 3.18. Ý kiến về hoàn thuế của doanh nghiệp điều tra 72
Bảng 3.19. Phiếu xác minh gửi đi 2012-2014 73
Bảng 3.20. Thống kê công tác tuyên truyền hỗ trợ 2012-2014 74
Bảng 3.21. Công tác tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng 75
Bảng 3.22. Tổng hợp kết quả hiểm tra hồ sơ khai thuế tại bàn 2012-2014 77
Bảng 3.23. Kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở doanh nghiệp 78
Bảng 3.24. Tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra (2012- 2014) 80
Bảng 3.25.Tình hình nợ đọng thuế GTGT so với số thuế GTGT theo kê khai của DN NQD năm 2012-2014 81
Bảng 3.26. Tình hình nợ đọng thuế GTGT theo cơ cấu phân loại nợ thuế 82
Bảng 3.27. Bảng kết quả điều tra đối với DN về việc coi trọng công tác kế toán của DN 82
Bảng 3.28. Kết quả điều tra DN NQD về hoạt động kiểm tra thuế của cơ quan thuế tác động đến các DN 85
Bảng 3.29. Kết quả điều tra hiểu biết của DN về thực hiện chính sáh pháp luật về thuế 87

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 2.1. Khung phân tích 42
Hình 3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức tại văn phòng Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh 51

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Chính sách thuế là một trong những nội dung quan trọng của chính sách Tài chính quốc gia, đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế; điều tiết mọi hoạt động giữa các thành phần kinh tế, giữa các ngành, giữa các vùng nhằm đảm bảo sự công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội. Trong nền kinh tế thị trường, thuế là một trong những công cụ quan trọng của Nhà nước để quản lý vĩ mô nền kinh tế. Thông qua công cụ thuế, Nhà nước không chỉ tăng thu cho ngân sách, qua đó đảm bảo cơ sở vật chất cho sự tồn tại và hoạt động của Nhà nước mà còn sử dụng nó để điều tiết vĩ mô nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế nhanh, bền vững, tiến kịp các nước trong khu vực và trên thế giới, bên cạnh đó thực hiện mục tiêu bình đẳng và bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn cho xã hội đồng thời bảo vệ tài nguyên, môi trường của đất nước.

Mặt khác, thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước (NSNN), hàng năm tỷ lệ động viên từ thuế và phí đạt từ 20% đến 30% GDP cả nước. Thuế là công cụ phân phối sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân.

Trong những năm gần đây chính sách Thuế và cơ chế quản lý thu thuế đã có nhiều đổi mới, góp phần tăng thu cho ngân sách, khuyến khích sản xuất, kinh doanh đúng hướng và ngày càng phát triển.. Cùng với sự ra đời của hệ thống thuế mới, Luật thuế Giá trị gia tăng (GTGT) đã được Quốc hội khóa IX thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1999.

Sau hơn 10 năm thực hiện, trải qua nhiều lần điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung, Luật thuế GTGT đã đi vào cuộc sống, phát huy tác dụng tích cực trong việc khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh; thúc đẩy xuất khẩu và đầu tư; tạo nguồn thu lớn và ổn định cho NSNN; tạo điều kiện cho Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế; góp phần tăng cường quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và quản lý thuế nói riêng.

Bên cạnh những thành công đã đạt được, trong quá trình thực hiện, Luật thuế GTGT, cũng bộc lộ một số các hạn chế, bất cập như hệ thống thuế chưa đồng bộ và thường xuyên phải chỉnh sửa, quy trình quản lý thuế chưa thật sự phù hợp với một số trường hợp, một số đối tượng thuộc diện điều chỉnh của Luật đã tạo nhiều kẽ hở cho người nộp thuế (NNT) có cơ hội lách luật, trốn lậu thuế. Điều đó đã là những nguyên nhân gây thất thoát một phần số thu của NSNN hàng năm. Kể từ khi tái lập

tỉnh năm 1997 đến nay, Bắc Ninh vẫn là một tỉnh nhỏ, số thu NSNN hàng năm thấp, tỷ trọng số thuế GTGT không cao. Chính vì vậy, để thuế GTGT có thể phát huy tối đa vai trò trong việc tạo lập nguồn thu cho NSNN và thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển thì rất cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu và có những biện pháp khắc phục những hạn chế này.

Cùng với ngành thuế cả nước, Cục thuế tỉnh Bắc Ninh đã thay đổi phương thức từ quản lý theo đối tượng chuyển sang quản lý theo chức năng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về thuế theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính về thuế, thúc đẩy việc thực hiện chế độ kế toán trong các doanh nghiệp. Thường xuyên tuyên truyền các chính sách pháp luật về thuế cho người nộp thuế nắm bắt kịp thời, hướng dẫn giải thích tận tình các chính sách thuế mới, những chính sách đã được sửa đổi bổ sung để người nộp thuế thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Mặt khác Cục thuế đã đặc biệt coi trọng và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm nhằm ngăn ngừa, phát hiện, chấn chỉnh các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

Qua đó đã đưa việc thực hiện chế độ sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ và kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp dần đi vào nề nếp. Những sai sót thông thường trong quá trình kê khai, nộp thuế như khai sai mẫu biểu, không đúng thủ tục hành chính, kê khai không đầy đủ các chỉ tiêu, kê khai chậm, nộp thuế chậm… có xu hướng giảm nhiều.

Tuy nhiên mức độ gian lận về thuế lại có xu hướng gia tăng với những thủ đoạn trốn thuế ngày càng tinh vi. Đặc biệt tình trạng trốn thuế, gian lận về thuế thường xảy ra ở thành phần kinh tế tư nhân, nhất là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh . Tính chất, mức độ vi phạm pháp luật về thuế của doanh nghiệp ngoài quốc doanh có sự khác nhau giữa doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung với các doanh nghiệp tại các cụm công nghiệp, điểm công nghiệp làng nghề hoặc đa nghề. Một số doanh nghiệp ngoài quốc doanh còn lợi dụng lách luật để kê khai sai, trốn thuế, tình trạng kê khai âm thuế ở các doanh nghiệp còn nhiều, kéo dài dẫn đến không có số thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Do đó nhiệm vụ quan trọng của ngành thuế nói chung và Cục thuế tỉnh Bắc Ninh nói riêng là phải tăng cường chống thất thu thuế GTGT đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh nhằm tăng thu cho ngân sách nhà nước và đảm bảo sự công bằng cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Với ý nghĩa đó, học viên đã lựa chọn đề tài ***"Quản lý chống thất thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Cục thuế tỉnh Bắc Ninh".***

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục tiêu chung

Trên cơ sở đánh giá thực trạng quản lý chống thất thu thuế GTGT tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh, luận văn đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Cục thuế tỉnh Bắc Ninh trong những năm tới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa những vấn đề về thuế GTGT và làm rõ nội dung quản lý chống thất thu thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh.
- Đánh giá thực trạng quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Cục thuế tỉnh Bắc Ninh.
- Đề xuất thêm những giải pháp quản lý chống thất thu lý thuế GTGT đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Cục thuế tỉnh Bắc Ninh góp phần tăng thu NSNN.

3. Đối tọợng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên *cứu*

Là những vấn đề có liên quan đến công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT, của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận văn

3.2.1. Phạm vi về không gian

+ Hiện nay tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh các doanh nghiệp ngoài quốc doanh được giao cho phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý. Vì vậy đề tài được nghiên cứu đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do phòng kiểm tra thuế số 2 thuộc Cục thuế tỉnh Bắc Ninh quản lý.

3.2.2. Phạm vi về thời gian

Các dữ liệu và thông tin phục vụ cho việc đánh giá thực trạng của công tác quản lý thu thuế và chống thất thu thuế giá trị gia tăng được thu thập từ năm 2012 đến năm 2014.

3.2.3. Phạm vi về nội dung

Quản lý chống thất thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do phòng kiểm tra thuế số 2 thuộc Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh quản lý.

4. Ý nghĩa khoa học của đề tài

Luận văn góp phần làm sáng tỏ thêm lý luận về công tác quản lý chống thất thu thuế Giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Thông qua nghiên cứu làm rõ những lý luận cơ bản về công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT và đánh giá đúng thực trạng công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với doanh nghiệp NQD do phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý thuộc Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (những kết quả đã đạt được, hạn chế trong công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT, nhất là đối với DN NQD); đề tài cung cấp cơ sở khoa học, thực tiễn để tìm ra giải pháp tăng cường công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD, góp phần chống thất thu ngân sách, xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh trên địa bàn tỉnh BắcNinh.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo luận văn gồm 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực thiễn về thuế Giá trị gia tăng, thất thu thuế và quản lý thất thu thuế GTGT đối với DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh.

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu.

Chương 3: Thực trạng về công tác quản lý chống thất thu thuế Giá trị gia tăng đối với các DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh.

Chương 4: Các giải pháp và kiến nghị nhằm tăng cường công tác quản lý chống thất thu thuế Giá trị gia tăng đối với các DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ CHỐNG THẤT THU THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH

1.1. Vai trò và đặc điểm của doanh nghiệp ngoài quốc doanh

1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp ngoài quốc doanh

Theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có quy định *"Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh".*

Các loại hình doanh nghiệp ở Việt nam hiện nay bao gồm: Doanh nghiệp Nhà nước; Doanh nghiệp tư nhân; Công ty TNHH (Công ty TNHH 2 thành viên trở lên; Công ty TNHH 1 thành viên); Công ty cổ phần; Công ty hợp danh; Công ty liên doanh; Công ty 100% vốn nước ngoài. Theo hình thức sở hữu tài sản ở Việt Nam doanh nghiệp được chia thành 2 loại hình là: Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp NQD. Số lượng doanh nghiệp tăng nhanh qua các năm, tỷ trọng doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm trên 90% trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động.

Hiện nay, tồn tại nhiều quan niệm khác nhau về doanh nghiệp NQD (có tác giả cho rằng doanh nghiệp NQD là loại hình doanh nghiệp không thuộc sở hữu Nhà nước, chủ doanh nghiệp là người quyết định mọi vấn đề liên quan tới doanh nghiệp; cũng có tác giả cho rằng doanh nghiệp NQD là doanh nghệp không chịu bất cứ sự chi phối nào của Nhà nước, doanh nghệp tự chủ trong hoạt động tài chính của mình...) nhưng một trong những quan niệm về doanh nghiệp NQD được thừa nhận chung là:

Doanh nghiệp NQD là hình thức doanh nghiệp không thuộc sở hữu của Nhà nước, trừ Hợp tác xã; toàn bộ vốn, lợi nhuận đều thuộc sở hữu tư nhân hay tập thể người lao động; chủ sở hữu hay chủ cơ sở sản xuất kinh doanh chịu trách nhiệm toàn bộ về hoạt động sản xuất kinh doanh và toàn quyền quyết định phương thức phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước mà không chịu sự chi phối nào từ các quyết định của Nhà nước hay cơ quan quản lý.

Các hình thức cụ thể của doanh nghiệp NQD bao gồm:

- Công ty cổ phần;
- Công ty TNHH (Công ty TNHH 1 thành viên, công ty TNHH 2 thành viên trở lên);

- Công ty hợp danh;

- Doanh nghiệp tư nhân;

- Hợp tác xã.

Doanh nghiệp NQD là một loại hình doanh nghiệp nên nó mang đầy đủ đặc điểm của một doanh nghiệp như: có con dấu, trụ sở giao dịch ổn định, có tài sản, được đăng ký kinh doanh...

1.1.2. Vai trò của doanh nghiệp ngoài quốc doanh

Các doanh nghiệp NQD có vai trò quan trọng trong nền kinh tế:

- Góp phần làm tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước,doanh nghiệp NQD tham gia vào mọi lĩnh vực, mọi ngành nghề của nền kinh tế, hàng năm các doanh nghiệp NQD đã mang lại nguồn thu đáng kể cho NSNN. Nếu như cơ chế quản lý tốt thì mức động viên từ các doanh nghiệp NQD sẽ ổn định và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu thu của NSNN.

- Góp phần vào việc giải quyết việc làm cho người lao động

- Là trụ cột của nền kinh tế địa phương, tạo ra nhiều của cải xã hội, cải thiện đời sống nhân dân ở địa phương.

- Tạo nên ngành công nghiệp và dịch vụ phụ trợ.

- Bên cạnh đó trong những năm qua với nhu cầu phong phú về hàng hóa, dịch vụ các doanh nghiệp NQD đóng góp vai trò quan trọng trong việc đưa hàng hóa, dịch vụ đến tay các nhà phân phối cũng như người tiêu dùng.

Như vậy có thể thấy các doanh nghiệp NQD có vị trí không thể thiếu được trong nền kinh tế, sự đóng góp của các doanh nghiệp này vào sự phát triển chung của đất nước là không thể phủ nhận.

-Từ khi nước ta thực hiện đổi mới nền kinh tế các doanh nghiệp NQD được thừa nhận và ngày càng có vị trí quan trọng trong nền kinh tế, nhưng để cho các doanh nghiệp này phát triển theo định hướng của nhà nước thì cần phải có các biện pháp quản lý trong đó có quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT nói riêng.

1.1.3. Đặc điểm của doanh nghiệp ngoài quốc doanh

DN Ngoài quốc doanh là thành phần kinh tế dựa trên quan hệ sở hữu tư nhân, toàn bộ vốn, tài sản… đều thuộc sở hữu tư nhân. Trong hầu hết các trường hợp chủ sở hữu là người quản lý và ra quyết định kinh doanh, chịu toàn bộ trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Mục tiêu lớn nhất của các DN NQD là lợi nhuận.

- Đối tượng kinh doanh lớn ở tất cả các lĩnh vực, nhưng về mặt quy mô còn nhiều hạn chế.Một số hoạt động ở lĩnh vực SX do trình độ công nghệ lạc hậu nên

năng suất lao động thấp… Đối tượng kinh doanh vừa lớn, trải trên diện rộng làm cho việc quản lý phức tạp hơn.

- Sức cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm, dịch vụ thấp:

- Sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ: yếu tố tư bản cấu thành trong sản phẩm thấp, hàm lượng tri thức và công nghệ trong sản phẩm không cao, tính độc đáo không cao, giá trị gia tăng trong tổng giá trị sản phẩm nói chung thấp;

- Khả năng hạn chế về vốn, khả năng tiếp cận nguồn thông tin... của các DN NQD, sự bảo hộ của Nhà nước đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước... đã hạn chế năng lực cạnh tranh của các DN NQD.

- DN NQD có số đông người lao động có trình độ văn hóa thấp hơn dẫn đến trình độ quản lý, trình độ công nghệ thấp trong số những người lao động ở khu vực NQD có cả những người già, cán bộ công nhân viên nghỉ hưu, nghỉ mất sức hoặc không có công việc làm phải kinh doanh để kiếm sống… Do đó việc truyền tải giải thích các chính sách gặp nhiều khó khăn, công tác quản lý có nhiều trở ngại.

Tóm lại: các doanh nghiệp NQD có vai trò quan trọng trong nền kinh tế, điều này đã trả lời cho câu hỏi vì sao Nhà nước lại ưu đãi các doanh nghiệp này như vậy. Tuy nhiên các doanh nghiệp NQD là những doanh nghiệp nhỏ lẻ, hoạt động trên địa bàn rộng, ý thức chấp hành pháp luật rất thấp nên việc quản lý các doanh nghiệp NQD sẽ rất khó, nếu không quản lý tốt rất dễ dẫn tới thất thu thuế.

1.2. Một số vấn đề cơ bản về thuế giá trị gia tăng

1.2.1. Khái niệm về thuế giá trị gia tăng

Tại điều 2 Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 3 ngày 03/06/2008 có khái niệm về thuế GTGT:

"Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng". Được gọi là thuế giá trị gia tăng vì thuế chỉ đánh trên phần giá trị tăng thêm qua mỗi khâu của quá trình từ sản xuất đến kinh doanh cuối cùng là tiêu dùng, và tổng số thuế thu được ở mỗi khâu bằng tổng số thuế tính trên giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng. Về bản chất, thuế giá trị gia tăng do các nhà sản xuất kinh doanh nộp hộ người tiêu dùng thông qua việc tính gộp thuế này vào giá bán mà người tiêu dùng phải thanh toán. Do vậy, thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu.

1.2.2. Đặc điểm của thuế giá trị gia tăng

- Thuế GTGT là một loại thuế gián thu đánh vào thu nhập của người tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT thông qua hành vi mua hàng hoá, dịch vụ đó (vì vậy

thuế GTGT là một loại thuế tiêu dùng), là một yếu tố cấu thành trong giá cả hàng hoá và dịch vụ, là khoản thu được cộng thêm vào giá bán của người cung cấp, hay nói cách khác giá cả hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng mua bao gồm cả thuế GTGT.

- Thuế GTGT là loại thuế gián thu nên nó cũng mang tính chất luỹ thoái, do đó nó không đảm bảo được sự công bằng giữa những người nộp thuế.
- Thuế GTGT là một loại thuế có tính trung lập cao. Tính trung lập biểu hiện ở hai khía cạnh:

Thứ nhất, thuế GTGT không chịu ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh của người nộp thuế, do người nộp thuế chỉ là người "thay mặt" người tiêu dùng nộp hộ khoản thuế này vào NSNN. Do vậy thuế GTGT không phải là yếu tố của chi phí sản xuất mà chỉ đơn thuần là một khoản thu được cộng thêm vào giá bán của người cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Thứ hai, thuế GTGT không bị ảnh hưởng bởi quá trình tổ chức và phân chia quá trình sản xuất kinh doanh, như ta đã biết giá trị gia tăng là phần giá trị mới được tạo ra trong quá trình sản xuất kinh doanh. Nó được xác định bằng chênh lệch giữa tổng giá trị sản xuất và tiêu thụ với tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng tổng giá trị gia tăng ở tất cả các giai đoạn luân chuyển có giá trị bằng giá bán của sản phẩm ở giai đoạn cuối cùng, nên việc thu thuế trên giá trị gia tăng ở từng giai đoạn đảm bảo cho tổng số thuế thu được tương đương với số thuế tính trên giá bán trong giai đoạn cuối cùng. Chính vì thế quá trình tổ chức kinh tế và phân chia các chu trình kinh tế có diễn ra dài hay ngắn hay như thế nào đi nữa thì thuế giá trị gia tăng cũng không bị ảnh hưởng. Và tổng số thuế ở các giai đoạn luôn khớp với số tính thuế trên giá bán ở giai đoạn cuối cùng bất kể số giai đoạn nhiều hay ít.

- Về phạm vi đánh thuế: Thuế GTGT chỉ đánh vào hoạt động tiêu dùng diễn ra trong phạm vi lãnh thổ, không đánh vào hành vi tiêu dùng ngoài lãnh thổ. Đặc điểm này tạo ra sự công bằng trong những giao dịch quốc tế thông qua việc không thu thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và đánh thuế đối với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu.

1.2.3. Vai trò của thuế giá trị gia tăng

Luật thuế giá trị gia tăng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/1999, được Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam công bố theo lệnh số 57 L/CTN ngày 22/05/1997 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1999, qua thời gian thực hiện gần 20 năm, thuế giá trị gia tăng đã phát huy được tác dụng đối với nên kinh tế nói chung và các cơ sở kinh doanh nói riêng. Đồng thời thuế giá trị gia tăng có tác dụng rất lớn trong công cuộc phát triển sản xuất theo hướng

công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế. Điều này được thể hiện qua các vai trò sau:

- Thuế GTGT có tác dụng điều tiết thu nhập của nền kinh tế (điều tiết gián tiếp) thông qua điều tiết phần thu nhập của tổ chức, cá nhân được đưa ra tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng, qua đó điều tiết sản xuất, tiêu dùng, trên cơ sở đó điều tiết nền kinh tế. góp phần lành mạnh hóa nền kinh tế, tạo nên sự cạnh tranh bình đẳng giữa các chủ thể khi nó bắt buộc các chủ thể phải sử dụng hệ thống hóa đơn chứng từ.
- Thuế GTGT là khoản thu quan trọng của Ngân sách nhà nước do đối tượng điều chỉnh của thuế giá trị gia tăng là vô cùng rộng, chỉ có một số ít đối tượng không thuộc diện chịu thuế (26 nhóm theo Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành) đó là: sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi của nông dân tự sản xuất, tự bán ra, sản phẩm muối, các dịch vụ không mang tính chất kinh doanh vì lợi nhuận, các dịch vụ công cộng, dịch vụ y tế, văn hoá, giáo dục, đào tạo, thông tin đại chúng… cho nên thuế giá trị gia tăng tạo được nguồn thu lớn và tương đối ổn định cho Ngân sách Nhà nước.
- Thuế GTGT không trùng lắp nên khuyến khích các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, khuyến khích chuyên môn hoá, hợp tác hoá sản xuất, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của nước ta trong thời gian tới.
- Thuế giá trị gia tăng giúp nhà nước kiểm soát được hoạt động, sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa nhờ kiểm soát được hệ thống hóa đơn, chứng từ, khắc phục được nhược điểm của thuế doanh thu là trốn thuế. Qua đó, còn cung cấp cho công tác nghiên cứu, thống kê những số liệu quan trọng.
- Khuyến khích xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ thông qua áp dụng thuế suất 0%, doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ không những không phải chịu thuế giá trị gia tăng ở khâu xuất khẩu mà còn được hoàn toàn bộ số thuế đầu vào đã thu ở khâu trước nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng xuất khẩu có thể cạnh tranh thuận lợi trên thị trường quốc tế.
- Thúc đẩy thực hiện chế độ hạch toán kế toán; sử dụng hoá đơn, chứng từ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chống thất thu thuế đạt hiệu quả cao. Việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng được thực hiện căn cứ trên hoá đơn mua vào đã thúc đẩy doanh nghiệp hạch toán đầy đủ doanh số chưa có thuế, thuế giá trị gia tăng đầu ra, thuế giá trị gia tăng đầu vào và thực hiện tốt chế độ hoá đơn chứng từ, hạch toán kế toán.

- Thuế giá trị gia tăng là khoản thu quan trọng của Ngân sách nhà nước. Do đối tượng điều chỉnh của thuế giá trị gia tăng là vô cùng rộng, chỉ có một số ít đối tượng không thuộc diện chịu thuế (26 nhóm theo Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành) đó là: sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi của nông dân tự sản xuất, tự bán ra, sản phẩm muối, các dịch vụ không mang tính chất kinh doanh vì lợi nhuận, các dịch vụ công cộng, dịch vụ y tế, văn hoá, giáo dục, đào tạo, thông tin đại chúng… cho nên thuế giá trị gia tăng tạo được nguồn thu lớn và tương đối ổn định cho Ngân sách Nhà nước.

- Thuế GTGT góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của cả cơ quan Thuế và người nộp thuế (NNT).

- Thuế GTGT góp phần đến công tác quản lý của doanh nghiệp .

**Tóm lại:* Thuế GTGT là một sắc thuế tiên tiến; việc áp dụng thuế GTGT khắc phục nhược điểm của thuế doanh thu là "thuế chồng lên thuế". Thuế GTGT đã đem lại rất nhiều lợi ích cho quốc gia áp dụng nó thông qua việc khuyến khích sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, tăng cường đầu tư, tăng thu cho NSNN.

1.2.4. Quy định hiện hành về thuế GTGT

1.2.4.1. Người nộp thuế

Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (gọi là người nhập khẩu).

1.2.4.2. Phương pháp tính thuế

** Phương pháp khấu trừ thuế*

Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ.

* Xác định số thuế GTGT phải nộp:

Số thuế GTGT phải nộp	=	Số thuế GTGT đầu ra	-	Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế bằng số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ;

Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ bán ra ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng;

Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu và đáp ứng điều kiện đủ điều kiện được khấu trừ theo quy định của luật thuế giá trị gia tăng.

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ phải tính và nộp thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra. Khi lập hoá đơn bán hàng hóa, dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải ghi rõ giá bán chưa có thuế, thuế giá trị gia tăng và tổng số tiền người mua phải thanh toán. Trường hợp hoá đơn chỉ ghi giá thanh toán (trừ trường hợp được phép dùng chứng từ đặc thù), không ghi giá chưa có thuế và thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hoá đơn, chứng từ.

** Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng*

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT bằng giá trị gia tăng nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% áp dụng đối với hoạt động mua, bán, chế tác vàng bạc, đá quý.
- Giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý được xác định bằng giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng.
- Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bán vàng, bạc, đá quý bao gồm cả tiền công chế tác (nếu có), thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng.
- Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào được xác định bằng giá trị vàng, bạc, đã quý mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho mua bán , chế tác vàng, bạc, đá quý bán ra tương ứng.

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu.

Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu được quy định:

+ Phân phối, cung cấp hàng hóa : 1%;

+ Dịch vụ xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;

+ Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%.

+ Hoạt động kinh doanh khác: 2%.

1.2.4.3. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

* Giá tính thuế

- Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng. Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng.

Đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa vừa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, vừa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng.

Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng (+) với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) với thuế bảo vệ môi trường (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.

Giá tính thuế đối với các loại hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

**Thuế suất*

-Có các mức thuế suất như sau:

+ Thuế suất 0%

+Thuế suất 5%

+ Thuế suất 10%

1.2.4.4. Nơi nộp thuế

- Người nộp thuế kê khai, nộp thuế GTGT tại địa phương nơi sản xuất, KD.

- Người nộp thuế kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính thì phải nộp thuế GTGT tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất và địa phương nơi đóng trụ sở chính.

- Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng phương pháp trực tiếp có cơ sở sản xuất ở tỉnh, thành phố khác nơi đóng trụ sở chính hoặc có hoạt động bán hàng vãng lai ngoại tỉnh thì doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với doanh thu phát sinh ở ngoại tỉnh tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất, nơi bán hàng vãng lai.Doanh nghiệp, Hợp tác xã không phải nộp thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu tại trụ sở chính đối với doanh thu phát sinh ở ngoại tỉnh đã kê khai, nộp thuế.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh dịch vụ viễn thông có kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau tại địa phương cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính và thành lập chi nhánh hạch toán phụ thuộc nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ cùng tham gia kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau tại địa phương đó thì cơ sở kinh doanh dịch vụ viễn thông thực hiện khai, nộp thuế GTGT đối với dịch vụ viễn thông.

-Việc khai thuế, nộp thuế GTGT được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế.

1.3. Quản lý chống thất thu thuế giá trị gia tăng đối với DN NQD

1.3.1. Khái niệm và đặc điểm của thất thu thuế GTGT

1.3.1.1. Khái niệm thất thu thuế

Thất thu thuế được hiểu là hiện tượng trong đó những khoản tiền từ các cánhân, tổ chức có tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh hay có những điều kiện cơ sở vật chất nhất định so với khả năng của họ cần phải động viên vào NSNN, song vì những lý do xuất phát từ phía nhà nước hay người nộp thuế mà những khoản tiền đó không được nộp vào NSNN.

- Thất thu thuế thực: Được hiểu là những khoản tiền phải thu vào NSNN đã được quy định trong luật nhưng thực tế vì lý do nào đó không được nộp vào NSNN.

- Thất thu thuế tiềm năng: Được hiểu là những khoản tiền thuộc khả năng tiềm tàng trong nền kinh tế đáng lẽ phải được khai thác động viên vào NSNN nhưng không được quy định trong các luật thuế.

1.3.1.2. Thất thu thuế GTGT

Thất thu thuế GTGT do không bao quát hết số cơ sở sản xuất, kinh doanh: Tình trạng này xảy ra do các cơ sở sản xuất, kinh doanh không đăng ký kinh doanh, không đăng ký mã số thuế hoặc có thể đăng ký kinh doanh nhưng không đăng ký mã số thuế nhưng vẫn tiến hành sản xuất, kinh doanh. Ngoài ra cũng có thể do các cơ sở này xin tạm nghỉ kinh doanh nhưng thực tế vẫn tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nhiều đối tượng cố tình kê khai không đúng số thuế đáng lẽ phải nộp theo quy định của pháp luật cũng như thực tế mà họ đang kinh doanh. Các doanh nghiệp cũng như các hộ kinh doanh nộp thuế theo kê khai thấp hơn nhiều so với số thuế thực tế phải nộp.

Các doanh nghiệp tìm mọi cách để trốn, lậu thuế như lập 2 hệ thống sổ sách kế toán để đối phó với cơ quan thuế, thực tế cho thấy nhiều kế toán của các công ty "sở hữu" hàng trăm chữ ký khác nhau.

Trốn thuế thông qua buôn lậu, nhất là buôn bán qua biên giới không những không giảm mà có chiều hướng ngày càng tăng và phức tạp hơn trước.

Thất thu từ hoạt động xây dựng, du lịch lữ hành, vận tải tư nhân, cho thuê nhà nghỉ còn lớn do nhà nước chưa có các biện pháp quản lý các hoạt động này có hiệu quả. Các cá nhân, các hộ kinh doanh, các doanh nghiệp thường không khai báo, không đăng ký nộp thuế nhằm trốn, tránh nghĩa vụ thuế với nhà nước.

Thất thu do không bao quát hết thu nhập của người nộp thuế cũng như số lượng người phải nộp thuế thu nhập cá nhân. Hiện nay số lượng người lao động hành nghề tự do ở nước ta còn lớn, thu nhập của người lao động ở nước ta có từ nhiều nguồn thu khác nhau và thường lớn hơn nhiều so với quỹ lương nhưng nhà nước mới chỉ quản lý được phần thu nhập thông qua quỹ lương mà cá cơ quan, đơn vị chi trả, còn những khoản thu nhập từ các nguồn khác thì chưa có biện pháp quản lý hiệu quả.

Thất thu thuế từ các khoản phí, lệ phí do chưa có biện pháp quản lý có hiệu quả ví dụ như tình trạng mua, bán vé cầu đường giả diễn ra rất "tấp nập" mà nhà nước chưa có biện pháp quản lý.

Vì lợi ích cá nhân cán bộ thuế móc ngoặc với người nộp thuế để làm giảm số thuế phải nộp vào NSNN để chia chác.

Tình trạng thất thu thuế nói trên do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Do xuất phát từ người nộp thuế, trong lịch sử phát triển của xã hội nhà nước ra đời là tất yếu khách quan trong xã hội có giai cấp. Để có thể đảm bảo quyền lợi của giai cấp thống trị, nhà nước cần có nguồn tài chính để đáp ứng nhu cầu chi tiêu của mình. Nguồn này được lấy bằng cách động viên một phần thu nhập của các tầng lớp trong xã hội. Với quyền lực của mình nhà nước đặt ra các loại thuế buộc mọi cá nhân và tổ chức trong xã hội phải tuân theo. Nhu cầu chi tiêu của nhà nước càng nhiều thì mức động viên của thuế càng cao. Tuy nhiên trong nền kinh tế thị trường mục tiêu của các nhà kinh doanh là tối đa hóa lợi nhuận, vì vậy họ luôn tìm cách để làm tăng doanh thu, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình, mà thuế cũng là một khoản chi mà họ phải nộp cho nhà nước nên sẽ làm giảm lợi nhuận mà họ thu được. Do đó vì lợi ích của mình họ luôn tìm cách làm giảm số thuế đáng lẽ phải nộp mà trốn được thuế không phải nộp thì càng tốt. Như vậy trong thuế luôn tồn tại mâu thuẫn giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của người kinh doanh, vì lẽ đó tình trạng thất thu thuế là không thể tránh khỏi.

Các cơ quan quản lý nhà nước chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý thuế. Chính quyền các cấp chưa tích cực tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan thuế làm việc.

Nguyên nhân từ cơ quan thuế: Có thể do trình độ quản lý còn yếu, bộ máy tổ chức kém hiệu quả, hay có thể do trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý chưa cao hoặc có thể do chính sách thuế thay đổi liên tục, diễn giải không rõ ràng, còn có những thiếu sót, sơ hở dẫn đến việc hiểu sai luật thuế do đó sẽ dẫn đến thực hiện sai. Hoặc cũng có thể do trình độ cán bộ còn yếu nên không thể phát hiện ra những gian lận, sai sót trong các hóa đơn, chứng từ, sổ sách do vậy người nộp thuế có thể trốn thuế.

Thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế đã được cải thiện nhiều song vẫn còn nhiều phiền hà, gây khó khăn cho người nộp thuế. Nhiều quy trình quản lý thuế chưa được rà soát, xem xét sửa đổi do vậy gây tâm lý sợ đến cơ quan thuế của người nộp thuế.

Công tác kiểm tra, thanh tra thuế mặc dù đã được cải thiện nhưng hiệu quả chưa cao. Tình trạng chưa nắm bắt đủ thông tin, đánh giá đúng đối tượng mà vẫn tiến hành kiểm tra, thanh tra do vậy không phát hiện được vi phạm của các cơ sở. Bên cạnh đó việc xử lý các hành vi trốn thuế, lậu thuế còn chưa nghiêm, mức xử phạt còn quá nhẹ không có tính răn đe khiến cho tình trạng trốn thuế, buôn lậu vẫn tái phạm.

Hệ thống thuế ngày càng tăng cả về số lượng và thể loại, nhiều loại thuế có mức thuế suất còn quá cao, nhưng nhiều loại thuế lại có mức thuế suất lại quá thấp do vậy chưa đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà nước, doanh nghiệp và người lao động chính vì vậy mà việc thực hiện thuế còn gặp nhiều khó khăn.

1.3.1.3. Hậu quả của thất thu thuế

Thất thu thuế xảy ra sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đất nước như:

** Ảnh hưởng tới chi tiêu của nhànước:*

- Thuế là nguồn thu chủ yếu của nhà nước, thông qua việc thu thuế nhà nước tập trung một phần nguồn lực xã hội vào tay mình để tiến hành hoạt động, tuy nhiên khi xảy ra tình trạng thất thu thuế thì nguồn thu của nhà nước sẽ giảm đi, khi đó sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch chi tiêu của nhà nước. Đứng trước tình hình đó nhà nước buộc phải:

- Giảm bớt các khoản chi đã dự định: Khi đó kế hoạch của nhà nước sẽ phải thay đổi, do vậy các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội có thể sẽ không đạt được như kế hoạch đã đề ra.

- In thêm tiền chi tiêu để thực hiện theo kế hoạch đã đề ra: Khi đó lượng tiền đưa vào lưu thông quá nhiều sẽ dẫn đến tình trạng lạm phát ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự ổn định vàphát triển của đất nước.

- Vay nợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước: Khi đó sẽ để lại ngánh nặng nợ trong tương lai nhất là khi các khoản đầu tư này không mang lại hiệu quả như mong muốn.

** Ảnh hưởng đến việc điều chỉnh, định hướng cơ cấu nền kinh tế:*

- Thông qua chính sách thuế nhà nước có thể điều chỉnh cơ cấu nền kinh tế theo vùng, theo lãnh thổ, theo lĩnh vực đảm bảo sự phát triển hài hòa, đồng đều giữa các vùng trong cả nước.

- Để thúc đẩy phát triển ở một vùng có kinh tế lạc hậu, bằng việc thi hành chính sách ưu đãi đối với nhà đầu tư ở vùng đó, như miễn thuế trong một khoảng thời gian, ưu đãi về thuế suất… để kêu gọi đầu tư, tuy nhiên mục tiêu của nhà kinh doanh là tối đa hóa lợi nhuận do vậy khi nghiên cứu họ thấy là nếu tiến hành kinh doanh tại địabàn đang được khuyến khích mặc dù có lợi nhuận nhưng nếu thấp hơn ở vùng mà họ đang kinh doanh do họ đã tìm được cách trốn thuế, lậu thuế thì rất khó để thu hút họ đầu tư vào đó. Hoặc để thúc đẩy những ngành nghề, lĩnh vực mà nhà nước cần phát triển mặc dù có những ưu đãi về thuế nhưng ở lĩnh vực mà họ đang kinh doanh mà họ trốn lậu được thuế thì cũng khó để họ đầu tư vào lĩnh vực mà nhà nước khuyến khích do vậy có thể làm cho nền kinh tế phát triển không bền vững.

** Ảnh hưởng đến mọi mặt xãhội:*

- Một trong những mục tiêu của thuế là đảm bảo công bằng xã hội, tuy nhiên khi xảy ra tình trạng thất thu thuế thì có doanh nghiệp nhà nước thu đủ thuế, có doanh nghiệp nhà nước chỉ thu được một phần thuế, thậm chí có doanh nghiệp nhà nước không thu được thuế do đó sẽ có sự không công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước. Ngoài ra thông qua thu thuế, nhà nước có nguồn tài chính để thực hiện phân bổ lại của cải xã hội. Ví dụ như xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng còn khó khăn, chi trợ cấp cho người nghèo… nhưng khi thất thu thuế xảy ra thì nhà nước có thể sẽ không có khả năng để thực hiện.

- Bên cạnh đó khi xảy ra tình trạng thất thu thuế còn tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp.

- Như vậy có thể thấy rằng thất thu thuế có ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt của xã hội, đến sự phát triển bền vững của đất nước. Do vậy chống thất thu thuế là đòi hỏi khách quan của mọi nền kinh tế.

1.3.1.4. Sự cần thiết phải chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD

** Xuất phát từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh*

Sự tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp xuất phát từ nhiều yếu tố trong đó có một số yếu tố chủ yếu sau:

- Mức độ tuân thủ thuế của doanh nghiệp nhất là DN NQD phụ thuộc vào sự hiểu biết về luật thuế, những yêu cầu của luật thuế. Nhiều doanh nghiệp không nhận thức được, hoặc không hiểu được nghĩa vụ thuế cũng như quy trình tuân thủ. Chính điều này làm gia tăng tỷ lệ lỗi trong kê khai thuế và cản trở việc tuân thủ pháp luật thuế của các doanh nghiệp.
- Các doanh nghiệp mới thành lập thường thiếu kiến thức về luật thuế, nghĩa vụ thuế và quy trình tuân thủ thuế, các hoạt động trốn thuế, tránh thuế thường thô sơ và dễ bị phát hiện. Ngược lại các doanh nghiệp "có tuổi" thường hiểu rõ về luật thuế và quy trình nộp thuế vì vậy nếu không có chính sách thuế hợp lý, cơ chế ràng buộc chặt chẽ, chế tài xử lý nghiêm thì họ thường sử dụng các biện pháp tinh vi để trốn, tránh thuế.
- Yếu tố tâm lý của các doanh nghiệp: Các doanh nghiệp nộp thuế vào NSNN nhưng khi họ nhận thức rằng việc đóng thuế của họ là không công bằng, nghĩa vụ nộp thuế là không bình đẳng thì họ sẽ tìm mọi cách để làm giảm số thuế phải nộp.

Bên cạnh đó là tâm lý lo lắng về khả năng xảy ra vi phạm pháp luật thuế như tính toán sai thu nhập chịu thuế, thanh toán không đúng… làm cho họ ngại khi đến cơ quan thuế nộp thuế.

- Ngoài ra còn có một số yếu tố khác như lãi suất thị trường, lãi suất ngân hàng cũng ảnh hưởng đến quyết định tuân thủ, trì hoãn, hay không tuân thủ thuế. Khi lãi suất tăng cao doanh nghiệp sẽ trì hoãn việc nộp thuế hoặc có khả năng trốn thuế hay tránh thuế. Hay như tình trạng lạm phát quá cao sẽ ảnh hưởng tới mức sinh lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh do vậy cũng có thể ảnh hưởng tới việc tuân thủ nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.

Sự vi phạm dù là vô tình hay cố ý đều có ảnh hưởng xấu đến nhiều khía cạnh của đất nước. Do đó có thể nói sự tăng cường công tác chống thất thu thuế đối với các doanh nghiệp đặc biệt là các DN NQD vô cùng cần thiết tăng thu cho NSNN, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp cũng như các thành phần khác trong nền kinh tế, phát huy và nâng cao vai trò điều tiết, định hướng kinh tế của nhà nước, góp phần đưa chính sách thuế vào cuộc sống để cho các sắc thuế

nói chung cũng như sắc thuế GTGT nói riêng không chỉ là công cụ đắc lực của nhà nước trong điều tiết nền kinh tế mà còn góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

** Xuất phát từ tầm quan trọng của thuế giá trị gia tăng*

Ở Việt Nam, thuế GTGT là sắc thuế có đóng góp lớn cho NSNN hàng năm. Cụ thể tỷ trọng đóng góp của loại thuế này như bảng 1.1.

Bảng 1.1. Tỷ trọng một số khoản thuế trong tổng thu NSNN

Đơn vị tính : %

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
Tổng thu NSNN	100,00	100,00	100,00
Thuế GTGT	21,06	19,19	25,66
Thuế TNDN	24,21	25,89	24,44
Thuế XNK	9,17	9,40	8,03
Thuế TTĐB	8,37	5,31	5,72

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Thuế GTGT luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách hàng năm và có xu hướng tăng lên, năm 2012 thuế GTGT chiếm 21,06 % trong tổng thu NSNN thì đến năm 2014 tỷ lệ này là 25,66%.

Với xu hướng hội nhập của kinh thế thế giới nhất là từ khi nước ta đã gia nhập WTO, theo cam kết nhiều loại thuế nhập khẩu đã được miễn, giảm đồng nghĩa với đó là một nguồn ngân sách lớn của nhà nước đã bị mất đi (năm 2014 thu từ thuế XNK chiếm khoảng 8,03% trong tổng thu NSNN). Vì vậy để đảm bảo chi tiêu của mình bên cạnh việc nghiên cứu, hoàn thiện và đưa ra sắc thuế mới (như thuế thu nhập cá nhân), nhà nước cần phải tăng cường các biện pháp quản lý các loại thuế hiện có nhằm đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thất thu thuế nhất là đối với thuế GTGT.

Mặt khác sắc thuế này còn là công cụ đắc lực của nhà nước trong việc quản lý, điều tiết nền kinh tế, thông qua việc ưu đãi về giãn, giảm thuế nhà nước có thể tháo gỡ khó khăn,khuyến khích phát triển kinh tế để từ đó tăng thu cho ngân sách nhà nước.

Ngoài ra việc quản lý tốt sắc thuế này cũng góp phần đảm bảo sự công bằng giữa các doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, bên cạnh đó nhà nước có thể có nguồn tài chính để thực hiện các mục tiêu xã hội của mình.

1.3.2. Nội dung quản lý chống thất thu thuế GTGT

1.3.2.1. Khái niệm về quản lý chống thất thu thuế GTGT

Để nắm rõ hơn về công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT trước tiên phải hiểu được:

Quản lý thuế là việc chủ thể quản lý thuế áp dụng các quy trình quản lý thuế tác động vào chủ thể quản lý thuế nhằm đạt được kết quả mong muốn hoặc mục tiêu đặt ra.

Quy trình quản lý thuế được xây dựng dựa trên quy định của pháp luật về thuế hiện hành và các quy định khác có liên quan trong đó nêu rõ nội dung, trình tự xử lý công việc trong từng nội dung của quản lý thuế.

Quản lý thuế GTGT là một trong những chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế; đó là kiểm tra, xác định tính đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu trong hồ sơ thuế nhằm đánh giá sự tuân thủ pháp luật về thuế của người nộp thuế. Kiểm tra thuế được thực hiện tại trụ sở cơ quan thuế và tại trụ sở của người nộp thuế.

Quản lý chống thất thu thuế GTGT ngoài việc giúp cơ quan thuế kiểm soát các căn cứ tính thuế; phát hiện, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm, các hình thức gian lận thuế GTGT còn có tác dụng để đánh thuế công bằng, hợp lý nghĩa vụ thuế giữa các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp.Từ đó tăng nguồn thu cho NSNN hạn chế thất thu thuế .

1.3.2.2. Công tác quản lý đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế

**Quản lý đăng ký thuế*

-Đăng ký thuế là việc người nộp thuế thực hiện khai báo sự hiện diện của mình và nghĩa vụ phải nộp thuế với cơ quan quản lý thuế.

- Đối tượng thuộc diện phải đăng ký thuế thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày:

+ Được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đầu tư;

+ Bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với tổ chức không thuộc diện đăng ký kinh doanh hoặc hộ gia đình, cá nhân thuộc diện đăng ký kinh doanh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Phát sinh tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của pháp luật về thuế đối với các chủ dự án (hoặc đại diện được uỷ quyền như ban quản lý công trình).

- Cơ quan thuế cung cấp mẫu tờ khai đăng ký thuế, hướng dẫn các thủ tục, kê khai hồ sơ đăng thuế, cấp mã số thuế và giấy chứng nhận đăng ký thuế đúng thời hạn quy định. Trường hợp kiểm tra phát hiện hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, thông tin kê khai chưa chính xác, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế chậm nhất không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trong đó nêu rõ các nội dung còn thiếu, sai và yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa.

** Quản lý kê khai thuế*

- Khai thuế là việc người nộp thuế tự xác định số thuế GTGT phải nộp phát sinh trong kỳ kê khai thuế để kê khai số thuế phải nộp với cơ quan thuế và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong hồ sơ khai thuế theo qui định của Luật Quản lý thuế.
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài không có văn phòng hay trụ sở chính ở Việt Nam, nhưng có cung ứng hàng hóa dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho các đối tượng ở Việt Nam, thì các đối tượng này sẽ phải kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng thay cho phía nước ngoài. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp được tính trên giá hàng hóa, dịch vụ trả cho phía nước ngoài.
- Các cơ sở kinh doanh, người nhập khẩu có nhập khẩu hàng hóa chịu thuế GTGT, phải kê khai và nộp tờ khai thuế GTGT cùng với kê khai thuế nhập khẩu theo từng chuyến hàng nhập khẩu cho cơ quan thu thuế nhập khẩu.
- Về nguyên tắc, người nộp thuế phải tự xác định số thuế phải nộp, kê khai và nộp số thuế kê khai vào ngân sách nhà nước theo đúng thời hạn. Tuy nhiên, do điều kiện khách quan hoặc do ý thức của người nộp thuế nên thực tế còn có trường hợp người nộp thuế cố tình chậm hoặc không kê khai thuế, trong trường hợp đó luật Quản lý thuế quy định cơ quan thuế được quyền ấn định thuế và ra thông báo ấn định thuế cho người nộp thuế. Đây là cơ sở pháp lý để cơ quan thuế thực hiện quyền ấn định thuế cũng như hạn chế tình trạng lạm dụng khi thực hiện ấn định thuế, đảm bảo công bằng trong công tác quản lý thuế.
- Các cơ sở kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng phải kê khai thuế hàng tháng và nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp sau tháng phát sinh nghĩa vụ thuế hoặc ngày thứ 30 của tháng đầu tiên của quý.

- Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng bao gồm:

+ Tờ khai thuế giá trị gia tăng

+ Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra

+ Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào

+ Các tài liệu khác có liên quan đến số thuế giá trị gia tăng phải nộp.

**Quản lý nộp thuế*

- Trường hợp cơ quan thuế và cơ quan kho bạc nhà nước (KBNN) chưa thực hiện dự án "Hiện đại hoá thu nộp NSNN":

Hàng ngày công chức thuế đảm nhiệm công tác kế toán thuế sang cơ quan kho bạc nhà nước cùng cấp để nhận bảng kê chứng từ nộp tiền và 01 liên chứng từ nộp tiền tại kho bạc nhà nước của số tiền thuế đã nộp và thực hiện các công việc sau:

+ Phân loại các chứng từ nộp tiền

+ Thực hiện kiểm tra các chứng từ nộp tiền đảm bảo đúng mẫu và đầy đủ các chỉ tiêu theo quy định bao gồm: mã số thuế, tên NNT, địa chỉ, nơi nộp tiền, cơ quan quản lý thuế, tài khoản nộp thuế, tài khoản chuyển tiền của NNT (nếu nộp thuế bằng chuyển khoản), cấp, chương, tên loại thuế (mục, tiểu mục), kỳ thuế nộp, ngày nộp tiền, nội dung nộp và số tiền thuế đã nộp.

+ Nhập các chứng từ nộp tiền đã kiểm tra vào ứng dụng quản lý thuế.

+ Hạch toán số tiền thuế đã nộp vào sổ theo dõi thu nộp thuế và các sổ thuế có liên quan.

- Trường hợp cơ quan thuế và cơ quan Kho bạc Nhà nước đã thực hiện dự án "Hiện đại hoá thu nộp NSNN": Việc chuyển chứng từ nộp tiền được thực hiện qua các phương tiện điện tử, cụ thể:

+ Cuối ngày, hoặc đầu giờ ngày làm việc tiếp theo, KBNN truyền dữ liệu về số thuế đã thu vào hệ thống cơ sở dữ liệu thu, nộp thuế; đồng thời, lập Bảng kê chứng từ nộp ngân sách chi tiết theo từng chứng từ đã thu trong ngày, chuyển cho cơ quan thuế quản lý NNT làm chứng từ hạch toán, kế toán quản lý thu. Công chức kế toán thuế thực hiện nhận tệp dữ liệu và chuyển vào cơ sở dữ liệu quản lý thuế.

+ Hàng ngày bộ phận kê khai và kế toán thuế cử cán bộ sang cơ quan KBNN cùng cấp để nhận bảng kê chứng từ nộp ngân sách. Trường hợp đã thực hiện chữ ký số thì cơ quan thuế nhận bảng kê chứng từ nộp ngân sách tại KBNN đồng cấp hoặc KBNN uỷ quyền thu NSNN theo đường điện tử.

+ Đối chiếu số liệu về số thuế đã thu giữa bảng kê chứng từ nộp ngân sách và dữ liệu về số thuế đã thu bằng đường truyền, hạch toán số tiền thuế đã nộp vào sổ theo dõi thu nộp thuế và các sổ thuế có liên quan.

Chậm nhất ngày 10 tháng sau, bộ phận kê khai và kế toán thuế thực hiện chốt sổ và khoá Sổ theo dõi thu nộp thuế tháng trước. Sau khi khoá sổ, mọi số liệu trên Sổ theo dõi thu nộp thuế các tháng trước sẽ không được điều chỉnh, bổ sung.

+ Hàng tháng, bộ phận kê khai và kế toán thuế thực hiện rà soát, kiểm tra việc xử lý các hồ sơ khai thuế, chứng từ nộp thuế, quyết định, thông báo, biên bản, kết luận,… liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế đảm bảo đã hạch toán ghi chép đầy đủ nghĩa vụ thuế phát sinh trong kỳ của người nộp thuế vào sổ theo dõi thu nộp thuế bao gồm: số tiền thuế, tiền phạt phát sinh phải nộp, đã nộp, được miễn, giảm, xoá nợ, còn phải nộp, nộp thừa, còn được khấu trừ của người nộp thuế trên tài khoản thu NSNN; Số thuế phải hoàn, đã hoàn, còn phải hoàn của người nộp thuế trên tài khoản quỹ hoàn thuế giá trị gia tăng ; Số tiền thuế phát sinh phải nộp, đã nộp, còn phải nộp, nộp thừa của người nộp thuế trên tài khoản thu hồi hoàn thuế giá trị gia tăng.

Trình tự nộp thuế

- Người nộp thuế có nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn vào NSNN.
- Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.
- Những đối tượng phải nộp thuế giá trị gia tăng khi có thông báo nộp thuế của cơ quan thuế thì phải nộp thuế giá trị gia tăng đầy đủ đúng hạn vào NSNN theo thời hạn ghi trên thông báo.

Trường hợp người nộp thuế vừa có số tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh, tiền phạt thì việc thanh toán được thực hiện theo trình tự sau đây:

1. Tiền thuế nợ
2. Tiền thuế truy thu
3. Tiền thuế phát sinh;
4. Tiền phạt.

1.3.2.3. Quản lý công tác hoàn thuế GTGT

**** Các trường hợp được xét hoàn thuế***

+ Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT nếu trong 3 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết. Số thuế được hoàn là số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết của thời gian xin hoàn thuế.

Theo quy định mới về thuế GTGT từ 01/01/2014: Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa

được khấu trừ hết trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc trong quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo; trường hợp lũy kế sau ít nhất mười hai tháng tính từ tháng đầu tiên hoặc sau ít nhất bốn quý tính từ quý đầu tiên phát sinh số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết mà vẫn còn số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế.

+ Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, nếu thời gian đầu tư từ 01 năm trở lên thì được hoàn thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho đầu tư theo từng năm. Trường hợp, nếu số thuế GTGT luỹ kế của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 200 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT (từ 01/01/2014 số thuế GTGT luỹ kế của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT)

+ Cơ sở kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư thì cơ sở kinh doanh phải kê khai bù trừ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư mới cùng với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện. Sau khi bù trừ nếu có số thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư. Trường hợp số thuế GTGT đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư dưới 300 triệu đồng và 3 tháng chưa được khấu trừ hết thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế.

Trường hợp cơ sở kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư cơ sở sản xuất mới tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính, đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động, chưa đăng ký kinh doanh, chưa đăng ký thuế, nếu có số thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 200 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư. Cơ sở kinh doanh phải kê khai, lập hồ sơ hoàn thuế riêng đối với trường hợp này. Trường hợp có ban quản lý dự án thì ban quản lý dự án thực hiện đăng ký, kê khai lập hồ sơ hoàn thuế riêng với cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký thuế (trừ ban quản lý dự án cùng địa bàn tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính do doanh nghiệp trụ sở chính lập hồ sơ hoàn thuế GTGT). Khi dự án đầu tư thành lập doanh nghiệp

mới đã hoàn thành và hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế, cơ sở kinh doanh là chủ dự án đầu tư phải tổng hợp số thuế GTGT phát sinh, số thuế GTGT đã hoàn, số thuế GTGT chưa được hoàn của dự án để bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập để doanh nghiệp mới thực hiện kê khai, nộp thuế và đề nghị hoàn thuế GTGT theo quy định với cơ quan thuế quản lý trực tiếp (từ ngày 01/01/2014 số tiền là 300 triệu đồng trở lên).

+ Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng.

+ Cơ sở kinh doanh trong tháng vừa có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hoá, dịch vụ bán trong nước, có số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên, nhưng sau khi bù trừ với số thuế GTGT đầu ra của hàng hoá, dịch vụ bán trong nước trên tờ khai của tháng phát sinh, nếu số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ nhỏ hơn 200 triệu đồng thì cơ sở kinh doanh không được xét hoàn thuế theo tháng, nếu số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT theo tháng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu (Từ ngày 01/01/2014 số tiền là 300 triệu đồng trở lên)

Trường hợp không hạch toán riêng được số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thì số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được phân bổ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu trong kỳ với tổng doanh thu của cơ sở kinh doanh trong kỳ.

Đối tượng được hoàn thuế trong một số trường hợp xuất khẩu như sau: Đối với trường hợp uỷ thác xuất khẩu, là cơ sở có hàng hoá uỷ thác xuất khẩu; đối với gia công chuyển tiếp, là cơ sở ký hợp đồng gia công xuất khẩu với phía nước ngoài; đối với hàng hoá xuất khẩu để thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài, là doanh nghiệp có hàng hoá, vật tư xuất khẩu thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài; đối với hàng hoá xuất khẩu tại chỗ là cơ sở kinh doanh có hàng hoá xuất khẩu tại chỗ.

**** Điều kiện và thủ tục hoàn thuế***

Các cơ sở kinh doanh, tổ chức thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT theo quy định phải là cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép đầu tư (giấy phép hành

nghề) hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền, có con dấu theo đúng quy định của pháp luật, lập và lưu giữ sổ kế toán, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng theo mã số thuế của cơ sở kinh doanh.

Trường hợp cơ sở kinh doanh đã kê khai đề nghị hoàn thuế trên tờ khai thuế GTGT thì không được kết chuyển số thuế đầu vào đã đề nghị hoàn thuế vào số thuế được khấu trừ của tháng tiếp sau.

Hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết theo quy định của pháp luật về thuế GTGT, hoặc đối với trường hợp đang trong giai đoạn đầu tư chưa có thuế giá trị gia tăng đầu ra, hoặc bù trừ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư cùng với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh; trường hợp xuất khẩu là giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu quy định.

Cơ quan thuế có trách nhiệm hoàn thuế giá trị gia tăng

Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau (trừ trường hợp hoàn thuế nộp thừa đã có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) thì chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế, căn cứ hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế, thủ trưởng cơ quan thuế các cấp phải ban hành thông báo về việc chuyển hồ sơ sang diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau hoặc quyết định hoàn thuế hoặc quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước và (hoặc) thông báo về việc không được hoàn thuế theo mẫu quy định gửi cho người nộp thuế (từ ngày 01/01/2014 số ngày rút xuống là 6 ngày)

Đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau (trừ trường hợp hoàn thuế nộp thừa đã có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) thì chậm nhất là 40 (Bốn mươi) ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế, thủ trưởng cơ quan thuế các cấp phải ban hành quyết định hoàn thuế hoặc quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước và (hoặc) thông báo về việc không được hoàn thuế theo mẫu quy định gửi người nộp thuế (từ ngày 01/01/2014 số ngày rút xuống là 40 ngày).

Thời gian giãn, hoãn việc kiểm tra trước hoàn thuế do nguyên nhân từ phía người nộp thuế không tính trong thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế.

Trường hợp cơ quan thuế kiểm tra xác định số thuế đủ điều kiện được hoàn khác số thuế đề nghị hoàn thì xử lý như sau:

- Nếu số thuế đề nghị hoàn lớn hơn số thuế đủ điều kiện được hoàn thì người nộp thuế được hoàn bằng số thuế đủ điều kiện được hoàn.

- Nếu số thuế đề nghị hoàn nhỏ hơn số thuế đủ điều kiện được hoàn thì người nộp thuế được hoàn bằng số thuế đề nghị hoàn.

Thẩm quyền hoàn thuế GTGT: Cục trưởng cục thuế có thẩm quyền ban hành quyết định hoàn thuế GTGT cho các tổ chưc, cá nhân thuộc phạm vị quản lý của mình bao gồm cả các doanh nghiệp do các Chi cục thuế quản lý trên địa bàn Tỉnh.

Trường hợp giải quyết hồ sơ hoàn thuế chậm do lỗi của cơ quan thuế thì ngoài số tiền thuế được hoàn theo quy định, người nộp thuế còn được trả tiền lãi tính trên số thuế bị hoàn chậm cho thời gian chậm giải quyết hoàn thuế theo quy định.

1.3.2.4. Quản lý công tác tuyên truyền và hỗ trợ về thuế

Hiện nay, ngành Thuế ngày càng triển khai đa dạng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ NNT như: Tổ chức các hội nghị đối thoại trực tiếp với NNT; mở nhiều chuyên mục tuyên truyền về chính sách pháp luật thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng; lập các kênh cung cấp thông tin cho NNT (website, điện thoại, hộp thư điện tử, đường dây nóng, tổ chức lắng nghe ý kiến NNT); tổ chức các hội nghị tôn vinh thành tích của các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt nghĩa vụ thuế hàng năm...

Đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế phải đối mặt với tốc độ tăng trưởng chậm, những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ vốn tiềm ẩn từ các năm trước đã tác động không nhỏ đến doanh nghiệp và NNT, đòi hỏi công tác quản lý thuế nói chung, công tác tuyên truyền hỗ trợ (TTHT) phải đi sâu, bám sát vào thực tế hoạt động của doanh nghiệp, tạo mọi điều kiện thuận lợi, tận tình hướng dẫn và nhanh chóng giải quyết thủ tục hành chính cho NNT, góp phần phát huy hiệu quả giải pháp hỗ trợ về thuế của Nhà nước, để doanh nghiệp cùng chung tay, chung sức với Nhà nước vượt qua giai đoạn khó khăn về kinh tế hiện nay.

Để công tác TTHT đạt hiệu quả cao, bộ phận TTHT các cấp đã triển khai nhiều biện pháp đồng bộ: Phối hợp chặt chẽ, xây dựng quy chế phối hợp tuyên tuyền, phổ biến pháp luật thuế giữa các cơ quan: như Báo, đài phát thanh và truyền hình....

Triển khai kịp thời các lớp tập huấn để phổ biến, hỗ trợ cho NNT biết và hiểu rõ các chính sách, qui định về thuế, đặc biệt là những chủ trương, chính sách, qui định mới, và các ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) hỗ trợ NNT, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế của NNT.

Đẩy mạnh công tác đối thoại với doanh nghiệp theo định kỳ và theo yêu cầu thực tế nhằm giải đáp trực tiếp các câu hỏi, ý kiến phản ánh, vướng mắc của doanh

nghiệp về chính sách thuế, thủ tục hành chính thuế, tiếp thu các ý kiến đóng góp của NNT, trên cơ sở đó nghiên cứu và trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các chính sách, qui định về thuế, chấn chỉnh công tác quản lý thuế, thái độ, ứng xử của công chức thuế cho phù hợp.

Cơ quan Thuế đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ phong phú, đa dạng, tăng cường chất lượng công tác hỗ trợ NNT thông qua các phương thức hỗ trợ: Hướng dẫn, trả lời NNT bằng văn bản; qua điện thoại; hỗ trợ trực tiếp tại cơ quan thuế thông qua bộ phận "một cửa" tại Văn phòng Cục Thuế và Chi cục thuế... Tổ chức khen thưởng các doanh nghiệp, cá nhân và các tổ chức thực hiện tốt pháp luật thuế nhằm ghi nhận sự đóng góp về thuế của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp vào sự phát triển của đất nước nói chung và của các địa phương nói riêng.

Trong thời gian vừa qua một số chính sách về thuế GTGT đã được sửa đổi bổ sung. Để giúp NNT nắm bắt kịp thời về các chính sách đó ngành Thuế đã tập trung tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn những nội dung mới, bổ sung quan trọng về thuế GTGT như thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính thông tư hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT và nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế GTGT. Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013; Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013…

1.3.2.5. Quản lý công tác thanh tra, kiểm tra về thuế

Thanh tra, kiểm tra thuế là một trong bốn chức năng cơ bản của quản lý thuế theo mô hình chức năng. Bên cạnh việc tôn trọng kết quả tự tính, tự khai tự nộp thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế thực hiện các biện pháp giám sát hiệu quả vừađảm bảo khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện, vừa đảm bảo phát hiện ngăn ngừa các trường hợp vi phạm pháp luật thuế. Thanh tra, kiểm tra là một biện pháp hữu hiệu nhằm phát hiện ngăn ngừa vi phạm, giúp người nộp thuế nhận thấy luôn có một hệ thống giám sát hiệu quả tồn tại và kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm của họ.

a/ Công tác kiểm tra thuế

- Kiểm tra thuế được thực hiện dưới hai hình thức: kiểm tra tại bàn và kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế.

**** Kiểm tra tại bàn***

+ Kiểm tra tính đầy đủ trong hồ sơ khai thuế.

+ Kiểm tra để làm rõ nội dung cần bổ sung trong hồ sơ thuế.

+ Trình tự kiểm tra thực hiện theo quy trình kiểm tra thuế ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-TCT ngày 29/05/2008 của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế cụ thể như sau:

Thu thập, khai thác thông tin để kiểm tra hồ sơ khai thuế

Bộ phận kiểm tra thuế và cán bộ kiểm tra thuế sử dụng dữ liệu kê khai thuế của người nộp thuế trong hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành và những dữ liệu thông tin của người nộp thuế chưa được nhập vào hệ thống dữ liệu của ngành (nếu có) để kiểm tra tất cả các hồ sơ khai thuế; phân tích, đánh giá lựa chọn các cơ sở kinh doanh có rủi ro về việc kê khai thuế.

Lựa chọn cơ sở kinh doanh để lập danh sách kiểm tra hồ sơ khai thuế

Hàng năm các phòng kiểm tra thuộc Cục Thuế; tổ kiểm tra thuộc Chi cục Thuế phải kiểm tra sơ bộ tất cả các loại hồ sơ khai thuế. Phân tích, đánh giá, lựa chọn các cơ sở kinh doanh có rủi ro về thuế để lập danh sách phải kiểm tra.

Duyệt và giao nhiệm vụ kiểm tra hồ sơ khai thuế

Nội dung kiểm tra hồ sơ thuế:

Kiểm tra việc ghi chép phản ánh các chỉ tiêu trong hồ sơ khai thuế. Trường hợp phát hiện người nộp thuế không ghi chép, phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu trong hồ sơ khai thuế, cán bộ kiểm tra thuế phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan Thuế ra thông báo yêu cầu người nộp thuế bổ sung các chỉ tiêu chưa phản ánh trong hồ sơ khai thuế.

Kiểm tra các căn cứ tính thuế để xác định số thuế phải nộp; số tiền thuế được miễn, giảm; số tiền hoàn thuế... theo phương pháp đối chiếu so sánh như sau:

+ Đối chiếu với các quy định của các văn bản pháp luật về thuế.

+ Đối chiếu các chỉ tiêu trong tờ khai thuế với các tài liệu kèm theo.

+ Đối chiếu các chỉ tiêu phản ánh trong tờ khai thuế, các tài liệu kèm theo tờ khai thuế với tờ khai thuế, các tài liệu kèm theo tờ khai thuế tháng trước, quý trước, năm trước.

+ Đối chiếu với các dữ liệu của người nộp thuế có quy mô kinh doanh tương đương, có cùng ngành nghề, mặt hàng kinh doanh.

+ Đối chiếu với các thông tin, tài liệu thu thập được từ các nguồn khác. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan Thuế

Kết thúc kiểm tra mỗi hồ sơ khai thuế, cán bộ kiểm tra thuế phải nhận xét hồ sơ khai thuế theo mẫu quy định.

Xử lý sau khi nhận xét hồ sơ khai thuế

+ Đối với các hồ sơ khai thuế khai đầy đủ chỉ tiêu; đảm bảo tính hợp lý, chính xác của các thông tin, tài liệu; không có dấu hiệu vi phạm thì bản nhận xét hồ sơ khai thuế được lưu lại cùng với hồ sơ khai thuế.

+ Đối với các hồ sơ khai thuế phát hiện thấy căn cứ để xác định số thuế khai là có nghi vấn thì cán bộ kiểm tra thuế phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan Thuế ra thông báo yêu cầu người nộp thuế hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

+ Đối với hồ sơ khai thuế, số liệu khai phát hiện thấy chưa chính xác hoặc có những chỉ tiêu cần làm rõ liên quan đến số thuế phải nộp; số tiền thuế được miễn, giảm; số thuế được hoàn... Cán bộ kiểm tra thuế phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan Thuế ra thông báo bằng văn bản đề nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu.

Thực hiện nhận xét hồ sơ khai thuế và lưu vào cùng hồ sơ nếu chấp nhận việc kê khai của đơn vị, trường hợp có phát hiện sai sót thì có thể liên hệ với NNT qua điện thoại yêu cầu NNT kê khai điều chỉnh đối với những lỗi số học thông thường, thiếu chỉ tiêu để NNT kê khai bổ sung.

Đối với những trường hợp hồ sơ khai thuế, số liệu khai phát hiện thấy chưa chính xác hoặc có những chỉ tiêu cần làm rõ liên quan đến số thuế phải nộp; số tiền thuế được miễn, giảm; số thuế được hoàn... Cán bộ kiểm tra thuế phải báo cáo Lãnh đạo phòng để trình Lãnh đạo Cục phụ trách ra thông báo bằng văn bản đề nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu trong một thời hạn nhất định (10 ngày).

Trường hợp NNT giải trình được những nội dung yêu cầu và hồ sơ khai thuế được chập nhận. Trường hợp NNT không giải trình hoặc giải trình không phù hợp thì trình Lãnh đạo cục ban hành quyết định ấn định thuế (nếu có cơ sở) hoặc ban hành quyết định kiểm tra tại trụ sở của NNT.

**** Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế:***

Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo thông báo của cơ quan thuế; không khai bổ sung hồ sơ thuế hoặc giải trình, khai bổ sung hồ sơ thuế nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng; hoặc cơ quan thuế không đủ căn cứ để ấn định số thuế phải nộp theo quy định của Luật quản lý thuế.

Kiểm tra đối với trường hợp qua phân tích, đánh giá việc chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế xác định có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Kiểm tra đối với các trường hợp kiểm tra trước hoàn thuế sau và kiểm tra sau hoàn thuế theo quy định.

Kiểm tra đối với các trường hợp được lựa chọn theo kế hoạch, chuyên đề.

Kiểm tra đối với các đối tượng chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản, cổ phần hoá, đóng mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

b/ Công tác thanh tra thuế

- Các trường hợp thực hiện thanh tra tại trụ sở của người nộp thuế

Thanh tra theo kế hoạch được tiến hành theo kế hoạch đã được phê duyệt:

Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế; thanh tra để giải quyết khiếu nại, tố cáo, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản, cổ phần hoá; hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế các cấp hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Nguyên tắc thanh tra

+ Bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời. Các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý thanh tra phải bảo đảm tính chính xác, khách quan, trung thực; nghiêm cấm việc cố ý kết luận sai sự thật, quyết định, xử lý trái pháp luật, bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật.

+ Thanh tra thuế nhất thiết phải dựa trên tư tưởng pháp trị, có nghĩa là mọi cuộc thanh tra thuế đều phải dựa trên cơ sở các văn bản pháp quy của nhà nước, lấy đó làm chuẩn mực cho việc đánh giá, suy xét các sự kiện, các vụ việc được thanh tra.

+ Thực hiện trên cơ sở phân tích thông tin, dữ liệu liên quan đến người nộp thuế, đánh giá việc chấp hành pháp luật của người nộp thuế, xác minh và thu thập chứng cứ để xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

+ Không cản trở hoạt động bình thường của người nộp thuế.

+ Tuân thủ quy định của luật quản lý thuế và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Nội dung thanh tra

+ Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành những quy định về đăng ký thuế, kê khai nộp thuế.

+ Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ. Thanh tra thuế có nhiệm vụ đối chiếu những quy định của Nhà nước với tình hình áp dụng chế độ kê toán, hóa đơn chứng từ thực tế của các doanh nghiệp để tìm ra những sai sót nhằm khắc phục tình trạng gian lận trong việc kê khai, tính thuế của doanh nghiệp.

+ Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho NSNN. Để kiểm tra việc tính và chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của các tổ chức, cá nhân nhằm đảm bảo nộp đầy đủ, đúng hạn tiền thuế vào NSNN.

1.3.2.6. Công tác quản lý nợ thuế

Căn cứ vào quy trình quản lý nợ thuế số 1395/QĐ-TCT ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Tổng cục thuế, có những nội dung sau:

- Đôn đốc thu và xử lý tiền thuế nợ;

- Lập thông báo tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp, trình lãnh đạo cơ quan thuế phê duyệt và gửi thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 07/QLN.

Sau khi phát hành thông báo 07/QLN mười (10) ngày làm việc nếu người nộp thuế chưa nộp tiền thuế nợ vào NSNN thì phải mời người nộp thuế đến làm việc tại trụ sở cơ quan thuế, sau thời hạn mời làm việc một (01) ngày mà người nộp thuế không đến cơ quan thuế hoặc đã đến nhưng không giải trình đầy đủ hoặc không bổ sung thông tin, tài liệu thì tổ chức làm việc tại trụ sở người nộp thuế.

- Sau khi làm việc lập biên bản ghi nhận kết quả, đồng thời tại biên bản yêu cầu người nộp thuế cam kết thực hiện nộp thuế trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thuế.

- Đối với nhóm tiền thuế đã nộp NSNN đang điều chỉnh không ban hành thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp.

1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác Quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD

1.3.3.1. Yếu tố chủ quan

- Một số DN NQD còn chưa thực sự quan tâm đến công tác hạch toán kế toán, hóa đơn chứng từ, sổ sách…

- Các doanh nghiệp chưa tự giác kê khai đúng doanh thu.

- Tình trạng dây dưa, nợ đọng thuế vẫn còn xảy ra.

- Năng lực công chức thuế:

Năng lực toàn diện của các cán bộ quản lý thuế phải được nâng cao về quan điểm, lập trường, đạo đức, về trình độ nghiệp vụ thuế, về khả năng tổ chức quản lý, thông thạo về kế toán, kiểm toán, có trình độ ngoại ngữ, biết sử dụng vi tính phù hợp với sự phát triển của ngành và đáp ứng được yêu cầu quản lý ngày càng cao trong tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng đa dạng và phức tạp.

Đội ngũ cán bộ quản lý thuế tinh giản, có trình độ, có đạo đức sẽ là cơ sở nền tảng cho quản lý thuế tốt. Do vậy, xây dựng nguồn nhân lực cho tổ chức bộ máy

ngành thuế là một công việc rất quan trọng. Xây dựng nguồn nhân lực gồm có các công việc phân tích đánh giá nhu cầu về nhân lực, tuyển dụng, bố trí nguồn nhân lực, đánh giá nguồn nhân lực, chế độ đãi ngộ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công tác xây dựng nguồn nhân lực lại phụ thuộc rất lớn vào mô hình tổ chức bộ máy ngành thuế, cơ chế quản lý thuế, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý. Để đánh giá so sánh về nguồn nhân lực trong ngành thuế, người ta có thể sử dụng nhiều tiêu thức để so sánh như: tỷ lệ số cán bộ thuế trên tổng số dân, tỷ lệ số công dân trên 1 cán bộ thuế, tỷ lệ giữa số lực lượng lao động trên 1 cán bộ thuế...

Việc xây dựng đội ngũ công chức thuế là một trong những chương trình quan trọng trong chiến lược nâng cao hiệu quả quản lý thuế ở mỗi quốc gia.

- Ứng dụng công nghệ thông tin

Quản lý thuế là phải quản lý trực tiếp đến từng người nộp thuế theo nhiều loại sắc thuế với số lượng người nộp thuế rất lớn, để có được cơ sở dữ liệu về người nộp thuế phục vụ cho quản lý người nộp thuế từ khâu đăng ký đến kê khai, nộp thuế... thì việc ứng dụng công nghệ thông tin là một điều tất yếu vì nếu làm bằng phương pháp thủ công thì sẽ cần rất nhiều nhân lực và chi phí cao. Mặt khác, sự sai sót, chậm trễ trong việc tính thuế và cung cấp thông tin để chỉ đạo dễ tạo ra kẽ hở, dẫn đến tiêu cực trong công tác quản lý thuế, gây thất thu cho ngân sách nhà nước. Nếu ứng dụng tốt công nghệ thông tin sẽ tự động hóa các khâu công việc trên và theo một quy trình chặt chẽ sẽ nâng cao tính pháp lý và hiệu quả cao, ví dụ: chương trình quản lý thuế (QLT) đã giúp cho ngành thuế có được cơ sở dữ liệu về số hồ sơ khai thuế, số thuế phải nộp, số thuế đã nộp... của từng người nộp thuế.

- Sự phối hợp giữa các ban, ngành chức năng

Thuế là một trong những chính sách lớn của Đảng, Nhà nước, là công cụ quan trọng để Nhà nước quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Do đó, thực hiện chính sách thuế không phải là công việc của riêng ngành thuế. Cần có sự phối hợp với các đoàn thể và cơ quan để triển khai đồng bộ việc thi hành chính sách thuế với các chính sách khác và quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Phối hợp với cơ quan cấp đăng ký kinh doanh để kịp thời xác định người nộp thuế đăng ký thuế, ngừng hoạt động, giải thể...

Phối hợp với các ngân hàng trong việc nộp thuế tạo điều kiện cho người nộp thuế được nộp thuế nhanh, tiện và không mất thời gian.

Đặc biệt cần phối hợp với cơ quan công an trong việc kiểm tra giám sát các DN trong việc mua bán hàng hóa, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hóa

đơn để từ dó ngăn chặn các hành vi gian lận về thuế, trốn thuế, tăng nguồn thu cho NSNN, hạn chế thất thu thuế GTGT.

1.3.3.2. Yếu tố khách quan

- Hệ thống chính sách, pháp luật thuế.

Hệ thống chính sách, pháp luật thuế được áp dụng thống nhất đối với mọi thành phần kinh tế phải đảm bảo được sự động viên đóng góp bình đẳng và thực hiện công bằng xã hội. Hệ thống thuế phải thực sự khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi ngành nghề kinh doanh, các tổ chức và cá nhân bỏ vốn, lao động, đầu tư trang thiết bị và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cho sản xuất kinh doanh theo quỹ đạo của kế hoạch nhà nước.

Hệ thống thuế mang tính chấp vá, chồng chéo, thiếu căn cứ kinh tế, có thể vừa gây lạm thu, vừa gây thất thu lớn cho ngân sách nhà nước. Ngược lại, hệ thống chính sách thuế khoa học, đơn giản, dễ hiểu và ổn định trong thời gian dài tạo điều kiện nâng cao hiểu biết và nhận thức về nghĩa vụ công dân đối với thuế, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ rộng rãi của các tầng lớp dân cư và tự giác chấp hành luật thuế, từ đó tác dụng thúc đẩy hạch toán kinh tế, thực hiện nghiêm chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ.

- Công tác tuyên truyền chính sách thuế và ý thức chấp hành chính sách pháp luật về thuế của người nộp thuế

Các chính sách chế độ, luật, pháp lệnh về thuế chỉ có thể thực thi một cách đầy đủ, thống nhất khi công tác phổ biến giáo dục được triển khai sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Mọi tổ chức, cá nhân đều cần phải biết đầy đủ các quy định, những việc phải làm và mức độ xử lý đối với các hành vi trốn thuế, không chấp hành nghiêm việc kê khai, đăng ký thuế, vi phạm về sử dụng hóa đơn chứng từ, sổ sách kế toán, dây dưa nợ đọng thuế... Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về thuế còn có ý nghĩa nâng cao tính tự giác, ý thức về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với Nhà nước và sự kiểm tra giám sát của xã hội đối với việc thực thi các chính sách, pháp luật về thuế, đảm bảo tính công khai, công bằng xã hội.

1.4. Kinh nghiệm quản lý thu thuế của một số nơớc trên thế giới và một số tỉnh trong nơớc

Thuế GTGT có ưu điểm là đánh vào giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ ở từng khâu sản xuất và lưu thông cho đến tiêu dùng, cho phép người nộp thuế được khấu trừ thuế ở các giai đoạn trước và người nộp thuế được hoàn lại số thuế đã nộp mà chưa được khấu trừ hết, do đó tránh được trùng lặp thuế. Tuy nhiên, thuế GTGT

cũng có nhược điểm là dễ bị gian lận, nhất là ở khâu hoàn thuế. Vì vậy, để quản lý và hạn chế gian lận trong hoàn thuế GTGT, các nước trên thế giới đã áp dụng nhiều phương thức khác nhau. Một số kinh nghiệm của một số nước trên thế giới và một số tỉnh, thành phố trong nước:

1.4.1. Kinh nghiệm chống thất thu thuế của Singapo

"Singapore thu thuế thuận lợi", đây là lời khen của ngành thuế nước ngoài về công tác thuế vụ của Singapore và cũng là niềm tự hào của cán bộ thuế Singapore *(Theo Viện nghiên cứu lập pháp thuộc UBTVQH).*

Năm 2002 Singapore chỉ có 4 triệu dân địa phương và cư dân nước ngoài, thu nhập từ thuế đạt 21,1 tỷ đô la Singapore, chiếm khoảng 13% GDP. Năm 2001, trong tổng số 1,8 triệu người dân nộp thuế chỉ có 70 người bị cục thuế điều tra vì tội trốn thuế. Số tiền trốn thuế chỉ khoảng 30 nghìn đô la Singapore, số người nộp thuế chậm không khai báo chỉ chiếm khoảng 2%, điều này cho thấy việc nộp thuế theo pháp luật ở Singapore đã thực sự đi vào cuộc sống.

Sự hình thành ý thức tự nguyện nộp thuế theo pháp luật của công dân không phải có được một cách nhanh chóng. Chính phủ Singapore đã không ngừng tăng cường xây dựng hệ thống luật thuế và chú trọng kết quả thực hiện. Tôn chỉ của việc thực thi là tăng cường kiểm tra thuế, bảo đảm các khoản tiền thuế nộp thuế đúng hạn. Hiệu quả của công tác kiểm tra thuế có liên quan mật thiết đến các vấn đề như: đơn giản hoá chế độ thuế, tính thuế chuẩn xác rõ ràng, thực hiện nghiêm chỉnh, công bằng các luật thuế cũng như việc áp dụng các kỹ thuật tiên tiến.

Cải cách chế độ thuế tạo tâm lý thoải mái cho người dân khi nộp thuế.

Để giảm bớt cảm giác nặng nề của người dân, Chính phủ Singapore gần đây tiếp thu kiến nghị của Uỷ ban nghiên cứu - đánh giá kinh tế, tiến hành cải cách chế độ thuế hiện hành. Giảm thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp từ 26% xuống 24% và 22%, nhưng tăng thuế suất tiêu dùng từ 3% lên 5% (năm nay do kinh tế sa sút nên thuế tiêu dùng thực tế tăng lên 4%). Với ý nghĩa thuế tiêu dùng là thuế gián thu, không đánh trực tiếp vào thu nhập của cá nhân và doanh nghiệp do đó làm giảm cảm giác khó chịu của người nộp thuế. Thuế tiêu dùng được coi là loại thuế có hiệu quả, không chỉ phù hợp với chủ trương tăng thuế của Chính Phủ và đáp ứng nguyện vọng giảm thuế của người dân mà còn làm cho việc thu và điều tra thuế dễ dàng hơn.

Singapore thực hiện chế độ người nộp thuế tự khai báo, điều này trở thành biện pháp giáo dục người nộp thuế thành thực khai báo. Thuế thu nhập của

Singapore chiếm 67% tổng thu nhập từ thuế, tháng 1 hàng năm Cục thuế gửi giấy khai báo nộp thuế cho người nộp thuế (bảng khai báo do kế toán hệ thống dựa theo mã số thuế của người nộp, trong đó mã số thuế và thống nhất với số chứng minh thư nhân dân), người nộp thuế sau khi điều phiếu khai báo gửi qua bưu điện hay mạng khai báo cho Cục thuế.

Luật thuế Singapore quy định công dân nhất định phải khai báo toàn bộ thu nhập của năm trước. Hàng năm trước ngày 31/7 các đơn vị pháp nhân phải khai báo thu nhập chịu thuế năm trước.

Điều tra thuế tức là tiến hành điều tra sát hạch việc khai báo không đúng, đồng thời qua những trường hợp vi phạm điển hình nghiêm khắc xử lý nhằm giáo dục người dân.

Xây dựng cơ chế, đảm bảo thực hiện kiểm tra thuế hiệu quả:

Công tác chủ yếu của kiểm tra thuế ở Singapore là tiến hành đánh giá, đối chiếu tính chân thực của nội dung phiếu khai báo do công dân nộp đồng thời tiến hành giám sát, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật như trốn thuế, chậm thuế…

Cục thuế Quốc gia Singapore có một loạt các cơ chế tính thuế, kiểm toán, hạch toán và điều tra, đảm bảo công tác kiểm tra thuế thực thi có hiệu quả. Đó là thực hiện các công việc độc lập như tính thuế, hạch toán, kiểm tra, phê chuẩn, trưng thu đối với các khoản thuế phải nộp của người dân.

Bộ phận phụ trách thuế cá nhân và bộ phận phụ trách thuế doanh nghiệp dựa vào bản khai báo thuế của cá nhân và pháp nhân để phân tách thực hiện hoạch định, đánh giá và tính thuế theo khoản mục: các dự án được giảm thuế, và số tiền giảm thuế. Bộ phận phụ trách kiểm toán tiến hành kiểm tra lại những mức thuế hiện hành, mức thuế của năm trước, và các vụ án liên quan đến thuế còn nghi ngờ, như phát hiện tính thuế năm nay và năm trước có vấn đề thì bộ phận kiểm toán sẽ thông báo, bàn bạc với bộ phận phụ trách thuế, bộ phận phụ trách thuế dựa theo kết quả kiểm toán để tính lại thuế. Bộ phận xử lý thuế sẽ gửi bản sửa chữa và đơn khai báo nộp thuế cho người nộp, cuối cùng người nộp thuế sẽ nhận được giấy chứng nhận đóng thuế đầy đủ.

Khi tính thuế và kiểm toán phát hiện vấn đề lớn liên quan đến thuế, thống nhất giao cho bộ phận điều tra thuế tiến hành điều tra. Tất cả các vấn đề liên quan đến thuế đều do bộ phận kiểm toán viên của cơ quan kiểm toán quốc gia tiến hành kiểm tra.

Trợ lý Cục trưởng Cục thuế Singapore, Trịnh Vinh Thâm nói với phóng viên *(Trích tài chính thuế Singapore)*: cơ quan thuế yêu cầu người dân làm đúng thì nhân viên thuế trước tiên phải làm tốt công tác chuẩn bị, xử lý công bằng.Yêu cầu của cơ quan thuế Singapore đối với mỗi nhân viên là đạt được "không sai sót". Vì vậy, Cục thuế Singapore lập ra một loạt quy định nghiêm khắc đối với nhân viên và quá trình quản lý hành chính. Ví dụ nhân viên Cục thuế nhất thiết phải qua thi tuyển đạt tiêu chuẩn mới được đảm nhiệm công tác, nhân viên thuế không liên quan đến chức trách của mình, tất cả các nghiệp vụ tính thuế, thu thuế, xử lý phạt đều phải qua máy vi tính, bất cứ hoá đơn thuế và hoá đơn xử phạt viết bằng tay đều vô hiệu.

Nhân viên thuế chỉ được đảm nhiệm một khâu trong quá trình thu thuế, bất kể một kết quả xử lý của cơ quan kiểm toán như thế nào đối với người nộp thuế thì hoá đơn mức thuế phải nộp chỉ có một nơi phát hành, tức là do bộ phận phụ trách thuế cá nhân và doanh nghiệp quy định, tất cả các bộ phận khác đều không có quyền phát hành và sửa chữa hoá đơn thuế.

Xây dựng cơ chế ràng buộc lẫn nhau, ngăn chặn tình trạng làm sai nguyên tắc của nhân viên thuế.

Để ngăn chặn, đề phòng sai phạm của nhân viên, Cục thuế Singapore đã xây dựng hàng loạt chế độ làm việc nội bộ có hiệu quả. Trong đó, phân tách rõ ràng trách nhiệm xử lý từ khâu tính thuế, miễn thuế, xử lý hoàn thuế và kiểm toán cho đến việc thu, hoàn thuế. Tất các khâu của quá trình thu thuế để được vi tính hoá. Nói một cách khác, người nộp thuế không biết ai hạch toán và kiểm tra kết quả của anh ta, người tính thuế không biết ai kiểm tra kết quả tính toán của mình, người kiểm tra không biết ai phê chuẩn kết quả của mình, người phê chuẩn thì không biết ai đến thu hoặc hoàn tiền thuế. Trình tự làm việc chặt chẽ làm tăng thêm sự giám sát, hỗ trợ lẫn nhau của nhân viên thuế, đồng thời ngăn chặn được quan hệ riêng tư, triệt để phòng ngừa hành vi sai trái của nhân viên thuế.

Kiểm tra cẩn thận, rõ ràng, xử phạt nghiêm chỉnh:

Vấn đề mấu chốt của việc kiểm tra thuế là nắm được đầu mối kiểm tra. Cục thuế Singapore sử dụng kho dữ liệu máy tính hiện đại để quản lý, phân tích và hệ thống các tư liệu thu được của người nộp thuế, từ đó nắm được đầu mối điều tra để tiến hành điều tra thuế. Hệ thống dữ liệu của Cục thuế có thể kết nối với mạng lưới máy tính của các cơ quan của Chính phủ và các cơ quan khác, có thể sửa đổi các địa chỉ mới chuyển, nắm bắt tình hình của người nộp thuế như xuất cảnh, sinh, lão, bệnh, tử, mức lương…

Ở Singapore, nhân viên điều tra thuế được giao quyền khá lớn, nhân viên điều tra có giấy chứng nhận đặc biệt làm việc điều tra có giấy chứng nhận đặc biệt làm việc theo pháp luật. Khi phát hiện ra dấu hiệu trốn thuế, nhân viên thuế có thể vào gia đình hoặc văn phòng kiểm tra sổ kế toán, thu thập chứng cứ.

Đối với các trường hợp có thủ đoạn trốn thuế, kê khai gian dối, làm giả sổ kế toán, sửa chữa dữ liệu, che dấu thu nhập… luật thuế Singapore quy định điều khoản trừng phạt nghiêm khắc. Người trốn thuế sẽ bị khởi tố với tội danh lừa đảo, không chỉ bị phạt tiền nộp gấp 3 lần mà còn bị phán xử mức án có thời hạn. Cơ quan thuế phát hiện người nộp thuế thực sự vi phạm lần đầu thường cho họ một cơ hội sửa chữa. Nếu họ vẫn tái diễn hành vi thì sẽ bị quy tội đã biết nhưng cố tình vi phạm. Pháp luật cũng xử phạt các mức từ phạt hành chính đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tất cả người dân và người nước ngoài đều phải điền bảng khai báo thuế trước ngày 15/4 hàng năm, quá hạn không khai báo sẽ nhận được thông báo nhắc nhở "Hoá đơn thuế đỏ". Nếu người nộp thuế liên tục hai lần có "Hoá đơn thuế đỏ" mà vẫn không sửa chữa lỗi thì bị coi là vi phạm pháp luật, bị liệt vào "Danh sách đen" của Cục thuế, cơ quan thuế sẽ căn cứ vào thu nhập trước đây của người cùng ngành để định mức thuế, hạn nộp thuế.

Người khai báo thuế chậm, vi phạm lần đầu phạt 100 đô la Singapore, tái phạm lần 2 phạt 200 đô la Singapore, lần thứ 3 không khai báo sẽ bị kiện ra toà.

Pháp luật Singapore quy định sau 30 ngày nhận được hoá đơn thuế người đóng thuế nhất định phải nộp thuế. Người nộp thuế chậm sẽ bị phạt 5% mức thuế phải đóng. Đối với những trường hợp đặc biệt cơ quan thuế có quyền cưỡng chế ngân hàng, người phụ trách và chủ nhà hoặc cưỡng chế bán tài sản hoặc tuyên phạt trường hợp đó vào tù.

Người đóng thuế nhận được thông báo phạt vẫn không đóng thuế sẽ bị kiện ra toà.

Người đóng thuế nếu thấy chưa hài lòng về cách tính thuế, kết quả tính thuế có thể khởi tố nhưng phải đóng tiền đầy đủ trước khi khởi kiện Cơ quan thuế Nhà nước.

Người nộp thuế có thể đưa ra đơn trình bày ý kiến phản đối trong phạm vi 30 ngày sau khi nộp thuế, nếu cơ quan thuế từ chối sửa sai, người nộp thuế có thể kiện lên Uỷ ban kiểm toán thuế, nếu Uỷ ban kiểm toán vẫn giữ phán quyết cũ, người nộp thuế có thể khởi tố ở toà án, phán quyết cuối cùng sẽ do Toà tuyên án.

Do tổ chức thu thuế tốt như vậy từ khâu đầu đến khâu cuối, Singapore đã giúp chúng ta khẳng định triết lý rằng: "Thuế là thứ mà chúng ta nộp cho một xã hội văn minh".

1.4.2. Kinh nghiệm chống thất thu thuế tại Cục thuế TP Hà Nội

Để hạn chế chống thất thu thuế, tăng thu cho NSNN thì trong những năm qua Cục thuế TP Hà Nội đã có những bước chuyển biến đáng kể trong công tác thu ngân sách cụ thể tăng thu từ hoạt động kiểm tra thuế.

Năm 2012 hoạt động kiểm tra thuế về thuế GTGT tại Cục Thuế Hà Nội đạt được kết quả nổi bật kiểm tra tại bàn đối với 185.568 lượt hồ sơ thuế GTGT, tăng 47%; trong đó điều chỉnh 1.385 lượt hồ sơ, tăng thu thuế GTGT 748 tỷ đồng. Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế 5.311 cuộc truy thu, truy hoàn, phạt sau kiểm tra 669 tỷ đồng, trong đó thuế GTGT là 215 tỷ đồng *(Cục thuế Hà nội, 2012)*. Cục Thuế đã tổng hợp các hành vi vi phạm đối với 4 sắc thuế, với 18 nhóm theo lĩnh vực, ngành nghề bổ sung vào sổ tay kỹ kiểm tra để nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra. Đồng thời rút ra 8 bài học kinh nghiệm và đề ra 5 nhóm giải pháp chính trong triển khai nhiệm vụ những năm tiếp theo.

Toàn thể cán bộ công chức của Cục thuế Hà Nội quán triệt việc tuân thủ các quy định về giờ giấc làm việc, tác phong kỷ luật, văn minh công sở. Tăng cường thời gian làm việc tại cơ quan thuế, tập trung cho hoạt động kiểm tra theo rủi ro. Xây dựng và ban hành quy chế giám sát đoàn kiểm tra với mục tiêu là giám sát nhằm chuẩn hóa các nội dung công việc bảo đảm tính minh bạch, tăng cường tính giám sát của cấp trên đối với cấp dưới, của trưởng đoàn với thành viên. Tăng tính tuân thủ của cán bộ kiểm tra thuế, tuyên truyền để DN được kiểm tra hiểu được quyền và trách nhiệm của mình; Cục Thuế xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ có hành vi chưa đúng mực, thiếu văn minh trong giao tiếp ứng xử, gây phiền hà cho DN cũng như vi phạm pháp luật.

Cục Thuế đã thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra tại trụ sở Cơ quan thuế, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế tại trụ sở DN. Quan tâm xây dựng cơ sở dữ liệu DN và lập kế hoạch kiểm tra đối với các phòng kiểm tra và các Chi cục Thuế trong quản lý rủi ro. Tăng cường đào tạo, tự đào tạo cho cán kiểm tra thuế, đi đôi với kiểm tra các doanh nghiệp có dấu hiệu chuyển giá.

Theo Cục Thuế Hà Nội, tổng thu nội địa (tính cân đối) ước thực hiện tháng 11/2013 là 15.380 tỷ; lũy kế từ đầu năm đến thời điểm báo cáo ước thực hiện 108.138 tỷ, đạt 72,2% dự toán, bằng 98,2% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa không kể dầu thô, tiền sử dụng đất tháng 11 ước thực hiện 10.074 tỷ. Lũy kế 11 tháng ước thực hiện 90.993 tỷ, đạt 68,2% dự toán *(Nguồn bài báo Kinh nghiệm chống thất thu thuế ở Hà Nội - Tạp chí thuế)*.

Để phấn đấu thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2013 đạt mức cao nhất, ngay từ đầu năm, Cục Thuế TP Hà Nội đã tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả 6 nhiệm vụ trọng tâm, 9 nhóm giải pháp công tác thuế đã đề ra. Bên cạnh đó, để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ công tác thuế năm 2013, trong những tháng cuối năm, Cục Thuế TP Hà Nội chú trọng triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, đẩy mạnh hoạt động của Ban chỉ đạo chống thất thu và thu hồi nợ đọng thuế của Thành phố, các Ban chỉ đạo quận, huyện, thị xã nhằm triển khai thực hiện tốt công tác chống thất thu và đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn Thành phố.

Hai là, tiếp tục tập trung chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013; Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường và giải quyết nợ xấu nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, khôi phục và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, nuôi dưỡng và tạo nguồn cho ngân sách.

Ba là, phối hợp với Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế tăng cường rà soát, nắm bắt nguồn thu, thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với các Tổng công ty, Tập đoàn lớn để khai thác tăng thu ngân sách.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế: Tập trung lực lượng, đổi mới phương pháp, nâng cao kỹ năng kiểm tra, phân tích rủi ro để nâng cao chất lượng công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở Cơ quan Thuế; tập trung lực lượng, triển khai công tác thanh, kiểm tra tại trụ sở NNT theo kế hoạch năm 2013 đã được phê duyệt và theo các chuyên đề, chú trọng thanh tra, kiểm tra các ngành, lĩnh vực có nhiều rủi ro; đôn đốc triệt để các doanh nghiệp nộp ngay vào ngân sách các khoản nợ thuế và tiền phạt xử lý sau thanh tra, kiểm tra; tiếp tục kết hợp thanh, kiểm tra thuế với thanh, kiểm tra việc quản lý, sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp theo Nghị định 51, Thông tư 64; tiếp tục phối hợp với các Cơ quan chức năng tăng cường công tác chống thất thu ngân sách, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái, mua bán hóa đơn, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.

Năm là, tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác quản lý, đôn đốc thu nợ: tăng cường đôn đốc nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế được gia hạn đến hạn nộp, đặc biệt là tiền sử dụng đất; phối hợp tốt với chính quyền địa phương, kiến nghị Ban

chỉ đạp chống thất thu ngân sách, thu hồi nợ thuế các cấp chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban, ngành phối hợp tốt với cơ quan thuế trong công tác chống thất thu ngân sách, đôn đốc thu nợ thuế, cưỡng chế nợ thuế; thực hiện việc phân loại và phân tích nguyên nhân nợ đến từng đối tượng nợ thuế để có biện pháp xử lý theo quy định, phối hợp với các cơ quan báo đài công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng danh sách các tổ chức, cá nhân cố tình dây dưa nợ thuế. Phấn đấu số nợ thuế, phí đến cuối năm 2013 chiếm tỷ trọng dưới 5% so tổng số thu năm 2013 trừ dầu, tiền sử dụng đất.

Sáu là, tăng cường đẩy mạnh công tác Tuyên truyền - Hỗ trợ NNT: Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền chính sách thuế, đặc biệt là triển khai các Luật sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức tập huấn về các chính sách thuế mới cho cán bộ công chức và NNT trên địa bàn Thành phố; kịp thời giải đáp, hướng dẫn, trả lời vướng mắc của NNT.

Bảy là, tăng cường kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh kỷ cương kỷ luật trong việc thực thi công vụ: tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm trong hoạt động công vụ, thường xuyên chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, ứng xử văn hóa trong hoạt động công vụ tới toàn thể CBCC trong ngành; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của mỗi cấp cơ quan thuế và mỗi cá nhân trong xử lý công việc, tạo bước chuyển biến thật sự về kỷ luật, kỷ cương trong toàn ngành nhằm thực hiện phương châm năm 2013 là năm "trách nhiệm - kỷ cương" của ngành Thuế Thủ đô; tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng.

1.4.3. Bài học kinh nghiệm về quản lý chống thất thu thuế GTGT cho Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh

Để công tác chống thất thu thuế GTGT tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh đạt kết quả tốt thì ngay ở khâu quản lý về thuế GTGT trên mọi phương diện phải được đề cập tới.Từ kinh nghiệm trong công tác quản lý tốt sẽ dẫn đến hạn chế thất thu thuế GTGT, làm tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước cụ thể là:

Thứ nhất là xu hướng cải cách quản lý thuế đối với doanh nghiệp đó là nâng cao tính tự giác tuân thủ của doanh nghiệp bằng các biện pháp tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp, tạo thuận lợi và giảm chi phí thực hiện nghĩa vụ thuế cho doanh nghiệp; Công tác này được quan tâm và trở thành một ưu tiên của cơ quan thuế, được thực hiện dưới nhiều hình thức tuyên truyền trên báo đài, trên trang thông tin " Thuế với cuộc sống" của đài truyền hình Bắc Ninh… cùng với nó

là nâng cao các biện pháp kiểm tra và chế tài xử lý được tăng cường để bảo đảm rằng các đối tượng không tuân thủ sẽ bị phát hiện và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Thứ hai là song song với việc áp dụng cơ chế tự khai tự nộp nhằm tăng cường tính tuân thủ tự nguyện của doanh nghiệp, cơ quan thuế các nước rất chú trọng đến việc kiểm tra các doanh nghiệp lớn. Ở nhiều quốc gia, cơ quan thuế đã thành lập bộ phận kiểm tra các doanh nghiệp lớn tại Tổng cục Thuế (ở Trung ương) hoặc Cục Thuế nhằm mục đích kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các doanh nghiệp có số thu chiếm tỷ trọng lớn.

Thứ ba là hiện đại hóa ngành thuế bằng công nghệ thông tin, khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm bớt thủ tục hành chính cho doanh nghiệp như giảm bớt việc in ấn tài liệu báo cáo, giảm chi phí về con người khi đi gửi báo cáo thuế, giảm bớt chi phí về thời gian… cải tiến hơn nữa các phần mềm tiện ích phục vụ cho công tác kiểm tra thuế.

Thứ tư là các nước trên thế giới đều tập trung rất lớn nguồn nhân lực trong công tác kiểm tra, ở Việt Nam nói chung và Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh nói chung cần tăng cường cán bộ thuế cả về số lượng và chất lượng làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Cán bộ thường xuyên được học tập trau dồi kiến thức để ngày càng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ tốt cho công tác quản lý và kiểm tra đối với các doanh nghiệp.

Thứ năm là một số nước trên thế giới có chức năng và có bộ phận điều tra thuế, có thêm chức năng này sẽ giúp cho công tác kiểm tra thuế có hiệu quả hơn và ngành thuế có thể độc lập điều tra, xử lý các vụ việc nghiêm trọng, như vậy sẽ chủ động hơn trong công tác kiểm tra, xử lý và có tính răn đe cao hơn đối với doanh nghiệp.

Thứ sáu là thường xuyên tổ chức kiểm tra theo chuyên đề như các doanh nghiệp âm thuế thường xuyên, doanh nghiệp không có số thuế nộp ngân sách, doanh nghiệp hoàn thuế lớn. Ngoài ra tập trung kiểm tra các doanh nghiệp có độ rủi ro cao về thuế, thường xuyên rút ra các kinh nghiệm bài học, tổ chức hội thảo, tập huấn về công tác thanh kiểm tra.

Từ những bài học kinh nghiệm trên Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh sẽ tăng cường công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do phòng kiểm tra thuế số 2 thuộc Cục thuế quản lý.

Chương 2
PHƠƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Câu hỏi nghiên cứu

1. Thực trạng công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với các DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh hiện nay như thế nào?

2. Công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD tại Cục thuế tỉnh Bắc Ninh có những khó khăn, thuận lợi gì?

3. Cần những giải pháp nào để tăng cường quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD tại Cục thuế tỉnh Bắc Ninh để đạt hiệu quả hơn, tốt hơn trong thời gian tới?

2.2. PhơƠng pháp nghiên cứu

2.2.1. Mô hình nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu trong luận văn được thể hiện như trên sơ đồ sau:

với DN NQD

Cơ sở lý luận:

+ Lý luận cơ bản về thuế GTGT và thất thu thuế
+ Công tác quản lý thất thu thuế GTGT đối với DN NQD
+ Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối

Phương pháp nghiên cứu:

+ Phương pháp thống kê mô tả
+ Phương pháp phân tích so sánh
+ Phương pháp đánh giá, tổnghợp
+ Phương pháp phân tích kinh tế

Nội dung phân tích đánh giá : Công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT qua việc

1. Quản lý công tác đăng ký, kê khai thuế và nộp thuế đối với DN NQD
2. Quản lý công tác hoàn thuế
3. Quản lý công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế
4. Quản lý công tác thanh tra, kiểm tra thuế
5. Quản lý công tác quản lý nợ thuế

Giải pháp tăng cường quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh

1. Tăng cường công tác quản lý đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế
2. Tăng cường công tác quản lý hoàn thuế
3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế
4. Tăng cường công tác tuyên truyền hỗ trợ, ứng dụng công nghệ thông tin
5. Tăng cường công tác quản lý thu nợ thuế

Hình 2.1. Khung phân tích

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Thu thập thông tin tốt, sẽ cung cấp đầy đủ các thông tin về lý luận và thực tế tạo điều kiện cho việc xử lý và phân tích thông tin. Từ đó đánh giá chính xác về thực trạng của vấn đề nghiên cứu và đề xuất các giải pháp. Đề tài sử dụng hai nguồn dữ liệu thứ cấp và sơ cấp.

- Thu thập thông tin thứ cấp

** Thông tin thu thập*

+ Thông tin, số liệu liên quan đến tính tuân thủ Pháp luật thuế của NNT để hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài.

+ Các số liệu về tình hình chung của tỉnh Bắc Ninh: điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, kết quả sản xuất kinh doanh của DN NQD.

+ Số liệu, thông tin phản ánh thực trạng tuân thủ pháp luật thuế của các DN NQD trên địa bàn tỉnh, thực trạng và thực hiện các giải pháp của cơ quan thuế nhằm nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế.

** Nguồn thu thập*

+ Các thông tin số liệu trong nước được thu thập từ internet, Bộ tài chính, Tổng cục thuế, Cục thuế tỉnh Bắc Ninh.

+ Các thông tin số liệu trên thế giới được thu thập từ internet, Tổng cục thuế, qua sách báo, tạp chí, các kết quả nghiên cứu, các báo của trung ương, địa phương… có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

+ Các thông tin số liệu của tỉnh, huyện được thu thập từ các phòng thuộc Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch-đầu tư, Cục Thống kê, Kho bạc Nhà nước. Những thông tin này có vai trò quan trọng làm cơ sở phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài.

** Thu thập thông tin sơ cấp*

- Các thông tin, số liệu cần thu thập là những tài liệu tự điều tra gồm Các thông tin, số liệu liên quan đến việc phân tích nhân tố tác động đến tính tuân thủ pháp luật thuế của các doanh nghiệp NQD trên địa bàn tỉnh; đánh giá của các doanh nghiệp đối với việc thực hiện các giải pháp trong công tác quản lý thuế của Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh trong thời gian qua;
- Chọn đối tượng điều tra: Số liệu sơ cấp được thu thập từ điều tra các đối tượng là các DN NQD . Mục đích sử dụng các số liệu này là để đánh giá tình hình thực thi công tác thuế của DN NQD tại Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh.

- Cách chọn mẫu: Chọn DN NQD do phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế để phỏng vấn thông qua bảng câu hỏi. Cỡ mẫu được chọn theo công thức của Slovin

$$n = \frac{N}{1+Ne^2}$$

Trong đó: n là số doanh nghiệp đi điều tra

N là tổng số doanh nghiệp đang hoạt động.

e là khả năng sai số (e = 5%)

Số liệu cụ thể sau khi tính toán theo công thức trên ta có biểu sau:

Bảng 2.1. Số lợợng mẫu theo ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh	**Tổng số DN NQN đang hoạt động (N)**	**Cỡ mẫu điều tra (n)**
Sản xuất	380	195
Xây dựng	200	133
TM-DV	240	150
Lĩnh vực khác	160	114
Tổng	**980**	**592**

(Nguồn: tính toán của tác giả)

Như vậy tổng số DN NQD được điều tra là 592 doanh ngiệp trong đó: ngành sản xuất là 195 DN, ngành xây dựng là 133 DN, ngành thương mại dịch vụ là 150 DN và lĩnh vực khác là 114 DN.

2.2.3. Phương pháp tổng hợp và xử lý thông tin

Từ các nguồn số liệu thu thập được chúng tôi tiến hành phân loại, tổng hợp và sử dụng phần mềm Excel để thống kê, xử lý và phân tích. Đối với những thông tin định lượng thì tiến hành tính toán các chỉ tiêu cần thiết theo số tuyệt đối, tương đối, lập các bảng biểu, đồ thị...

2.2.4. Phương pháp phân tích thông tin

- Phương pháp thống kê mô tả

Phương pháp này dùng để mô tả hiện trạng của hoạt động của doanh nghiệp được thống kê từ nhiều nguồn khác nhau. Đề tài sử dụng phương pháp này để phản ánh tình hình cơ bản, các thông tin về tình hình hoạt động SXKD của các DN NQD và tình hình nộp thuế GTGT của các DN NQD tại Cục thuế tỉnh Bắc Ninh thông qua hệ thống chỉ tiêu các số tương đối, số tuyệt đối và số bình quân thể hiện ở các biểu, số liệu và sơ đồ.

- Phương pháp phân tổ thống kê

Trong các DN đều đang tiến hành phân loại DN theo ngành nghề, lĩnh vực SXKD để thấy việc quản lý thuế GTGT đối với DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh đến từng ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp.

- Phương pháp so sánh

Đây là phương pháp phổ biến trong phân tích kinh tế để so sánh kết quả nghiên cứu ở những thời điểm và không gian khác nhau, so sánh số thực hiện kỳ này với kỳ trước để thấy rõ được sự biến động hay khác biệt của từng chỉ tiêu phân tích.

2.3. Hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu

- Chỉ tiêu phản ánh kết quả thu thuế GTGT:

Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá mức độ đóng góp của ngành thuế trong việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN về thuế GTGT chỉ tiêu này được tính và phân tích nguyên nhân biến động theo từng năm.

$$\text{Tỷ lệ tổng thu thuế GTGT do ngành thuế quản lý trên tổng thu NSNN} = \frac{\text{Tổng thu thuế GTGT do ngành thuế quản lý}}{\text{Tổng thu NSNN}} \times 100\%$$

- Chỉ tiêu đánh giá công tác quản lý, kê khai, nộp thuế

+ Tỷ lệ DN NQD do phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý: chỉ tiêu này phản ánh tỷ trọng của DN NQD do phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý trong một năm so với tổng số DN NQD trên địa bàn toàn tỉnh. Chỉ tiêu càng tiến đến 100 chứng tỏ DN NQD phòng kiểm tra 2 quản lý càng nhiều.

$$\text{Tỷ lệ DN NQD thuộc phòng kiểm tra 2/ Tổng số DN NQD trên toàn tỉnh(%)} = \frac{\text{Số DN NQD phòng kiểm tra 2 quản lý}}{\text{Tổng số DN NQD toàn tỉnh quản lý}} \times 100\%$$

+ Tỷ lệ DN NQD kê khai thuế GTGT : Chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ DN NQD kê khai thuế GTGT so với tổng số DN NQD đang quản lý. Để thấy được mức độ kê khai thuế GTGT của các DN NQD trong năm. Chỉ tiêu càng tiến đến 100 thì càng chứng tỏ DN NQD kê khai thuế GTGT càng lớn.

$$\text{Tỷ lệ DN NQD kê khai thuế GTGT / Tổng số DN NQD đang quản lý (%)} = \frac{\text{Số DN NQD kê khai thuế GTGT}}{\text{Tổng số DN NQD đang quản lý}} \times 100\%$$

+ Tỷ trọng về nộp thuế GTGT: chỉ tiêu phản ánh tình hình nộp thuế GTGT của các DN NQD so với số thuế GTGT DN NQD kê khai.Chỉ tiêu càng tiến đến 100 thì việc tuân thủ quy định về nộp thuế càng tốt.

+ Tỷ lệ hồ sơ khai thuế GTGT đã nộp(%): Là chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ hồ sơ khai thuế GTGT đã được doanh nghiệp nộp trong một năm so với tổng số hồ sơ khai thuế GTGT phải nộp. Chỉ tiêu càng tiến đến 100 thì tính tuân thủ Pháp luật càng tốt.

$$\text{Tỷ lệ hồ sơ khai thuế GTGT đã nộp (\%)} = \frac{\text{Số hồ sơ khai thuế GTGT đã nộp}}{\text{Tổng số HS khai thuế GTGT phải nộp}} \times 100$$

Mục đích: Để đánh giá mức độ tuân thủ về thời gian nộp tờ khai thuế GTGT của NNT trong năm.

- *Tỷ lệ doanh nghiệp tuân thủ nộp thuế GTGT đúng hạn(%):* là chỉ tiêu số tương đối phản ánh tổng số thuế GTGT nộp đúng hạn trên tổng số thuế GTGT phải nộp trong một năm. Ý nghĩa: Chỉ tiêu cho thấy ý thức chấp hành người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN.

$$\text{Tỷ lệ nộp thuế GTGT đúng hạn (\%)} = \frac{\text{Tổng số thuế GTGT nộp đúng hạn}}{\text{Tổng số thuế GTGT phải nộp}} \times 100$$

+ Tỷ lệ DN NQD được hoàn thuế trước, kiểm tra sau : Chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ DN NQD được hoàn thuế trước trong năm so với tổng số DN NQD được hoàn thuế trong năm .

$$\text{Tỷ lệ DN NQD được hoàn thuế trước, kiểm tra sau (\%)} = \frac{\text{Số DN NQD được hoàn thuế GTGT trước, kiểm tra sau trong năm}}{\text{Tổng số DN được hoàn thuế GTGT trong năm}} \times 100$$

+ Tỷ lệ DN NQD được kiểm tra trước hoàn thuế sau : Chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ DN NQD được kiểm tra trước, hoàn thuế sau trong năm so với tổng số DN NQD được hoàn thuế trong năm .

$$\text{Tỷ lệ DN NQD được kiểm tra trước hoàn thuế sau (\%)} = \frac{\text{Số DN NQD được kiểm tra trước hoàn thuế sau trong năm}}{\text{Tổng số DN được hoàn thuế GTGT trong năm}} \times 100$$

- Tỷ lệ hồ sơ khai thuế kiểm tra tại cơ quan thuế: Là chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ hồ sơ khai thuế GTGT đã được kiểm tra trong năm so với tổng số hồ sơ khai thuế GTGT đã nộp trong năm.

$$\text{Tỷ lệ hồ sơ khai thuế GTGT kiểm tra tại cơ quan thuế (\%)} = \frac{\text{Số hồ sơ khai thuế GTGT được kiểm tra}}{\text{Tổng số hồ sơ khai thuế GTGT đã nộp}} \times 100$$

- Tỷ lệ thuế GTGT truy thu: Chỉ tiêu này phản ánh số thuế GTGT truy thu qua thanh tra kiểm tra so với Tổng số các loại thuế truy thu qua công tác thanh tra, kiểm tra.

$$\text{Tỷ lệ thuế GTGT truy thu so với Tổng số thuế các loại truy thu (\%)} = \frac{\text{Số thuế GTGT trhuy thu qua thanh tra kiểm tra}}{\text{Tổng số thuế truy thu các loại}} \times 100$$

* Chỉ tiêu đánh giá công tác quản lý nợ thuế GTGT

- *Tỷ lệ tiền nợ thuế GTGT so với số thực hiện thu thuế GTGT:*

Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá hiệu quả công tác quản lý thu nợ thuế (theo dõi, đôn đốc, cưỡng chế thu nợ thuế…), ý thức tuân thủ của NNT trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế và việc thực hiện mục tiêu chiến lược công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

$$\text{Tỷ lệ tiền nợ thuế GTGT với số thuế GTGT theo kê khai} = \frac{\text{Số tiền nợ thuế tại thời điểm 31/12/Năm đánh giá}}{\text{Tổng số thuế GTGT đã kê khai}} \times 100\%$$

Chương 3
THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHỐNG THẤT THU THUẾ GTGT TẠI CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH

3.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Bắc Ninh

3.1.1. Đặc điểm tự nhiên

** Đặc điểm về địa lý*

Bắc Ninh là một tỉnh cửa ngõ phía Bắc của Thủ đô Hà Nội có diện tích 822,7 km^2, trung tâm xứ Kinh Bắc cổ xưa. Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang, phía Tây và Tây Nam giáp thủ đô Hà Nội, phía Nam giáp tỉnh Hưng Yên, phía Đông giáp tỉnh Hải Dương. Bắc Ninh là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có các hệ thống giao thông thuận lợi kết nối với các tỉnh trong vùng như quốc lộ 1A nối Hà Nội - Bắc Ninh - Lạng Sơn; Đường cao tốc 18 nối sân bay Quốc tế Nội Bài- Bắc Ninh- Hạ Long; Quốc lộ 38 nối Bắc Ninh- Hải Dương- Hải Phòng; Trục đường sắt xuyên Việt chạy qua Bắc Ninh đi Lạng Sơn và Trung Quốc; Mạng đường thủy sông Cầu, sông Đuống, sông Thái Bình rất thuận lợi nối Bắc Ninh với hệ thống cảng sông và cảng biển của vùng tạo cho Bắc Ninh là địa bàn mở gắn với phát triển của thủ đô Hà Nội.

Bắc Ninh thuộc vùng Đồng bằng Sông Hồng và là một trong 8 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, khu vực có mức tăng trưởng kinh tế cao, giao lưu kinh tế mạnh của cả nước, tạo cho Bắc Ninh nhiều lợi thế về phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Đặc điểm về dân số*

Năm 2014, dân số trung bình của Bắc Ninh là 1.160.300 người, mật độ dân số 1.289 người/km^2, tỉnh Bắc Ninh có mật độ dân số cao thứ 3 cả nước.

Phân bố dân cư Bắc Ninh mang đậm sắc thái nông nghiệp, nông thôn với tỉ lệ 72,8%, dân số sống ở khu vực thành thị chỉ chiếm 27,2%, thấp hơn so tỉ lệ dân đô thị của cả nước (29,6%). Mật độ dân số trung bình năm 2011 của tỉnh là 1.257 người/km^2. Dân số phân bố không đều giữa các huyện/thành phố. Mật độ dân số của Quế Võ và Gia Bình chỉ bằng khoảng 1/3 của Từ Sơn và 1/3 của thành phố Bắc Ninh.

**Về nguồn nhân lực*

Bắc Ninh có một dân số trẻ với nhóm tuổi lao động từ 15 đến 60 là 665.236 người, chiếm 65% tổng dân số. Nhóm tuổi dưới 15 có 258.780 người, chiếm 25 % tổng dân số còn nhóm người trên 60 tuổi có 100.456 người, tức chiếm 10% tổng dân số. Nguồn nhân lực chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn. Nguồn nhân lực trẻ và chiếm tỉ trọng cao, một mặt là lợi thế cho phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh; mặt khác, cũng tạo sức ép lên hệ thống giáo dục - đào tạo và giải quyết việc làm.

3.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Năm 2014, tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) đạt trên 13.607 tỷ đồng (đứng thứ 9 toàn quốc và thứ 2 khu vực đồng bằng sông Hồng); cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa: Khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 77,82%; dịch vụ 16,57%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản còn 5,61%. Năm 2012, GDP bình quân đầu người đạt 67,4 triệu đồng/năm (tương đương 3.211 USD), nằm trong tốp thu nhập bình quân cao nhất cả nước.

Cùng với sự phát triển của cả nước, trong những năm qua kinh tế Bắc Ninh có những bước phát triển đáng kể. Sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực tăng trưởng cao. Công nghiệp, dịch vụ, nhất là công nghiệp nông thôn được phát triển thích ứng dần với cơ chế thị trường. Sản xuất kinh doanh phát triển đều cả về quy mô và chất lượng. Đặc biệt hệ thống các làng nghề truyền thống như đúc đồng (Đại Bái - Gia Bình), sắt thép (Đa Hội - Từ Sơn), gỗ mỹ nghệ (Đồng Kỵ - Từ Sơn), Cơ khí (Quảng phú - Lương Tài), Đúc đồng nhôm (Văn Môn - Yên Phong) đã và đang phát triển thành thế mạnh và tiềm năng lớn góp phần không nhỏ cho sự phát triển kinh tế của Bắc Ninh.

Tỉnh Bắc Ninh đã tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, giao thông thuận lợi, ngoài ra còn có các chính sách ưu đãi nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư. Các khu công nghiệp Bắc Ninh đã trở thành nhân tố quan trọng trong việc thu hút đầu tư, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế - lao động. Công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp thực hiện đúng trình tự, quy định, đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Toàn tỉnh Bắc Ninh hiện có 15 khu công nghiệp tập trung đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết, tổng vốn đầu tư hạ tầng đạt 865 triệu USD, đã thu hút được các dự án đầu tư lớn trong và ngoài nước, có công nghệ hiện đại như Samsung, Canon, Mobay, ABB, Unilever, P&G, Nokia…

3.2. Đặc điểm của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh

3.2.1. Khái quát về Cục thuế tỉnh Bắc Ninh

Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh được thành lập theo Quyết định số 1133/QĐ/TCCB, ngày 14/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở chia tách tỉnh Hà Bắc thành tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh. Thời gian chính thực đi vào hoạt động của Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh là từ ngày 01/1/1997.

Khi mới thành lập, cơ cấu bộ máy của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh theo Nghị định 281/HĐBT ngày 7/8/1990, Thông tư số 38/TCCB ngày 25/8/1990 của Bộ Tài chính, Cục thuế Bắc Ninh có 7 phòng và 6 Chi cục thuế trực thuộc, tổng số CBCC là 360 cán bộ. Năm 1999 Cục thuế Bắc ninh có 8 Chi cục và 9 phòng thuộc văn phòng Cục, trong đó có Phòng quản lý doanh nghiệp ngoài quốc doanh được thành lập mới. Đến năm 2004, thực hiện Quyết định số 218/2003/QĐ-TTg ngày 28/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 189/2003/QĐ-BTC ngày 14/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cơ cấu tổ chức của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh gồm 8 chi cục thuế và 10 phòng thuộc văn phòng Cục thuế, số CBCC là 382 cán bộ.

Từ năm 1997 khi mới tái lập tỉnh thu ngân sách do Cục thuế thực hiện đạt 170 tỷ đồng, năm 2005 đạt 1.067 tỷ đồng, gấp 4,4 lần năm 2000 và năm 2010 đạt xấp xỉ 4.500 tỷ đồng, năm 2013 đạt hơn 7.000 tỷ đồng gấp 1,5 lần năm 2010 và năm 2014 thu đạt 8.286 tỷ đồng bằng 127% so với năm 2013.

Cơ cấu thu ngân sách nhà nước đã thay đổi theo chiều hướng tích cực, nguồn thu từ nội địa tăng trưởng cao, trở thành nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước (năm 2014, thu nội địa chiếm 80,4% tổng thu ngân sách trên địa bàn) và mang tính ổn định cao, góp phần tạo dựng nền tài chính lành mạnh.

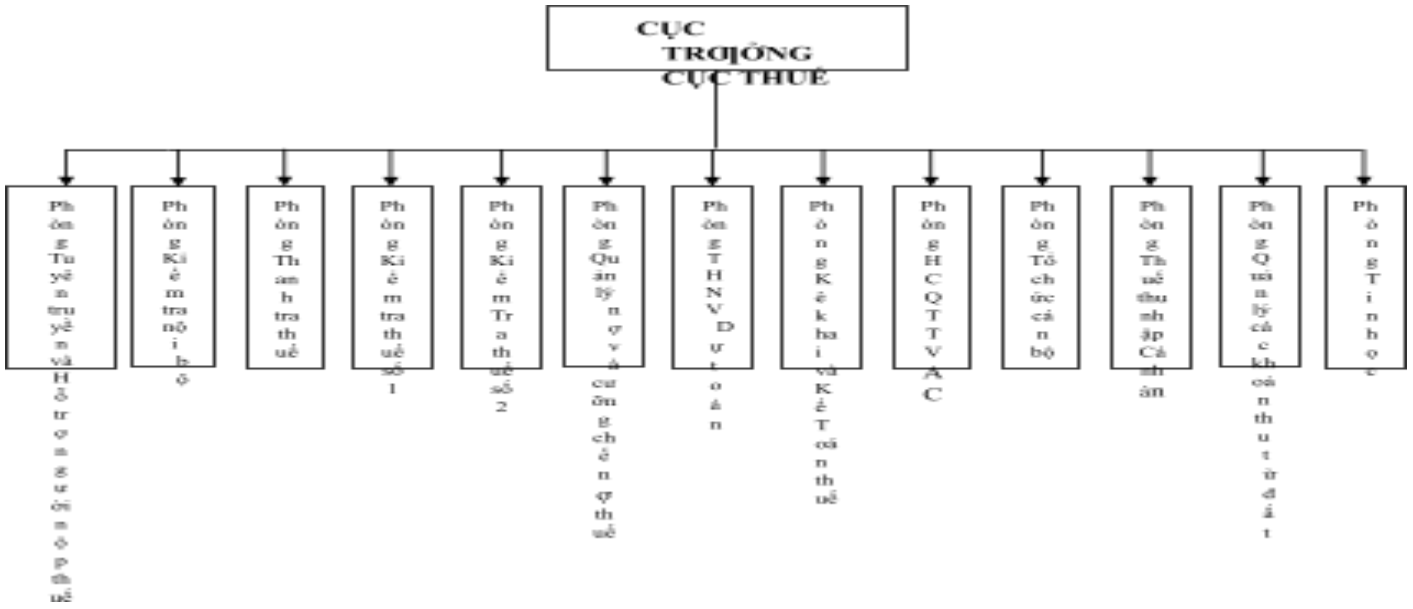
3.2.2. Cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Cục thuế Bắc Ninh

Tổ chức bộ máy của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh được cơ cấu với người đứng đầu Cục thuế là Cục trưởng, có 3 Phó cục trưởng được phân công theo dõi nhiệm vụ công tác của các phòng chức năng do Cục trưởng phân công.

3.2.2.1. Bộ máy tổ chức các phòng thuộc Cục thuế tỉnh Bắc Ninh

Văn phòng Cục thuế tỉnh Bắc Ninh gồm có 13 phòng chức năng

Tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý thuế cấp Cục Thuế của Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh được tổ chức như hình 3.1.



Hình 3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức tại văn phòng Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh

(Nguồn: Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh)

3.2.2.2. Chức năng nhiệm vụ của các phòng thuộc Cục thuế tỉnh Bắc Ninh

Các phòng tại văn phòng Cục thuế có chức năng và nhiệm vụ theo quy đinh tại Quyết đinh số 502/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế. Trong việc thực hiện nhiệm vụ theo chức năng của mình các phòng trao đổi, đối chiếu và phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của Cục thuế.

1. Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế

Giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách, pháp luật thuế, hỗ trợ người nộp thuế trong phạm vi Cục Thuế quản lý.

2. Phòng Kê khai và Kế toán thuế

Giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức thực hiện công tác đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế trong phạm vi Cục Thuế quản lý như: Xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch thực hiện công tác kê khai, kế toán thuế và thống kê thuế trên địa bàn, thực hiện chế độ báo cáo kế toán thuế, thống kê thuế theo quy định...

3. Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức thực hiện công tác quản lý nợ thuế, đôn đốc thu tiền thuế nợ và cưỡng chế thu tiền thuế nợ, tiền phạt trong phạm vi quản lý như: Xây dựng chương trình, kế hoạch thu nợ và cưỡng chế thu nợ thuế trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế đối với các

Chi cục Thuế; Trực tiếp theo dõi tình hình nợ, lập danh sách đối tượng nợ thuế và thực hiện phân loại nợ thuế theo quy định...

4. Phòng Kiểm tra thuế số 1

Giúp Cục trưởng Cục Thuế kiểm tra, giám sát kê khai thuế; chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thu đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Cục Thuế, bao gồm các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu phí và lệ phí của các đơn vị sự nghiệp có thu.

5. Phòng Kiểm tra thuế số 2

Giúp Cục trưởng Cục Thuế kiểm tra, giám sát kê khai thuế; chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thu đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Cục Thuế, cụ thể là là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

6. Phòng Thanh tra thuế

Giúp Cục trưởng Cục Thuế triển khai thực hiện công tác thanh tra người nộp thuế trong việc chấp hành pháp luật thuế; giải quyết tố cáo về hành vi trốn lậu thuế, gian lận thuế liên quan đến người nộp thuế thuộc phạm vi Cục Thuế quản lý.

7. Phòng Tổng hợp - Nghiệp vụ - Dự toán

Giúp Cục trưởng Cục thuế trong việc chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý thuế, chính sách, pháp luật thuế; xây dựng và thực hiện dự toán thu Ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi Cục Thuế quản lý

8. Phòng thuế thu nhập cá nhân

Giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức triển khai thực hiện thống nhất chính sách thuế thu nhập cá nhân; kiểm tra, giám sát kê khai thuế thu nhập cá nhân; tổ chức thực hiện dự toán thu thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Cục thuế như: Xây dựng nội dung chương trình kế hoạch triển khai thực hiện chính sách thuế thu nhập cá nhân; hướng dẫn người nộp thuế thực hiện chính sách thuế, các thủ tục hành chính thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn...

9. Phòng Kiểm tra nội bộ

Giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tính liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế; giải quyết khiếu nại (bao gồm cả khiếu nại các quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế và khiếu nại liên quan trong nội bộ cơ quan thuế, công chức thuế), tố cáo liên quan đến việc chấp hành công vụ và bảo vệ sự liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế trong phạm vi quản lý củaCục trưởng Cục Thuế.

10. Phòng Tin học

Giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức quản lý và vận hành hệ thống trang thiết bị tin học ngành thuế; triển khai các phần mềm ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý thuế và hỗ trợ hướng dẫn, đào tạo cán bộ thuế trong việc sử dụng ứng dụng tin học trong công tác quản lý. Thực hiện việc bảo quản và lưu trữ hồ sơ mạng và kỹ thuật, tài liệu và các văn bản pháp quy của Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của phòng theo quy định;...

11. Phòng Tổ chức cán bộ

Giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện về công tác tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ, biên chế, tiền lương, đào tạo cán bộ và thực hiện công tác thi đua khen thưởng trong nội bộ Cục Thuế.Tham mưu cho Cục trưởng Cục Thuế sắp xếp tổ chức bộ máy Cục Thuế và Chi cục Thuế theo đúng chiến lược cải cách hệ thống thuế; tinh giảm tổ chức bộ máy gọn nhẹ, nâng cao hiệu quả quản lý thuế...

12. Phòng Hành chính - Quản trị - Tài vụ - Ấn chỉ

Giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện các công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; công tác quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản trị, quản lý ấn chỉ thuế trong toàn Cục Thuế.

13. Phòng Quản lý các khoản thu về đất

Giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức triển khai thực hiện thống nhất chính sách thuế liên quan đến các khoản thu về đất; kiểm tra, giám sát kê khai các khoản thu về đất; tổ chức thực hiện dự toán thu các khoản thu về đất đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Cục thuế.

3.2.3. Đặc điểm nhân sự của Văn Phòng Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh

Tính đến hết tháng 12 năm 2014, tổng số cán bộ công chức ngành thuế Bắc Ninh là 506, trong đó ở văn phòng Cục thuế có 139 cán bộ trong đó có 1 đồng chí Cục trưởng Cục thuế chịu trách nhiệm chung, 3 đồng chí phó Cục trưởng cục thuế được phân công theo dõi, kiểm tra công tác của các phòng chức năng do Cục trưởng phân công; các cán bộ còn lại được bố trí làm việc tại 13 phòng thuộc văn phòng Cục thuế. Các phòng bao gồm 1 trưởng phòng và các phó phòng.

Bảng 3.1. Cơ cấu tổ chức cán bộ văn phòng Cục thuế tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2012 - 2014

CHỈ TIÊU	2012		2013		2014	
	Ngợời	(%)	Ngợời	(%)	Ngợời	(%)
Tổng số cán bộ	**128**		**134**		**139**	
1- Theo trình độ		**100,0**		**100,0**		**100,0**
- Sau Đại học	8	6,3	8	6,0	10	7,2
- Đại học	115	89,8	121	90,3	123	88,5
- Cao đẳng	1	0,8	1	0,7	1	0,7
- Trung cấp, lái xe	4	3,1	4	3,0	5	3,6
2- Theo giới tính		**100,0**		**100,0**		**100,0**
- Nam	45	35,2	47	35,1	50	36,0
- Nữ	83	64,8	87	64,9	89	64,0

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Đội ngũ cán bộ công chức viên chức thuộc văn phòng Cục thuế tỉnh Bắc Ninh có trình độ tương đối đồng đều, với lượng công chức thuế có trình độ đại học là chiếm đa số. Năm 2012 là 89,%; Năm 2013 là 90,3% và Năm 2014 là 88,5% tổng số công chức, viên chức của Cục thuế. Cán bộ thuế có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ không cao. Trong 1 năm trở lại đây, Cục thuế tỉnh Bắc Ninh có nhiều cán bộ đang tham gia học các lớp thạc sĩ. Số lượng cán bộ tại văn phòng Cục thuế có tăng nhưng tăng không nhiều vì các cán bộ được tuyển dụng trong những năm gần đây thường được bố trí làm việc tại Chi cục thuế các huyện, thành phố, thị xã. Các cán bộ tăng ở văn phòng Cục thuế chủ yếu do điều chuyển ở các Chi cục lên.

3.3. Đặc điểm hoạt động của các DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh

3.3.1. Đặc điểm tình hình hoạt động của DN NQD

+ Doanh nghiệp ngoài quốc doanh bao gồm cá thể, tổ hợp, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần… hoạt động trên tất cả các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Với lĩnh vực tham gia rộng rãi như vậy, kinh tế ngoài quốc doanh đã tạo một phần không nhỏ trong GDP, thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu hút lao động xã hội, tận dụng, khai thác tiềm năng của Tỉnh. Ngoài ra, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh còn có vai trò điều hoà thu nhập cũng như đóng góp vào ngân sách Nhà nước. Sự phát triển của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đã góp phần làm tăng thu ngân sách của tỉnh nhà.

+ Đặc điểm nổi bật của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tỉnh Bắc Ninh làcó rất nhiều làng nghề (nghề sắt ở Đa Hội - Châu Khê, nghề đúc đồng nhôm ở Đại Bái - Gia Bình, nghề dệt vải ở Tương Giang - Từ Sơn, sản xuất giấy ở Phong Khê - Thành phố Bắc Ninh, đồ gỗ ở Đồng Kỵ, Phù Khê, Hương Mạc - Từ Sơn)…Số thu từ các doanh nghiệp NQD ở các làng nghề này chiếm tỷ trọng tương đối so với tổng thu từ khu vực NQD trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, việc quản lý loại hình doanh nghiệp này cũng rất khó khăn và phức tạp do trình độ hiểu biết về các luật thuế của đa số giám đốc và kế toán còn chưa sâu, dẫn đến việc vi phạm chính sách thuế còn nhiều.

+ Hầu hết các doanh nghiệp ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp nhỏ và vừa nên thời gian vừa qua do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế đều khó khăn về vốn, sản xuất giảm sút, tiêu thụ sản phẩm chậm nên doanh thu và số thuế phát sinh phải nộp thấp hơn nhiều so với dự kiến, nhiều doanh nghiệp hoạt động cầm chừng hoặc phải tạm ngừng sản xuất, xin giải thể.

+ Một số doanh nghiệp kinh doanh ổn định do sản xuất sản phẩm tiêu thu nội địa chậm đã chuyển sang xuất khẩu.

Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh phát triển là động lực khơi dậy mọi tiềm năng về vốn, tri thức, lao động, đất đai… trong nhân dân nhằm sử dụng các tiềm năng này vào mục đích phát triển kinh tế, điều này có ý nghĩa to lớn trong điều kiện hiện nay. Góp phần lớn trong việc tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động, đặc biệt là tầng lớp người lao động giản đơn có trình độ học vấn thấp.

Bên cạnh đó, những năm gần đây tình hình kinh tế xã hội cả nước nói chung và tỉnh Bắc Ninh nói riêng đã và đang chịu sự ảnh hưởng về diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới. Đồng thời để kiềm chế lạm phát tăng cao Chính phủ đã có những giải pháp cụ thể, trong đó có giải pháp giảm, giãn thuế. Mặt khác, ngân hàng cũng thực hiện chính sách thắt chặt tín dụng, đã có trên 10% doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc đóng cửa, nhiều doanh nghiệp khác hoạt động cầm chừng, từ đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn tỉnh.

Lãi suất huy động và cho vay đã điều chỉnh giảm nhưng vẫn ở mức cao. Mặt khác, do nhiều doanh nghiệp ngoài quốc doanh không trả nợ được các khoản vay cũ nên cũng không vay được các khoản vay mới với lãi suất thấp hơn, do đó chi phí tài chính vẫn ở mức cao, dẫn đến không có lãi.

Tất cả yếu tố nêu trên đã làm cho số thu thuế GTGT ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn có xu hướng giảm.

Ngoài ra, việc thực hiện tiến độ đầu tư của các doanh nghiệp vào các dự án trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn chậm, thời gian đầu tư kéo dài, phát huy đầu tư xây dựng cơ bản còn hạn chế.

Đa số các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chấp hành nghiêm chỉnh chính sách pháp luật về thuế, tự giác kê khai và thực hiện đầy đủ các khoản thuế phải đóng góp với nhà nước, song vẫn còn một số doanh nghiệp chấp hành không đầy đủ chính sách pháp luật về thuế, không tự giác kê khai thuế theo quy định, thành lập doanh nghiệp để mua bán hoá đơn trốn thuế, một số doanh nghiệp dây dưa, chây ỳ trong việc nộp thuế, để nợ đọng thuế kéo dài, thậm chí tìm mọi cách để trốn thuế, gian lận thuế. Vì vậy, cần phải tăng cường công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT tại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh này.

3.3.2. Thực trạng về DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh

Trong những năm gần đây số lượng các doanh trên địa bàn tỉnh tăng lên nhanh chóng cùng với nhịp độ gia tăng nhanh của các doanh nghiệp này trong cả nước. Tính đến thời điểm 31/12/2012 toàn tỉnh mới chỉ có 1545 doanh nghiệp ngoài quốc doanh thì tính đến hết năm 2014 đã tăng lên là 1628 doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Theo thống kê của Cục thuế thì tính đến thời điểm 31/12/2014 toàn Cục thuế hiện đang quản lý 1628 doanh nghiệp ngoài quốc doanh không có vốn đầu tư nước ngoài. Cục thuế - Phòng kiểm tra số 2 quản lý 980 DN.

Bảng 3.2. Số lợợng các DN NQD trên địa bàn toàn tỉnh Bắc Ninh theo lĩnh vực kinh doanh qua 3 năm 2012 - 2014

Năm / Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh %	
	Số lợợng (DN)	Cơ cấu (%)	Số lợợng (DN)	Cơ cấu (%)	Số lợợng (DN)	Cơ cấu (%)	2013 / 2012	2014 / 2013
Tổng số	1545	100	1593	100	1628	100	103	102
- Ngành sản xuất	860	56	888	56	943	58	103	106
- Ngành xây dựng	330	21	280	18	220	14	85	79
- TMại-DVụ	205	13	260	16	285	18	127	110
- Lĩnh vực khác	150	10	165	10	180	11	110	109

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Nhìn vào số liệu ta thấy, các DN NQD hoạt động ngành sản xuất là chủ yếu, chiếm gần 60% số lượng DN NQD do Bắc Ninh là tỉnh có nhiều Khu công nghiệp tập trung, địa bàn kinh doanh rộng, giao thông thuận lợi thu hút đầu tư từ các DN nước ngoài và Nhà đầu tư tại các tỉnh lân cận.

Số lượng DN NQD ở các lĩnh vực đều có xu hướng tăng trong năm 2013 và 2014. Tuy nhiên các DN ngành xây dựng thì giảm do các DN NQD tiếp tục bị ảnh hưởng suy thoái kinh tế. Riêng các DN NQD hoạt động trong lĩnh vực như sản xuất vẫn ổn định và có có xu hướng tăng, năm 2014 tăng 2% so với năm 2013. Điều này cho thấy đây là lĩnh vực kinh doanh mang lại ít rủi ro và chịu ảnh hưởng ít của suy thoái kinh tế nên các doanh nghiệp sẽ đầu tư nhiều hơn và có chiều hướng phát triển.

Bảng 3.3. Số lợợng và cơ cấu doanh nghiệp ngoài quốc doanh Toàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn từ Năm 2012-2014

STT	Loại DN	2012		2013		2014		So sánh (%)	
		DN	%	DN	%	DN	%	2013/ 2012	2014/ 2013
III	**Theo địa bàn**	**1.545**		**1593**		**1628**		**103,1**	**102,2**
1	Trong KCN	681	44;1	693	43,5	714	43,8	101,7	103
2	Ngoài KCN	420	27,2	445	27,9	451	27,7	105,9	101,3
3	Làng nghề	444	28,7	455	28,6	463	28,5	102,4	101,7
IV	**Theo quy mô**	**1545**		**1593**		**1628**		**103,1**	**102,2**
1	Doanh nghiệp lớn	150	9,7	158	9,9	163	10	105,3	103,1
2	Doanh nghiệp nhỏ và vừa	1395	90,3	1435	90,1	1465	90	102,8	102,1

(Nguồn: Phòng Kê khai & kế toán thuế - Cục thuế Bắc Ninh)

Xét theo địa bàn hoạt động thì số doanh nghiệp trong các khu công nghiệp chiếm tỷ lệ lớn trên 43% do tỉnh Bắc Ninh hiện đang có 15 khu công nghiệp tập địa bàn trung, bên cạnh đó Bắc Ninh là một tỉnh có nhiều làng nghề nên số lượng các doanh nghiệp thuộc địa bàn cũng chiếm tỷ lệ tương đối trên 28%. Xét về quy mô hoạt động thì doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tỷ lệ lớn là 90%, số doanh nghiệp lớn chỉ chiếm 10%. Các DN NQD có chiều hướng tăng lên theo các ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp.

Bảng 3.4. Số lợợng các DN NQD do phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý theo lĩnh vực kinh doanh giai đoạn 2012 - 2014

Chỉ tiêu \ Năm	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh %	
	Số lợợng (DN)	Cơ cấu (%)	Số lợợng (DN)	Cơ cấu (%)	Số lợợng (DN)	Cơ cấu (%)	2013 / 2012	2014 / 2013
Tổng số	**850**	**100**	**900**	**100**	**980**	**100**	**105,9**	**108,9**
- Ngành sản xuất	445	52,3	465	51,7	495	50,5	104,5	106,5
- Ngành xây dựng	170	20	185	20,6	195	19,9	108,8	105,4

- TMại-DVụ	130	15,3	135	15	155	15,8	103,8	114,8
- Lĩnh vực khác	105	12,4	115	12,7	135	13,8	109,5	117,4

(Nguồn:Phòng kê khai và kế toán thuế - Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Bảng 3.4. có thể thấy số lượng các DN NQD tại Cục thuế tỉnh Bắc Ninh tăng. Tuy nhiên một thực trạng là số lượng các doanh nghiệp thực tế đang hoạt động nhỏ hơn so với số lượng các doanh nghiệp mà Cục thuế quản lý.

Các DN NQD do phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp này tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nhiều địa bàn, nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau như sản xuất, xây dựng, thương nghiệp, dịch vụ… và cũng đóng góp đáng kể vào NSNN.Nhìn vào bảng số liệu trên cho thấy các DN NQD hoạt động ngành sản xuất là chủ yếu, chiếm hơn 50% số lượng DN NQD do Bắc Ninh là tỉnh có nhiều Khu công nghiệp tập trung, địa bàn kinh doanh rộng, giao thông thuận lợi thu hút đầu tư từ các DN nước ngoài và Nhà đầu tư tại các tỉnh lân cận.

Căn cứ vào dự toán giao thu trong các năm từ 2012 - 2014, cho thấy kế hoạch giao thu cho doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm trên 20% dự toán thu của toàn tỉnh. Do vậy các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đóng một vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế.

Bảng 3.5. Số liệu về DN NQD trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh do phòng kiểm tra số 2 quản lý (2012- 2014) phân theo quy mô loại hình doanh nghiệp

STT	Loại hình	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Số DN (DN)	Tỷ trọng (%)	Số DN (DN)	Tỷ trọng (%)	Số DN (DN)	Tỷ trọng (%)
	Tổng cộng	**850**	**100**	**900**	**100**	**980**	**100**
1	Công ty TNHH	490	57,6	520	57,8	570	58,2
2	Công ty cổ phần	280	32,9	290	32,2	310	31,6
3	DNTN	60	7,1	65	7,2	70	7,1
4	HTX	20	2,4	25	2,8	30	3,1

(Nguồn: Phòng Kê khai & Kế toán thuế, Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Nhìn vào số liệu DN NQD ở bảng 3.5 cho thấy số lượng DN NQD năm sau đều tăng hơn so với năm trước theo từng loại hình DN, Số lượng DN là Công ty TNHH chiếm trên 57%, Công ty cổ phần chiếm trên 31%, DNTN chiếm trên 7%, còn lại là các HTX, điều đó thể hiện số lượng DN NQD ngày càng phát triển đó cũng là cơ sở tạo nguồn thu cho NSNN.

3.4. Thực trạng công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh

3.4.1. Kết quả thực hiện thu NSNN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2012 - 2014

Mặc dù dự toán giao năm sau luôn cao hơn năm trước nhưng số thu của cả tỉnh vẫn luôn luôn hoàn thành kế hoạch về tổng thể.

Trong những năm qua Cục thuế Bắc Ninh là một trong những tỉnh luôn hoàn thành suất sắc nhiện vụ thu NSNN, thu vượt dự toán mà Bộ Tài Chính, Tổng Cục Thuế giao, kết quả đó được thể hiện ở biểu sau:

Bảng 3.6. Thu NSNN tại Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2012 - 2014

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	2012	2013	2014	So sánh (%)	
					2013/2012	2014/2013
	Tổng số thu NSNN	**4.977.170**	**6.506.695**	**8.280.300**	130,7	127,3
I	***Tiền sử dụng đất***	***706.113***	***778.451***	***801.000***	110,2	102,9
II	*Số thu thuế, phí*	***4.271.057***	***5.728.244***	***7.479.300***	134,1	130,6
1	DNNNTW	973.336	990.956	931.500	101,8	94
2	DNNNĐP	152.953	164.650	198.500	107,6	120,6
3	DN có vốn ĐTNN	1.335.236	2.358.948	3.606.700	176,6	152,9
4	DN NQD	839.799	1.020.783	1.272.800	121,5	124,7
5	Thuế thu nhập cá nhân	565.159	751.423	926.400	133	123,3
6	Thuế sd đất phi NN	26.911	27.254	28.700	101,3	105,3
7	Tiền thuê đất	29.552	35.277	34.000	119,4	96,4
8	Thuế bảo vệ MT	78.591	80.690	83.000	102,7	102,9
9	Lệ phí trước bạ	130.635	164.593	199.000	126	120,9
10	Phí-lệ phí	29.550	34.342	36.000	116,2	104,8
11	Thu khác	109.335	99.328	162.700	90,8	163,8

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác thuế các năm - Cục thuế tỉnh BN)

Tổng thu NSNN toàn tỉnh năm 2013 tăng 30,7% so với năm 2012 tương đương tăng 1.529.525 triệu đồng. Năm 2014 tăng 27,3,7% tương đương tăng 1.773.605 triệu đồng. Số thu của khu vực ngoài quốc doanh năm 2013 tăng so với 2012 là 21,5% và năm 2014 tăng 24,7% so với năm 2013 là do SXKD của các doanh nghiệp đã có dấu hiệu phục hồi, nhiều doanh nghiệp đã vượt qua thời kỳ khó khăn

nhất. Mặt khác Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh đã triển khai thực hiện tốt việc quản lý giám sát các doanh nghiệp rủi ro, nhất là đã loại trừ căn bản các doanh nghiệp ma lợidụng mua bán hóa đơn để khấu trừ thuế, làm phát sinh số thuế nộp ngân sách tăng.

Trong những năm qua mặc dù nền kinh tế có nhiều khó khăn, những thách thức đặt ra đối với các DN rất lớn đặc biệt là đối với các DN NQD.Song với những nỗ lực phấn đấu tìm kiếm thị trường, huy động vốn để đầu tư nên một số DN NQD vẫn giữ vững được sản xuất kinh.Sản lượng hàng năm vẫn tăng, dẫn đến doanh thu tăng lên và có phát sinh các khoản thuế nộp vào NSNN, kết quả đó được thể hiện ở các biểu sau:

Bảng 3.7. Kết quả thu NSNN của các DN NQD trên toàn tỉnh Bắc Ninh theo từng sắc thuế

Chỉ tiêu \ Năm	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh (%)	
	Số tiền (trđ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (trđ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (trđ)	Tỷ trọng (%)	2013 /2012	2014 /2013
Tổng số tiền thuế đã nộp NSNN	839.799	100	1.020.783	100	1.272.824	100	122	125
1. Thuế GTGT	540.899	64	563.100	55	599.367	47	104	106
2. Thuế TNDN	280.080	33	432.688	42	639.285	50	154	147
3. Các loại thuế khác	18.820	2	24.995	3	34.172	3	133	137

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Nhìn vào bảng trên ta thấy, số thuế GTGT hàng năm chiếm tỷ lệ từ 47% đến 64 % trong cơ cấu thu thuế đã đóng góp phần không nhỏ vào ngân sách Nhà nước. Số thuế GTGT đã nộp từ năm 2012 đến năm 2014chiếm tỷ trọng tương đối lớn so với tổng số thu nộp NSNN.

Bảng 3.8. Bảng số thu NSNN của các DN NQD do phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý từ năm 2012 đến 2014

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu		2012	2013	2014	So sánh (%)	
					13/12	14/13
I. Số thu DN NQD Phòng kiểm tra số 2		**534.648**	**494.667**	**561.010**	**92,5**	**113,4**
1	Thuế GTGT	410.351	393.276	423.708	95,8	107,7
2	Thuế TNDN	109.936	93.476	128.097	85,03	137
3	Các loại thuế khác	14.361	7.915	9.205	55,1	116,3

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Nhìn vào bảng 3.8 ta thấy số thu SNNN của các DN NQD thuộc phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý năm 2013 có giảm đi 7,5 % so với năm 2012, năm 2014 số thu lại tăng hơn so với các năm và so với năm 2013 tăng 13,4% . Số thu NSNN về thuế GTGT chiếm tương đối lớn trong tổng số thu. Số thu NSNN năm 2013 giảm đi so với năm 2012 do nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn.

Như chúng ta đã biết, do ảnh hưởng bởi nền kinh tế thị trường nên các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đang có xu hướng thu hẹp sản xuất kinh doanh nên số thu từ các doanh nghiệp này cũng có xu hướng giảm. Mặt khác, có thể từ lý do khác như các doanh nghiệp thực hiện sai chính sách, cố ý làm sai, cán bộ trình độ kém không phát hiện ra các hành vi trốn thuế của các doanh nghiệp này. Đây cũng là lý do để Cục thuế tỉnh Bắc Ninh phải tăng cường quản lý chống thất thu thuế GTGT.

*Số thu tại phòng kiểm tra số 2 được phân đều trên 08 huyện thị thể hiện tại bảng 3.9.

Bảng 3.9. Số nộp về thuế GTGT so với số nộp NSNN theo địa bàn

TT	Địa bàn	Số nộp NSNN các năm			Số nộp về thuế GTGT các năm			Tỷ trọng về thuế GTGT (%)		
		2012 (Tr đ)	2013 (Trđ)	2014 (Trđ)	2012 (Trđ)	2013 (Trđ)	2014 (Trđ)	2012	2013	2014
1	TP Bắc Ninh	207,599	74,521	60,155	165,978	62,712	45,631	80	84	76
2	H. Yên Phong	38,663	48,331	53,558	16,616	23,394	29,419	43	48	55
3	H. Quế Võ	18,946	27,908	20,319	16,678	26,660	15,701	88	96	77
4	H. Tiên Du	152,232	206,011	243,915	127,893	168,345	177,650	84	82	73
5	H. Thuận Thành	20,470	18,785	12,355	12,808	11,793	8,265	63	63	67
6	H. Lương Tài	9,163	9,208	14,842	6,987	8,471	13,635	76	92	92
7	TX Từ Sơn	85,204	106,998	153,596	61,882	89,217	131,870	73	83	86
8	H. Gia Bình	2,371	2,905	2,270	1,509	2,684	1,537	64	92	68
	Tổng cộng	**534,648**	**494,667**	**561,010**	**410,351**	**393,276**	**423,708**	**77**	**80**	**76**

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Nhìn vào bảng số liệu cho thấy số thuế GTGT nộp NSNN của các DN NQD tại các địa bàn là tương đối lớn chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng số thu trên các sắc thuế.

Số nộp NSNN của các DN NQD theo địa bàn năm 2013 gần như đều giảm so với năm 2012 trong đó địa bàn thành phố Bắc Ninh giảm nhiều nhất 133.078 triệu đồng, sau đến địa bàn huyện Thuận Thành giảm 1.685triệu đồng, cụ thể là Tổng công ty đô thị Kinh Bắc (TP Bắc Ninh) và Công ty cổ phần Khai Sơn (H. Thuận Thành). Hai đơn vị này kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản bị ảnh hưởng bởi nền kinh tế thị trường nên giảm doanh thu, khoản thu thuế từ

các doanh nghiệp này giảm đi là do các DN chưa tự giác trong việc tự khai, tự tính và nộp thuế..

Chính nhờ sự phát triển mạnh mẽ của các DN NQD không những góp phần vào việc tăng thu cho NSNN mà còn góp phần giải quyết một lượng lớn lao động trong tỉnh cũng như lao động ở các huyện, các tỉnh khác đến làm việc.

Chính vì thế để số thu về thuế GTGT năm sau luôn luôn cao hơn năm trước và hoàn thành kế hoạch được giao thì công tác chống thất thu thuế thuế đặc biệt là thuế GTGT đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh là vô cùng cần thiết.

3.4.2. Công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với các DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh

3.4.2.1.Tình hình quản lý công tác đăng ký thuế , kê khai thuế và nộp thuế

** Quản lý đăng ký thuế*

Đăng ký thuế và được cấp mã số thuế là quyền lợi và nghĩa vụ của các đối tượng nộp thuế (ĐTNT). Công việc này là một thủ tục hành chính không quá phức tạp, đơn giản chỉ với mục đích để ĐTNT trình diện với cơ quan thuế, song nếu tiến hành khẩn trương sẽ giúp các cơ sở kinh doanh có thể nhanh chóng đi vào hoạt động.

Nhận thức được đây là một công việc cũng hết sức quan trọng, liên quan trực tiếp đến NNT, tạo điều kiện đối với các doanh nghiệp mới được thành lập, Cục thuế tỉnh Bắc Ninh đã chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở kế hoạch đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp, UBND các huyện thành phố và Công an tỉnh để hướng dẫn các danh nghiệp thực hiện việc đăng ký kê khai thuế liên thông qua bộ phận một cửa trên cổng điện tử, và đăng ký mẫu dấu cho NNT nhằm giúp NNT giảm bớt các thủ tục hành chính, giảm các chi phí đi lại để giải quyết công việc nhanh chóng, giúp doanh nghiệp sớm đi vào hoạt động kinh doanh góp phần tăng thu NSNN.

Từ năm 2010 đến nay việc đăng ký thuế đối với doanh nghiệp thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông theo Nghị định 43/NĐ-CP, thông tin của NNT chính thức có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, mã số thuế là mã số doanh nghiệp, thủ tục rất đơn giản: NNT không cần phải kê khai đăng ký thuế theo tờ khai mẫu số 01 gửi cơ quan thuế mà chỉ cần gửi giấy đề nghị Đăng ký kinh doanh và bản kê khai thông tin Đăng ký thuế của NNT đến Sở Kế hoạch đầu tư, sau đó Sở Kế hoạch chuyển sang cơ quan thuế để cấp mã số thuế (MST), khi đó Sở kế hoạch đầu tư (KHĐT) lấy MST

do cơ quan thuế chuyển sang theo đường truyền điện tử làm mã số doanh nghiệp để in giấy chứng nhận đang ký kinh doanh và đăng ký thuế trả cho NNT. Hiện nay, NNT khi thành lập doanh nghiệp chỉ mất 07 ngày là xong thủ tục. Bắc Ninh là một trong số các tỉnh triển khai thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo NĐ 43/2010/NĐ-CP sớm hơn so với các tỉnh trong cả nước.*)*

Số lượng các doanh nghiệp ngày một phát triển, trung bình mỗi năm tăng thêm không nhiều doanh nghiệp vì vậy cũng đặt ra cho cơ quan thuế cách quản lý sao cho hiệu quả.

Ngoài ra, Cục thuế tỉnh Bắc Ninh cũng đã chủ động rà soát, đối chiếu, phát hiện nhiều trường hợp doanh nghiệp tỉnh ngoài được thuê đất để đầu tư tại tỉnh Bắc Ninh nhưng chưa tự giác đăng ký kê khai thuế tại Bắc Ninh theo quy định, thậm trí có những doanh nghiệp đã đầu tư xong và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng vẫn không thành lập đơn vị trực thuộc và không kê khai nộp thuế GTGT tại tỉnh Bắc Ninh. Qua đó yêu cầu doanh nghiệp đăng ký thuế, kê khai và nộp kịp thời các khoản thuế phát sinh trên địa bàn trong quá trình đầu tư như thuế GTGT của hoạt động xây dựng, chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh,…

Bên cạnh đó, cũng đã phối hợp với các ngành giám sát chặt chẽ hoạt động và sự biến động của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp bỏ địa chỉ, chuyển địa bàn, tạm ngừng hoạt động, doanh nghiệp có biểu hiện nghi vấn trong việc sử dụng hóa đơn. Vì vậy, đã ngăn ngừa có hiệu quả tình trạng thành lập doanh nghiệp, cấp MST để được mua hóa đơn rồi bỏ trốn.

Bảng 3.10. Số lợợng DN NQD thuộc phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý giai đoạn từ 2012-2014

TT	Loại hình DN	Số DN NQD toàn tỉnh quản lý (DN)			Số DN NQD thuộc phòng KT sô 2 (DN)			Tỷ trọng qua các năm (%)		
		2012	2013	2014	2012	2013	2014	2012	2013	2014
1	Công ty TNHH	741	780	811	490	520	570	66	67	70
2	Công ty Cổ phần	432	448	458	280	290	310	65	65	68
3	DNTN+ HTX	372	365	359	80	90	100	22	25	28
	Tổng cộng	**1545**	**1593**	**1628**	**850**	**900**	**980**	**55**	**56**	**60**

(Nguồn: Phòng kê khai và kế toán thuế)

Nhìn vào bảng số liệu trên cho thấy số lượng DN NQD thuộc phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý chiếm từ 55% đến 60 % so với tổng số DN NQD toàn tỉnh quản

lý. Đó cũng là cơ sở để Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh giao kế hoạch thu thuế đối với các DN NQD của phòng kiểm tra thuế số 2. Đây là đơn vị có số thu NSNN chiếm tỷ trọng lớn trong số thu từ khu vực NQD.

Phân tích về thực trạng quản lý thuế đối với các DN NQD tại Cục thuế Bắc Ninh. Học viên đã tiến hành điều tra thu thập ý kiến của một số ngành nghề chủ yếu về việc đăng ký giấy phép kinh doanh cụ thể như sau:

Bảng 3.11. Bảng thống kê doanh nghiệp đăng ký kê khai thuế

ĐVT: doanh nghiệp

Ngành nghề kinh doanh	Số lợợng DN do phòng KT2 quản lý	Khi có giấy phép kinh doanh		Tỷ lệ (%)	
		Thực hiện đăng ký ngay	Đăng ký sau khi cơ quan thuế nhắc nhở	Thực hiện đăng ký ngay	Đăng ký sau khi cơ quan thuế nhắc nhở
Năm 2012	850	840	10	98,8	1,2
Năm 2013	900	870	30	96,7	3,3
Năm 2014	980	955	25	97,5	2,5
Tổng cộng	**2.730**	**2.655**	**65**	**97,3**	**2,7**

(NguồnCục thuế Tỉnh Bắc Ninh)

Bảng 3.11 cho thấy trong tổng số các doanh nghiệp mà phòng kiểm tra 2 quản lý khi có giấy phép kinh doanh thì số các DN đã thực hiện đăng ký kê khai thuế ngay chiếm đại đa số, tỷ lệ cụ thể qua các năm: Năm 2012 là 98,8%, năm 2013 là 96,7%, năm 2014 là 97,5% điều đó chứng tỏ rằng ngay sau khi có giấy phép kinh doanh là các DN có ý thức thực hiện đăng ký kê khai thuế ngay. Còn một bộ phận nhỏ các DN đăng ký sau khi khi cơ quan thuế nhắc nhở. Đó cũng là điều kiện thuận lợi để cơ quan thuế quản lý thu thuế đối với các DN NQD, từ đó nắm bắt và yêu cầu các DN kê khai thuế ngay .

Bên cạnh những kết quả đạt được thì công tác quản lý Đăng ký thuế vẫn còn một số các tồn tại như:

- Chưa đóng mã số thuế kịp thời đối với các doanh nghiệp ngừng nghỉ, giải thể.
- Việc đôn đốc Đăng ký thuế đối với những doanh nghiệp ở tỉnh ngoài có dự án đầu tư tại tỉnh Bắc Ninh còn chậm.

Từ những vấn đề nêu ở trên dẫn đến công tác chống thất thu thuế GTGT sẽ hạn chế hơn, góp phần tăng thu cho NSNN nhất là thuế GTGT.

***Quản lý Kê khai thuế và nộp thuế**

Công tác quản lý Kê khai và nộp tờ khai thuế là nhiệm vụ hết sức quan trọng, được lãnh đạo Cục hết sức quan tâm. Thông qua số liệu trên hồ sơ khai thuế của NNT giúp cơ quan thuế biết được tình hình hoạt động SXKD của doanh nghiệp, từ đó giúp cho việc quản lý của cơ quan thuế đối với NNT có hiệu quả, đánh giá đúng tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp NSNN của NNT để có những biện pháp tuyên dương, khen thưởng kịp thời đối với NNT.

Đến hết năm 2012, DN NQD do phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý là 850 doanh nghiệp; năm 2013 quản lý 900 doanh nghiệp; năm 2014 quản lý 980 doanh nghiệp, với số lượng hồ sơ khai thuế hàng tháng là rất nhiều. Do vậy, vào ngày 20 hàng tháng cán bộ ở bộ phận Kê khai và Kế toán thuế phải tổng hợp và báo cáo chính xác số doanh nghiệp phải nộp tờ khai, đã nộp tờ khai, chưa nộp tờ khai. Cập nhật kịp thời các doanh nghiệp ngừng, tạm nghỉ kinh doanh để đưa ra khỏi danh sách theodõi đôn đốc nộp hồ sơ khai thuế. Đối với những doanh nghiệp quá thời hạn nộp hồ sơ khai thuế 05 ngày mà chưa gửi hồ sơ khai thuế, cơ quan thuế ra thông báo đôn đốc yêu cầu nộp HSKT để doanh nghiệp biết và thực hiện. Trường hợp sau 3 lần đôn đốc mà doanh nghiệp vẫn không nộp hồ sơ khai thuế thì Phòng KK&KTT phối hợp với phòng Kiểm tra để kiểm tra thực tế tại đơn vị và có biện pháp xử lý kịp thời. Đặc biệt trong quá trình xử lý hồ sơ khai thuế của các doanh nghiệp nếu phát hiện các doanh nghiệp kê khai sai, kê khai bổ sung không đúng quy định thì các phòng có liên quan phối hợp với nhau để xem xét giải quyết theo đúng quy trình quản lý thuế.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho NNT thực hiện nộp HSKT, Tổng cục thuế đã có các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn Cục thuế và NNT nộp HSKT qua mạng với mục tiêu tiết kiệm thời gian, chi phí in ấn tờ khai, đồng thời luôn đảm bảo số liệu chính xác khi gửi HSKT đến cơ quan thuế. Cho đến hết năm 2014 toàn tỉnh Bắc Ninh đã có 98% doanh nghệp thực hiện kê khai thuế điện tử và thường xuyên gửi HSKT qua mạng. Do vậy đã phần nào giảm bớt những sai sót cho doanh nghiệp khi thực hiện khai thuế. Trong đó có 100% số DN NQD do phòng kiểm tra số 2 quản lý thực hiện kê khai thuế qua mạng.

Tổ chức thực hiện đúng quy trình kê khai thuế, tăng cường đôn đốc nộp HSKT, kiểm soát việc kê khai thuế của NNT, phát hiện ngay các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, không kịp thời số thuế phải nộp để có biện pháp chấn chỉnh, xử lý kịp thời. Do vậy, trong thời gian qua ở Cục thuế tỉnh Bắc Ninh về cơ bản NNT đều chấp hành tốt việc kê khai, nộp thuế kịp thời số thuế phát sinh vào NSNN. Tính bình quân tỷ lệ NNT nộp tờ khai đúng hạn là 95% trên

tổng số NNT phải nộp tờ khai, chủ yếu các doanh nghiệp nộp chậm hồ sơ khai thuế ở mức 1 (5 ngày).

Trong những năm qua từ việc quản lý tốt việc kê khai nộp thuế của các DN NQD do phòng kiểm tra số 2 quản lý, việc DN tự khai, tự tính thuế, nộp thuế vào NSNN được đầy đủ hơn, kịp thời hơn. Hạn chế được các DN kê khai dấu doanh thu tính thuế GTGT, kê khai thuế GTGT đầu vào mua của các DN bán hóa đơn, DN bỏ trốn...làm tăng nguồn thu cho NSNN.

Bảng 3.12. Số lợợng DN NQD đang quản lý và số lợợng DN NQD kê khai thuế giá trị gia tăng giai đoạn 2012 -2014

Loại hình	Số DN NQD quản lý (DN)			Số DN NQD kê khai thuế GTGT(DN)			Tỷ trọng qua các năm (%)		
	2012	2013	2014	2012	2013	2014	2012	2013	2014
Công ty trách nhiệm hữu hạn	490	520	570	450	500	540	92	96	95
Công ty CP	280	290	310	255	260	290	91	90	93
Doanh nghiệp tư nhân,HTX	80	90	100	75	84	95	94	93	95
Cộng	**850**	**900**	**980**	**780**	**844**	**925**	**92**	**94**	**94**

(Nguồn: Phòng Kê khai & Kế toán thuế, Cục thuế tỉnh Bắc Ninh

Nhìn vào bảng trên cho chúng ta thấy số lượng các doanh nghiệp NQD do phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý ở các năm tăng thêm không nhiều vì vậy cũng đặt ra cho cơ quan thuế cách quản lý sao cho hiệu quả.

Số DN NQD kê khai thuế GTGT so với DN NQD đang quản lý năm sau cao hơn năm trước điều đó chứng tỏ các DN kê khai thuế GTGT tương đối nhiều, nguồn thu từ thuế GTGT rất lớn góp phần tăng thu cho NSNN.

Bảng 3.13. Số thuế giá trị gia tăng kê khai các năm 2012-2014

Loại doanh nghiệp	2012		2013		2014		So sánh (%)	
	Giá trị (Trđ)	Tỷ trọng %	Giá trị (Tr. Đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	2013/ 2012	2014/ 2013
Tổng cộng	**422.000**	**100**	**404.000**	**100**	**434.000**	**100**	**95,7**	**107,4**
I/ Theo loại hình DN								
1.Công ty TNHH	260.000	61,6	265.000	65,6	270.000	62,2	101,9	102
2.Công ty CP	130.000	30,8	112.000	27,7	131.000	30,2	86,2	117
3. DN TN, HTX	32.000	7,6	27.000	6,7	33.000	7,6	84,4	122,2
II/ Theo ngành nghề								
1.Sản xuất	250.000	59,2	245.000	60,6	285.000	65,7	98	116,3
2.Xây dựng	145.800	34,5	130.000	32,2	125.000	28,8	89,2	96,2
3.Thương mại, DV	26.200	6,3	29.000	7,2	24.000	5,5	110,7	82,8

(Nguồn: Phòng kê khai, kế toán thuế Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Nhìn vào số liệu trên cho thấy số kê khai của các doanh nghiệp về thuế giá trị gia tăng các năm từ 2012-2014 tương đối đồng đều, số kê khai năm sau cao hơn năm trước. Loại hình công ty TNHH kê khai phải nộp với tốc độ tăng trưởng cao hơn thể hiện tính minh bạch, rõ ràng hơn giữa công ty Cổ phần với công ty TNHH, cụ thể các công ty TNHH có số kê khai năm sau cao hơn năm trước, năm 2013 tăng 1,9% so với năm 2012 và năm 2014 tăng 2% so với năm 2013 (năm 2014 so với 2012 tăng 3,8%), trong khi công ty Cổ phần năm 2013 giảm đi so với năm 2012.Số kê khai của loại hình DNTN và HTX không đáng kể, chiếm khoảng 5% đến 7 % trong tổng số kê khai. Nếu phân tích theo ngành nghề hoạt động thì số kê khai của doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất chiếm tỷ trọng cao trong năm, trên 60%. Kê khai như vậy có thể nói cần phải quan tâm đến các doanh nghiệp sản xuất vì chỉ những biến động nhỏ của các doanh nghiệp này cũng ảnh hưởng lớn đến số kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng. Tuy nhiên cũng không thể bỏ qua việc kiểm tra giám sát việc kê khai của các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Bảng 3.14. Số thu về thuế GTGT so với kê khai các năm 2012 - 2014 theo loại hình doanh nghiệp

Loại doanh nghiệp	2012		2013		2014	
	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)
A. Tổng số kê khai	**422.000**	**100**	**404.000**	**100**	**434.000**	**100**
B.Tổng thu	**410.351**	**97,2**	**393.276**	**97,3**	**423.708**	**97,6**
I/ Theo loại hìnhDN						
1.Công ty TNHH	255.351	62,2	262.276	66,7	263.708	62,2
2.Công ty CP	125.000	30,5	105.000	26,3	129.000	30,4
3. DN TN, HTX	30.000	7,3	26 .000	7,0	31.000	7,4
II/ Theo ngành nghề						
1.Sản xuất	252.000	61,4	260.000	66,1	270.000	63,7
2.Xây dựng	122.000	29,7	121.000	30,8	115.000	27,1
3.Thương mại, DV	36.351	8,9	12.276	3,1	38.708	9,2
C. Nợ đọng	**11.649**	**2,8**	**10.724**	**2,7**	**10.292**	**2,4**

(Nguồn: Phòng kê khai, kế toán thuế Cục Thuế tỉnh)

Bảng số liệu cho ta thấy số nộp về thuế GTGT của công ty TNHH đang chiếm tỷ trọng cao trong tổng số (từ 61% đến 66%) do có một số công ty TNHH hoạt động tốt số thuế kê khai cao và thường nộp đúng hạn đồng thời những doanh nghiệp này cũng là các đơn vị sản xuất do đó số thu của ngành sản xuất cũng chiếm tỷ trọng cao trong tổng số thu về thuế GTGT hàng năm.Sau công ty TNHH thì loại

hình Công ty cổ phần là loại hình có số nộp về thuế GTGT chiếm từ 26% đến trên 30%. Số nộp về thuế GTGT của các DNTN và HTX chiếm tỷ trọng nhỏ (trên 7%) so với các loại hình doanh nghiệp khác vì loại hình doanh nghiệp này có mô hình kinh doanh nhỏ.

Kết quả trên đây đã cho ta thấy tính hiệu quả trong công tác quản lý thuế GTGT. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng nợ đọng thuế GTGT và tỷ lệ nợ đọng năm 2012 là 2,8% tương đương với số thuế nợ đọng theo kê khai là 11.649 triệu đồng, năm 2013 giảm hơn tỷ lệ nợ đọng là 2,7% tương đương số thuế nợ đọng là 10.724 triệu đồng, năm 2014 tỷ lệ nợ đọng là 2,4% tương đương với số thuế còn nợ đọng là 10.292 triệu đồng. Nguyên nhân là do khối doanh nghiệp sản xuất có số thuế GTGT phát sinh lớn nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, dẫn đến tình trạng nợ đọng, sở dĩ các đơn vị này nợ đọng là do ảnh hưởng nền kinh tế bị suy thoái, doanh nghiệp sản xuất hàng ra nhưng bán hàng chậm không tìm được đối tác.

Bảng 3.15. Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng doanh nghiệp đã nộp cho cơ quan thuế giai đoạn 2012-2014

STT	Loại hình	Số hồ sơ (lợợt hồ sơ)			So sánh tuyệt đối		So sánh %	
		2012	2013	2014	2013/ 2012	2014/ 2013	2013/ 2012	2014/ 2013
1	Công ty TNHH	4,700	4,550	4,600	(150)	50	96,8	101,1
2	Công ty cổ phần	3,650	3,350	3,450	(300)	100	91,8	103
3	DNTN+ HTX	1,200	1,100	1,030	(100)	(70)	91,7	93,6
	Tổng cộng	**9,550**	**9,000**	**9,080**	**(550)**	**80**	**94,2**	**100,9**

(Nguồn: Phòng KK&KTT Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Nhìn vào bảng số liệu ta thấy số lượng hồ sơ khai thuế GTGT của các doanh nghiệp NQD do phòng kiểm tra thuế số 2 - Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh đã tiếp nhận và xử lý năm 2013 giảm 5,8% tương đương với 550 lượt hồ sơ, nguyên nhân là do từ tháng 7 năm 2013 thực hiện Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, một số DN NQD đều rơi vào trường hợp có doanh thu năm trước liền kề dưới 20 tỷ đồng nên chuyển sang kê khai và nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng theo quý, vì vậy giảm tần suất kê khai và nộp hồ sơ khai thuế. Sang năm 2014 so với năm 2013 lượng hồ sơ khai thuế của Công ty TNHH tăng 50 lượt hồ sơ và Công ty cổ phần tăng 100 lượt hồ sơ là do đến hết 2013 có một số DN mới thành lập kê khai theo tháng , một số DN hết năm 2013 căn cứ vào doanh thu trên 20 tỷ đồng chuyển sang kê khai theo tháng nên số lượt hồ sơ khai thuế sẽ tăng lên.

Trong công tác quản lý kê khai thuế GTGT còn có một số DN NQD tính tự giác trong việc chấp hành nghĩa vụ thuế chưa cao thường sử dụng một số hình thức trốn thuế GTGT như:

- Trốn thuế thông qua việc sử dụng hóa đơn.

Tình trạng gian lận thuế thông qua việc sử dụng hóa đơn làm cho NSNN thất thu cả về thuế GTGT . Để trốn thuế các doanh nghiệp bán hàng ghi giá trên hóa đơn thấp hơn giá thực tế thu của khách hàng, điển hình của hình thức này là các doanh nghiệp kinh doanh xe máy, ô tô. Bên cạnh đó các doanh nghiệp còn lợi dụng việc mua hàng mà không lấy hóa đơn của người dân để không xuất hóa đơn bán hàng, điển hình là các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực buôn bán vật liệu xây dựng, như đã biết các công trình xây dựng chủ yếu của người dân là nhà cửa vì thế chi phí vật tư có thể lên tới vài chục thậm chí vài trăm triệu đồng do vậy mà nhà nước sẽ mất đi một khoản tiền rất lớn.

Một số doanh nghiệp còn sử dụng hóa đơn giả, hóa đơn của doanh nghiệp đã bỏ trốn để hợp thức hóa thuế GTGT đầu vào được khấu trừ nhằm chiếm dụng tiền thuế GTGT khi xác định thuế GTGT phải nộp.Các doanh nghiệp còn trốn thuế thông qua việc kê khai không đúng thuế suất, tình trạng kê khai thuế suất của các mặt hàng bán ra từ mức thuế suất 10% xuống mức 5%, hay kê khai thuế đầu vào của các mặt hàng từ mức 5% lên 10% vẫn còn phổ biến.

Chính vì nhận thức được tầm quan trọng trong công tác chống thất thu thuế nên trong thời gian qua Cục thuế tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều biện pháp tích cực nhằm hạn chế tới mức thấp nhất tình trạng thất thu thuế nhất là đối với sắc thuế GTGT .

Kết quả điều tra về kê khai, nộp thuế GTGT thể hiện ở bảng 3.16

Bảng 3.16. Kết quả điều tra về kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng

TT	Nội dung câu hỏi	Số lượng DN điều tra	Số lượng câu trả lời	Tỷ lệ (%)
1	**Nguyên nhân kê khai thuế bị thiếu sót**	**592**	**592**	**100**
	Kê khai đầy đủ phải nộp nhiều thuế hơn		25	4,2
	Biểu mẫu kê khai phức tạp		45	7,6
	Thủ tục nộp HSKT chưa thuận lợi		350	59,1
	Chính sách thuế thay đổi		172	29,1
2	**Tự giác kê khai khi không có phát sinh thuế**	**592**	**592**	**100**
	Không kê khai		20	3,4
	Kê khai nếu bị nhắc nhở		50	8,4
	Phải kê khai vì đây là nghĩa vụ		522	88,2
3	**Cách nộp tờ khai thuế GTGT**	**592**	**592**	**100**
	Kê khai qua mạng		570	96,3
	Nộp trực tiếp tại cơ quan thuế		22	3,7

(Nguồn: Theo kết quả của phiếu điều tra)

Kết quả cho thấy có 59,1% số người được hỏi cho là nguyên nhân sai sót là do thủ tục khai thuế còn rườm rà, chưa thuận lợi. Một số nhỏ cho là nếu khai thì phải nộp nhiều hơn (4,2%).

Về câu hỏi có tự giác kê khai thuế GTGT khi không có phát sinh thuế GTGT đầu vào và đầu ra, có tới 88,2% trả lời phải kê khai vì đây là nghĩa vụ. Tuy nhiên, vẫn còn tới 8,4% chưa có ý thức đầy đủ về nghĩa vụ thuế khi trả lời không tự ý kê khai hoặc chỉ kê khai khi bị nhắc nhở.

Con số 96,3 % trả lời đã khai thuế qua mạng, đây là dấu hiệu sẽ đạt con số 100% các doanh nghiệp hoạt động sẽ thực hiện khai thuế qua mạng của phòng kiểm tra thuế số 2 và thực tế đến hết 31/12/2014 số DN NQD do phòng kiểm tra thuế số 2 quản lý đã có 100% số DN thực hiện kê khai thuế qua mạng.

Công tác hiện đại hóa thu ngân sách trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng quy chế phối hợp 1027/QC-BTC của Bộ Tài chính, việc kết nối trao đổi thông tin giữa Thuế - Ngân hàng - Kho bạc đã thực hiện ở tất cả các huyện, thị xã, thành phố. Đặc biệt Cục thuế Bắc ninh cũng đã phối kết hợp chặt chẽ với Kho Bạc tỉnh và các huyện, thị xã xây dựng quy chế trong việc khấu trừ thuế Xây dựng cơ bản trên địa bàn theo sự chỉ đạo của Tổng cục thuế.

Thực hiện theo dõi và hạch toán chính xác, đầy đủ số tiền thuế GTGT đã nộp của các doanh nghiệp vào chương trình Quản lý thuế của Ngành, phục vụ tốt công tác quản lý và điều hành của lãnh đạo. Thực hiện kết nối thông tin với Kho Bạc nhà nước theo đúng quy định. Đến nay đã có 100% các doanh nghiệp nộp thuế qua các Ngân hàng thương mại

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý kê khai, nộp thuế vẫn còn một số tồn tại và chưa đạt được hiệu quả như mong muốn:

- Chưa thực sự tích cực, chủ động trong việc phân tích hồ sơ khai thuế gắn với thực trạng, quy mô hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Còn nhiều doanh nghiệp kê khai không có số nộp hoặc số nộp thấp nhưng chưa đánh giá được nguyên nhân thỏa đáng.
- Chưa kiên quyết xử lý đối với những trường hợp không kê khai thuế, nộp chậm hồ sơ khai thuế hoặc khai không chính xác theo quy định của luật Quản lý thuế.
- Chưa phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai sai, các trường hợp điều chỉnh tăng, giảm có nghi vấn trên tờ khai
- Các trường hợp doanh nghiệp có phát sinh chứng từ nộp thuế tỉnh ngoài nhưng không kê khai doanh thu,…

3.4.2.2. Tình hình quản lý công tác hoàn thuế GTGT

Hoàn thuế là một trong những việc làm quan trọng trong việc áp dụng thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ. Hiện nay chúng ta vẫn sử dụng chính sách hoàn trước - kiểm tra sau để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, cũng như tạo cho doanh nghiệp có cảm giác về một cơ chế thông thoáng. Tại Thông tư 28/2011/TT-BTC ngày 28-2-2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về quản lý thuế (đến năm 2014 thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 ra đời thay thế thông tư số 28/TT-BTC ngày 28/02/2011) đã có nhiều trường hợp doanh nghiệp được hoàn thuế; nhưng chủ yếu là hoàn thuế GTGT như: Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ trong 3 tháng liên tục có số thuế GTGT còn được khấu trừ, Hoàn thuế đối với CSKD mới thành lập từ dự án đầu tư có đầu tư tài sản cố định, máy móc thiết bị, Cơ sở kinh doanh hoàn thuế GTGT do xuất khẩu. Cơ sở kinh doanh có quyết định xử lý hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện hoàn thuế cho các trường hợp trên đã góp phần giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp, khuyến khích mạnh mẽ cho việc sản xuất hàng hoá, tạo công ăn việc làm cho người lao động dẫn tới tăng thu cho NSNN.

Quá trình kiểm tra hồ sơ hoàn thuế GTGT nhiều năm qua cho thấy, một số đơn vị còn vi phạm quy định, thủ tục, điều kiện hoàn thuế liên quan đến luật thuế GTGT và Quản lý thuế như: việc sử dụng mã số thuế chưa đúng quy định; lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế chưa đúng đối tượng với kỳ hạn hoàn thuế dài. Việc ghi chép trên hóa đơn GTGT đầu vào của người nộp thuế không đủ điều kiện khấu trừ: kê khai doanh thu; thuế GTGT đầu ra không đúng kỳ phát sinh hoặc không thực hiện thanh toán qua hệ thống ngân hàng.

*** Công tác hoàn thuế**

Hoàn thuế GTGT thể hiện tính ưu việt của sắc thuế GTGT, việc hoàn thuế góp phần giúp cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất thuận lợi hơn.Tuy nhiên nếu công tác kiểm tra hoàn thuế nếu không được thực hiện tốt thì rất dễ để xảy ra trường hợp một số doanh nghiệp lợi dụng để kiếm lợi riêng không những nhà nước mất đi một khoản thu mà còn bị các doanh nghiệp này lấy tiền từ NSNN do những khoản hoàn khống.

Công tác hoàn thuế tại cục thuế được tiến hành theo đúng quy định, kịp thời giúp cho doanh nghiệp được thuận lợi trong hoạt động của mình. Cục thuế đã hoàn thuế cho nhiều doanh nghiệp được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.17. Kết quả hoàn thuế giai đoạn (2013 - 2014)

Chỉ tiêu	2013		2014		Chênh lệch	
	DN	Số tiền (Trđ)	DN	Số tiền (Trđ)	DN	Tỷ lệ (%)
Cộng	**35**	**474.249**	**49**	**595.591**	**4**	**153,44**
Kiểm tra trước hoàn thuế sau	20	150.124	26	230.356	6	153,4
Kiểm tra sau hoàn thuế trước	15	324.125	23	365.235	8	112,7

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Tuy nhiên để tránh tình trạng hoàn không đúng cục thuế tiến hành kiểm tra trước hoàn thuế và kiểm tra sau hoàn thuế. Cục thuế đã tiến hành kiểm tra sau hoàn thuế và thu hồi số tiền là 26tỷ đồng và phạt hành chính đối với doanh nghiệp là 120tr đồng do doanh nghiệp có hành vi trốn thuế.

Ý kiến của doanh nghiệp được điều tra về hoàn thuế giá trị gia tăng thể hiện bảng 3.18.

Bảng 3.18. Ý kiến về hoàn thuế của doanh nghiệp điều tra

STT	Nội dung câu hỏi	Số lượng DN điều tra	Số lượng câu trả lời	Tỷ lệ (%)
1	**Về thủ tục hoàn thuế GTGT**	**592**	**592**	**100**
	Nhanh		358	60,5
	Chậm		234	39,5

(Nguồn: Phiếu điều tra DN)

Nhìn vào bảng số liệu trên cho thấy khi lấy ý kiến về công tác hoàn thuế qua phiếu điều tra DN thì có tới 60,5 % ý kiến cho rằng thủ tục hoàn thuế GTGT cho DN là nhanh, đúng quy định.

Đạt được kết quả trên là do cục thuế tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện tăng cường công tác đối chiếu xác minh hóa đơn đối với các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài tỉnh để xác định giá trị hàng hóa thực tế mua vào, thuế GTGT đầu vào đã kê khai nhằm kịp thời phát hiện ra các trường hợp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, có hành vi gian lận thuế, bảng 3.19

Bảng 3.19. Phiếu xác minh gửi đi 2012-2014

Năm	Gửi xác minh		Kết quả trả lời		Kết quả xử lý	
	Số phiếu (Phiếu)	Hóa đơn (Số hóa đơn)	Số phiếu (Phiếu)	Hóa đơn (Số hóa đơn)	Số phiếu (Phiếu)	Số tiền (Trđ)
2012	200	800	195	750	10	250.000
2013	280	1000	265	840	20	470.000
2014	150	350	140	320	5	500.000

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Trong năm cục thuế cũng nhận được 1020 phiếu với 6.000 hóa đơn nhờ xác minh, cục thuế đã trả lời xác minh 1020 phiếu với 6.000hóa đơn, qua đó xử lý 10 hóa đơn với số tiền là 233 triệu đồng.

3.4.2.3. Tình hình quản lý công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT

- Công tác tuyên truyền hỗ trợ

Ngoài công tác tuyên truyền Cục thuế còn tích cực hỗ trợ người nộp thuế đảm bảo thủ tục nhanh chóng không gây phiền hà cho doanh nghiệp cũng như người nộp thuế.

Chính nhờ thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hỗ trợ mà ý thức chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế cũng tăng lên đáng kể, biểu hiện ở chỗ tỷ lệ nộp tờ khai đúng hạn của các doanh nghiệp đang kinh doanh đã tăng lên. Tháng 1 năm 2012 tỷ lệ nộp tờ khai GTGT mới chỉ là 95% thì đến tháng 6 là 96% và đến tháng 12 là 98%.

Công tác tư vấn hỗ trợ NNT là hết sức quan trọng, giúp cho NNT hiểu biết chủ trương, chính sách pháp luật thuế, biết được quyền lợi và nghĩa vụ trong kinh doanh, từ đó nêu cao ý thức trách nhiệm của mình trong việc thực hiện pháp luật thuế, tích cực thực hiện SXKD tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp và nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế cho NSNN, cùng ngành thuế hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xây dựng và phát triển đất nước.

Trong những năm qua, trước những khó khăn của nền kinh tế đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhiệm vụ thu NSNN của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh, song với nhiều giải pháp nhằm tăng cường quản lý thuế, trong đó có công tác tyên truyền hỗ trợ NNT, thông qua các hình thức hỗ trợ như:

+ Hướng dẫn pháp luật về thuế cho NNT trực tiếp tại cơ quan thuế

+ Hướng dẫn NNT qua điện thoại

+ Hướng dẫn trả lời NNT bằng văn bản

+ Giải quyết những vướng mắc về chính sách thuế và hướng dẫn thủ tục hành chính thuế, thủ tục kê khai nộp thuế, đăng ký thuế, quyết toán thuế, thủ tục mua hóa đơn, thủ tục hoàn thuế, thủ tục miễn giảm thuế. Tạo điều kiện thuận lợi cho NNT trong việc thực hiện chính sách pháp luật thuế.

Như vậy, công tác tư vấn hỗ trợ NNT của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh đã thực sự trở thành địa chỉ tin cậy đối với NNT, tác động đến ý thực tự giác tuân thủ chính sách pháp luật thuế, tạo niềm tin và môi trường thân thiện giữa cơ quan thuế với NNT, góp phần hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách.

Cụ thể trong 3 năm qua, từ 2012 đến 2014 đã thực hiện, bảng 3.20.

Bảng 3.20. Thống kê công tác tuyên truyền hỗ trợ 2012-2014

ĐVT: lượt

Chỉ tiêu	Tổng	2012	2013	2014
Hướng dẫn trực tiếp tại cơ quan thuế	2.800	600	1.200	1.000
Giải đáp vướng mắc qua điện thoại	2.500	1.000	600	900
Trả lời công văn gửi đến	400	100	180	120
Hội nghị tập huấn NNT	60	20	15	25
Phát ấn phẩm, tờ rơi	20.000	7.000	5.000	8.000

(Nguồn: Phòng Tuyên truyền và Hỗ trợ NNT- Cục thuế Bắc Ninh)

Hỗ trợ phổ biến quy định mới về quản lý sử dụng Hóa đơn, kê khai thuế qua mạng, sử dụng phần mềm kê khai thuế bằng mã vạch hai chiều, sử dụng phần mềm hỗ trợ của cơ quan thuế,… Ngoài hình thức hỗ trợ NNT Cục thuế đã thực hiện áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9000-2001 đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ NNT về thời gian trả lời điện thoại, trả lời bằng văn bản, mức độ chính xác của nội dung trả lời. Đổi mới trong nhận thức hỗ trợ tương tác đó là cơ quan thuế và NNT là bạn đồng hành, hỗ trợ nhau cùng thực thi pháp luật. Tạo sự đổi mới trong công tác phục vụ NNT bằng việc coi trọng công tác tư vấn hỗ trợ NNT với thái độ cầu thị, nhiệt tình, công khai thủ tục hành chính thuế, tạo điều kiện tốt nhất cho NNT thực hiện đúng chính sách pháp luật về thuế.

Khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, Tư vấn hỗ trợ thuế qua địa chỉ Email. Tự tra cứu thông tin trên cây KIOS thông tin điện tử của Cục thuế, KIOS thông tin này cho phép NNT tra cứu các thông tin về tình hình kê khai và nộp thuế của doanh nghiệp mình.

Công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thuế và các thủ tục về thuế được thực hiện tại bộ phận Một cửa tạo thuận lợi, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian đi lại của NNT thông qua việc giải quyết thủ tục nhanh gọn, trả kết quả đúng thời gian quy định, kể cả tổ chức làm việc ngày thứ bảy, qua đó đã giải quyết được những nhu cầu bức thiết, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật thuế của NNT.

Bên cạnh công tác hỗ trợ NNT thì Cục thuế tỉnh Bắc Ninh cũng xác định công tác tuyên truyền về thuế là nhiệm vụ quan trong để nâng cao nhận thức, tăng cường tính tự giác, tự chịu trách nhiệm trong việc tự tính, tự khai, tự nộp thuế, hạn chế đến mức tối đa những vi phạm pháp luật thuế do thiếu hiểu biết của NNT. Vì vậy, Cục thuế tỉnh Bắc Ninh đã đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền về thuế, bảng 3.21.

Bảng 3.21. Công tác tuyên truyền qua phợơng tiện thông tin đại chúng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tờ rơi hướng dẫn chính sách	Tờ	3000	1200	700	1100
2	Đài phát thanh, đài truyền hình	Lượt	120	50	30	40
3	Đăng báo Bắc Ninh	Lượt	40	15	7	18
4	Biển Pano	Chiếc	40	15	5	20
5	Tuyên truyền lưu động bằng ô tô	Buổi	130	60	20	50

(Nguồn: Phòng Tuyên truyền và Hỗ trợ NNT- Cục thuế Bắc Ninh)

Tập trung tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn những nội dung, các vấn đề quan trọng như: Triển khai thực hiện Các luật thuế mới; Các chính sách thuế mới được sửa đổi, bổ sung và phản ánh hoạt động của nghành thuế cũng như tình hình chấp hành pháp luật thuế của NNT…

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền chưa thực sự đổi mới, nội dung hình thức chưa phong phú, chưa chủ động trong việc xây dựng nội dung tuyên truyền, nhất là những chính sách thuế mới, thay đổi, bổ sung.

Các tờ rơi tuyên truyền về chính sách thuế do Tổng cục thuế phát hành cho địa phương hầu hết đều chậm so với thời điểm yêu cầu công tác tuyên truyền, hỗ trợ.

3.4.2.4. Tình hình quản lý công tác thanh tra, kiểm tra thuế

*** Công tác kiểm tra:**

Công tác kiểm tra luôn được Cục thuế Bắc Ninh chú trọng nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý thuế, nâng cao năng lực của cơ quan thuế trong việc phát hành, ngăn chặn và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi gian lận, trốn

thuế, phát huy tính tự giác chấp hành và tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc thực hiện đúng quy định về kê khai, nộp thuế.

- Kiểm tra tại cơ quan thuế: Hàng năm Cục thuế kiểm tra sơ bộ tất cả hồ sơ khai thuế, sau đó phân tích, đánh giá, lựa chọn các cơ sở kinh doanh có rủi ro về thuế để lập danh sách phải kiểm tra.

+ Kiểm tra hồ sơ khai thuế.

Kiểm tra việc ghi chép, phản ánh các chỉ tiêu trong hồ sơ khai thuế.

Cán bộ thuế kiểm tra nội dung kê khai trong hồ sơ khai thuế, đối chiếu với cơ sở dữ liệu của người nộp thuế, so sánh với dữ liệu nộp thuế cùng ngành nghề, cùng mặt hàng kinh doanh để phân tích, đánh giá nhằm phát hiện ra các trường hợp khai chưa đầy đủ, chính xác dẫn đến việc thiếu thuế, gian lận thuế.

Hiện nay theo quy định của luật quản lý thuế thì các doanh nghiệp tự khai, tự tính, tự nộp thuế do vậy đòi hỏi tính tự giác cao của doanh nghiệp. Qua kiểm tra tờ khai thì hầu hết các doanh nghiệp đã kê khai chính xác các chỉ tiêu trên hồ sơ khai thuế và nộp tờ khai đúng hạn chỉ còn một số ít các doanh nghiệp còn xảy ra tình trạng kê nhầm thuế suất, tính toán sai số thuế phải nộp…công tác kiểm tra tờ khai đã phát hiện kịp thời những sai sót từ đó nhắc nhở và yêu cầu doanh nghiệp kê khai lại. Tuy nhiên bên cạnh các doanh nghiệp nộp tờ khai đúng hạn thì còn nhiều doanh nghiệp nộp chậm thậm chí là không nộp tờ khai. Theo báo cáo tổng số tờ khai thuế GTGT phải nộp thì việc thực hiện kê khai thuế điện tử đã được Cục thuế áp dụng và đạt được kết quả khá tốt, tính đến hết ngày 31/12/2014 có 100% số doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế điện tử.

- Kiểm tra căn cứ tính thuế để xác định số thuế phải nộp

Việc kiểm tra căn cứ tính thuế có ý nghĩa rất quan trọng để xác định số thuế phải nộp. Trên cơ sở hồ sơ khai thuế cán bộ thuế đối chiếu với các chỉ tiêu trong tờ khai thuế với các tài liệu kèm theo; đối chiếu với các quy định văn bản pháp luật về thuế; đối chiếu với cơ sở dữ liệu của các cơ sở kinh doanh có cùng quy mô, mặt hàng kinh doanh; đối chiếu với các tài liệu thu thập được từ các nguồn khác để có thể xác định số thuế phải nộp.

Các doanh nghiệp còn kê khai chậm doanh số hàng hóa bán trong kỳ.Khi tiến hành giao dịch bên mua muốn hóa đơn có giá trị lớn hơn thực tế mà họ mua để làm tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, còn bên bán thì lại cần hóa đơn với doanh số thấp để làm giảm số thuế GTGT đầu ra do vậy tình trạng câu kết giữa bên mua và bên bán vẫn còn phổ biến. Trong năm 2014 Cục thuế đã kiểm tra và phát hiện nhiều trường hợp các liên trong hóa đơn khác nhau về giá trị . Các doanh nghiệp còn khấu trừ cả hàng hóa dịch vụ không dùng cho sản xuất, kinh doanh.

Bảng 3.22. Tổng hợp kết quả hiểm tra hồ sơ khai thuế tại bàn 2012-2014

Năm		Số hồ sơ đợợc kiểm tra	Số hồ sơ phải điều chỉnh	Số thuế điều chỉnh tăng (triệu đồng)	Số hồ sơ chấp nhận	Số đề nghị kiểm tra tại trụ sở (DN)
Năm 2012		5550	350	1076	5200	6
Năm 2013		5120	320	1218	4800	9
Năm 2014		6050	430	1073	5620	15
So sánh 2013/2012	(+ -)	430	30	142	400	3
	(%)	92	91,4	113	92,3	150
So sánh 2014/2013	(+ -)	930	110	-145	820	6
	(%)	118	134	88	117,1	167

(Nguồn: Phòng kiểm tra sô 2- Cục thế Bắc Ninh)

Số hồ sơ được kiểm tra năm 2013 giảm 8% so với số được kiểm tra năm 2012, do năm 2013một số DN NQD kê khai nộp thuế theo quý nên lượng hồ sơ cơ quan thuế đã nhận có giảm đi so với năm 2012, năm 2014 so với năm 2013 tăng 18% tương đương với 930 hồ sơ. Số thuế điều chỉnh tăng năm 2013 tăng 13% so với năm 2012. Số DN đề nghị kiểm tra tại trụ sở tăng 6 doanh nghiệp chứng tỏ việc kiểm tra tại bàn là hết sức cần thiết.

Kết quả trên thể hiện việc chấp hành nghĩa vụ giải trình về hồ sơ khai thuế của các đơn vị qua kiểm tra hồ sơ khai thuế tại bàn, đa số các đơn vị khi được cơ quan thuế yêu cầu giải trình về hồ sơ khai thuế GTGT đều chấp hành giải trình đúng thời hạn và khai bổ sung làm tăng số thuế phải nộp hoặc giảm trừ số thuế đầu vào được khấu trừ, Các đơn vị không giải trình được cán bộ kiểm tra đề xuất với Lãnh đạo Cục Thuế là kiểm tra tại trụ sở của doanh nghiệp năm 2012 là 6 doanh nghiệp, năm 2013 là 9 doanh nghiệp và năm 2014 là 15 doanh nghiệp .

- Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế

Khi kiểm tra tờ khai phát hiện có sai phạm sau khi đã yêu cầu giải trình nhưng đơn vị không lên giải trình hoặc không giải trình được thì cơ quan thuế có thể quyết định ấn định số thuế phải nộp hoặc quyết định kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế. Căn cứ vào các tài liệu, cán bộ kiểm tra tiến hành truy lần lại từ chứng từ gốc, tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ; Đối chiếu nội dung trong hồ sơ khai thuế với sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, các tài liệu có liên quan khác trong phạm vi nội dung của quyết định kiểm tra.

Như vậy có thể thấy nếu công tác kiểm tra không được tiến hành hoặc kiểm tra không tốt thì sẽ gây thất thoát rất lớn cho NSNN.

Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác kiểm tra vì vậy trong năm qua cục thuế tích cực đẩy mạnh công tác kiểm tra thuế tại trụ sở doanh nghiệp và đạt được kết quả khá tốt, nhờ đó góp phần tăng thu cho ngân sách, bảng 3.23.

Bảng 3.23. Kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở doanh nghiệp

Năm	Số đơn vị đã kiểm tra, kết luận (Doanh nghiệp)	Kết quả truy thu và phạt			
		Tổng (Trđ)	Thuế GTGT (Trđ)	Thuế TNDN (Trđ)	Phạt (Trđ)
2012	94	12.370	7.650	4.200	520
2013	119	17.500	9.700	6.800	1.000
2014	120	24.000	17.000	5.300	1.700

(Nguồn:Phòng kiểm tra thuế số 2- Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Công tác kiểm tra tại Cục thuế đạt được kết quả đó là do:

+ Chính sách thuế GTGT được sửa đổi, bổ sung ngày càng hoàn thiện.

+ Quy trình thanh tra, kiểm tra được đổi mới so với trước đây, Đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra ngày càng được nâng lên cả về số lượng và chất lượng.

+ Công tác thanh tra, kiểm tra được sự chỉ đạo, quan tâm của lãnh đạo Cục thuế, có sự phối hợp với các cơ quan hữu quan khác.

Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi đó thì công tác thanh tra, kiểm tra vẫn còn nhiều hạn chế do:

+ Ý thức chấp hành pháp luật thuế của các doanh nghiệp còn thấp.

+ Mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần nhưng sắc thuế GTGT vẫn còn hiều kẽ hở để các doanh nghiệp khai thác, lợi dụng.

+ Số lượng doanh nghiệp tăng lên theo từng năm nhưng cán bộ thanh tra, kiểm tra mặc dù được tăng lên nhưng vẫn còn thiếu.Trung bình mỗi cán bộ kiểm tra quản lý từ 60 đến 80 doanh nghiệp.

+ Sự phối hợp giữa cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước khác đôi khi chưa được nhịp nhàng.

- Thanh tra về thuế.

Nhận thực được tầm quan trọng của công tác thanh tra, là để ngăn chặn có hiệu quả các hành vi vi phạm của NNT. Phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm. Nâng cao uy tín, trách nhiệm của cơ quan thuế trong công tác quản lý thuế.

Ngay từ những ngày đầu năm, Cục thuế đã lập và giao chỉ tiêu kế hoạch thanh tra, cho các đơn vị. Bên cạnh việc thanh tra, việc chấp hành pháp luật thuế, tài chính, kế toán, cơ quan thuế còn kết hợp thanh tra giá, nhất là đốivới các loại sản phẩm thuộc diện bình ổn giá, các mặt hàng NLVL và hàng tiêu dùng thiết yếu, qua đó kiểm soát các chi phí kinh doanh, giá thành, góp phần giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý giá, chống chuyển giá, từ đó nhằm chống thất thu NSNN, thực hiện nghiêm pháp luật thuế, đồng thời góp phần bình ổn giá và kiềm chế lạm phát theo chỉ đạo của Chính phủ.

Thông qua việc thanh tra kiểm tra đã phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thuế, tạo công bằng xã hội và bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Các hành vi vi phạm về thuế GTGT được phát hiện chủ yếu như:

+ Hành vi kê khai chậm doanh thu đối với các công trình xây dựng cơ bản đã có khối lượng nghiệm thu hoàn thành nhưng doanh nghiệp chưa xuất hóa đơn để kê khai nộp thuế, chậm kê khai doanh thu thu tiền theo tiến độ của các khách hàng đối với các dự án bất động sản để kéo dài thời gian nộp thuế.

+ Các hành vi vi phạm về hóa đơn chứng từ như: Nhận hóa đơn không đúng quy định khi mua hàng hóa nên nhận phải hóa đơn của doanh nghiệp bỏ trốn, các doanh nghiệp thành lập để mua bán hóa đơn (hóa đơn bất hợp pháp). Khi thanh tra, kiểm tra phát hiện bị xử lý truy thu thuế GTGT đầu vào.

+ Kê khai thuế GTGT cho các mặt hàng không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT. Có rất nhiều doanh nghiệp kê khai thuế GTGT được khấu trừ bao gồm cả số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế GTGT. Gian lận thường được thực hiện với những loại hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho cả hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT. Khi mua hàng hóa, dịch vụ chưa tách riêng được dùng cho hoạt động chịu thuế hay không chịu thuế, thuế GTGT được hạch toán toàn bộ để khấu trừ nhưng đến cuối kỳ doanh nghiệp không thực hiện tách phần thuế GTGT không được khấu trừ ra khỏi tổng thuế GTGT đầu vào.

+ Khai thuế GTGT đầu vào đối với các hóa đơn mua hàng trên 20 triệu nhưng không thanh toán qua Ngân hàng theo quy định,….

Cụ thể tình hình thanh tra kiểm tra các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thể hiện qua bảng 3.24

Bảng 3.24. Tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra (2012- 2014)

Năm	Nội dung	Số doanh nghiệp (DN)	Số thuế truy thu				Tỷ lệ	
			Tổng (Trđ)	Thuế GTGT (Trđ)	Thuế TNDN (Trđ)	Khác (Trđ)	Thuế GTGT (%)	Thuế TNDN (%)
2012	Thanh tra	77	26.988	7.903	11.182	7.903	29,3	41,4
	Kiểm tra	94	12.370	7.650	4.200	520	61,8	33,9
2013	Thanh tra	62	23.042	10.856	1.330	10.856	47,1	5,8
	Kiểm tra	119	17.500	9.700	6.800	1.000	55,4	38,8
2014	Thanh tra	66	17.039	5.837	5.365	5.837	34,3	31,5
	Kiểm tra	120	24.000	17.000	5.300	1.700	70,8	22,08

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)

Nhìn vào bảng 3.24. từ 2012 đến 2014 cho ta thấy qua công tác thanh tra, kiểm tra tiền thuế GTGT truy thu lớn.Vì vậy để đảm bảo nguồn thu NSNN, thông qua công tác thanh tra và kiểm tra số thuế GTGT bị truy thu rất nhiều so với các sắc thuế khác. Cụ thể năm 2012 số thuế GTGT truy thu do kiểm tra chiếm 61,8%, năm 2013 chiếm 55,4%, năm 2014 chiếm 70,8% trong tổng số truy thu thuế do kiểm tra. Điều này chứng tỏ qua công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT cho thấy một số DN NQD không nhận thức đầy đủ về quyền và nghĩa vụ đóng góp với NSNN,còn có hiện tượng luồn lách, gian lận về thuế…Đây cũng là một trong những nguyên nhân gây thất thu về thuế GTGT.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì công tác thanh tra, kiểm tra vẫn còn một số tồn tại như:

+ Việc kiểm tra hồ sơ khai thuế tại bàn chưa sâu, chất lượng chưa cao dẫn đến chưa phát hiện kịp thời những sai sót để yêu cầu NNT điều chỉnh, bổ sung.

+ Thời gian thanh tra, kiểm tra còn kéo dài, hiệu quả chưa cao

+ Số lượng doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra chưa đạt kế hoạch.

3.4.2.5. Tình hình quản lý công tác nợ thuế

Thực tế cho thấy bên cạnh những doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, luôn thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đối với nhà nước thì vẫn có những doanh nghiệp bất chấp thủ đoạn, tìm mọi cách để trốn thuế, chiếm dụng tiền của nhà nước nhằm kiếm lợi riêng. Bên cạnh tình trạng trốn, lậu thuế còn xảy ra tình trạng nợ đọng kéo dài đã gây thất thu khá lớn cho NSNN mà cho đến nay tình trạng này vẫn chưa được giải quyết triệt để. Nợ đọng thuế là số tiền thuế mà người nộp thuế phải nộp trong kỳ

tính thuế nhưng hết hạn nộp thuế vẫn chưa nộp cho cơ quan thuế hoặc là nộp nhưng vẫn còn thiếu. Tình trạng nợ đọng thuế xảy ra có thể là do doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả nên không thể nộp thuế hoặc có thể là do doanh nghiệp chây ỳ, cố tình không nộp do vậy nhà nước không thu được kịp thời số thuế của doanh nghiệp và xảy ra tình trạng thất thu thuế.

Trong năm qua Cục thuế đã có nhiều biện pháp nhằm tăng cường thu hồi nợ đọng như: Sắp hết thời hạn nộp thuế, cục thuế gọi điện nhắc nhở, thông báo nộp thuế cho các doanh nghiệp; Tiến hành phân loại nợ thuế để có các biện pháp đôn đốc thu nợ thích hợp; Đẩy mạnh công tác thu thuế trong mỗi tháng hạn chế tình trạng nợ mới phát sinh; Một số doanh nghiệp có số nợ lớn, kéo dài cục thuế đã mời lên cơ quan thuế để làm việc và đôn đốc nộp nợ đọng. Bên cạnh đó cục thuế còn phối hợp với cơ quan công an để xử lý đối với một số đối tượng chây ỳ, kết hợp với ngân hàng trong việc thu nợ. Trong năm 2012 Cục thuế đã phối hợp với công an tỉnh Bắc Ninh xử lý nhiều trường hợp nợ thuế, đã truy thu và xử phạt số tiền là lên đến hàng 100 triệu đồng, thu hồi nợ đọng của doanh nghiệp có số nợ đọng lớn Chính nhờ các biện pháp đó mà kết quả thu nợ trong năm 2012 đến năm 2014 cũng rất khả quan .

Bảng 3.25.Tình hình nợ đọng thuế GTGT so với số thuế GTGT theo kê khai của DN NQD năm 2012-2014

STT	Loại hình doanh nghiệp	Tình hình nợ đọng thuế GTGT theo kê khai								
		2012			2013			2014		
		Số thuế kê khai (Trđ)	Số thuế nợ đọng (Trđ)	Tỷ trọng (%)	Số thuế kê khai (Trđ)	Số thuế nợ đọng (Trđ)	Tỷ trọng (%)	Số thuế kê khai (Trđ)	Số thuế nợ đọng (Trđ)	Tỷ trọng (%)
1	Công ty TNHH	260,000	4,649	2	265,000	2,724	1	270,000	6,292	2
2	Công ty cổ phần	130,000	5,000	4	112,000	7,000	6	131,000	2,000	2
3	DNTT+ HTX	32,000	2,000	6	27,000	1,000	4	33,000	2,000	6
	Tổng cộng	**422,000**	**11,649**	3	**404,000**	**10,724**	3	**434,000**	**10,292**	2

(Nguồn: Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh)

Có thể thấy tỷ lệ nợ đọng thuế GTGT của các doanh nghiệp tuy không lớn và có xu hướng giảm đi, loại hình doanh nghiệp còn nợ đọng tiền thuế chiếm nhiều nhất đó là DNTN và các HTX từ 4% đến 6%. Công ty TNHH là loại hình DN có tỷ lệ nợ đọng thấp nhất từ 1% đến 2% là do loại hình doanh nghiệp này luôn có ý thức trong việc chấp hành nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước.

Bảng 3.26. Tình hình nợ đọng thuế GTGT theo cơ cấu phân loại nợ thuế

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012 (Trđ)	Năm 2013 (Trđ)	Năm 2014 (Trđ)
1	**Tổng số thuế GTGT nợ đọng**	**11,649**	**10,724**	**10,292**
a	Số thuế GTGT có khả năng thu	8,500	8,200	8,700
b	Số thuế GTGT không có khả năng thu	3,149	2,524	1,592

Mặc dù cục thuế đã áp dụng nhiều biện pháp để thu hồi nợ đọng, cưỡng chế thuế như phối hợp với cơ quan công an, phong tỏa ngân hàng, thu qua ngân hàng, thu qua bên thứ ba. Nhưng nhiều ngân hàng không chịu hợp tác, hoặc hợp tác một cách miễn cưỡng, kéo dài thời gian và khi ngân hàng thông báo cho cục thuế thì trên tài khoản của đơn vị số dư là không đáng kể nên việc thu hồi nợ thuế qua ngân hàng cũng rất hạn chế.

3.5. Các yếu tố ảnh hợởng đến công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh.

3.5.1. Các yếu tố chủ quan

-Sự quan tâm của DN đối với công tác kế toán

Hiện nay đa số các DN đã coi công tác kế toán là quan trọng, nhất là các DN trong KCN, doanh nghiệp lớn, tuy nhiên các DN trong làng nghề lại ít coi trọng công tác kế toán, được minh chứng bởi số liệu sau đây:

Bảng 3.27. Bảng kết quả điều tra đối với DN về việc coi trọng công tác kế toán của DN

Địa bàn	Số DN điều tra	Quan trọng		Bình thợờng		Không quan trọng	
		Số DN	Tỷ lệ (%)	Số DN	Tỷ lệ (%)	Số DN	Tỷ lệ (%)
Tổng cộng	**592**	**541**	**91,4**	**38**	**6,4**	**13**	**2,2**
DN trong KCN	320	316	98,7	4	1,3	0	0
DN trong CCN	150	140	93,3	7	4,7	3	2
DN ngoài khu, CNN	90	70	77,8	15	16,7	5	5,5
DN làng nghề	32	15	46,9	12	37,5	5	15,6

(Nguồn: Kết quả phiếu điều tra)

Về vấn đề này, trao đổi trực tiếp với **ông Nguyễn Văn Cợờng** (chủ DN ở làng nghề đúc nhôm Văn Môn, Yên Phong) cho biết ông chỉ quan tâm đến việc sản xuất kinh doanh lãi lỗ, còn việc kế toán ông đã thuê nhân viên kế toán kê khai thuế hàng kỳ nên không để ý họ làm thế nào.

Có thể thấy rằng một số DN NQD ở làng nghề cho rằng kế toán không quan trọng, họ chủ yếu chỉ để ý đến việc kinh doanh sao cho hiệu quả. Điều này cho thấy công tác tuyên truyền phổ biến chính sách thuế chưa được trọng tâm trọng điểm, Cục thuế chưa tập trung vào các địa bàn nhận thức về thuế kém như các DN làng nghề, các DN ngoài KCN.

Các khoản thuế DN NQD kê khai với cơ quan thuế được thể hiện trên hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán của đơn vị. Do đó, nếu kế toán doanh nghiệp có trình độ cao và doanh nghiệp cố tình trốn thuế thì cán bộ thuế khó phát hiện ra được nếu chỉ dựa vào hờ sơ khai thuế như tờ khai thuế GTGT và bảng kê mua vào bán ra do DN kê khai và gửi tới cơ quan thuế .Ngoài ra kế toán của đơn vị có trình độ kém không thực hiện lưu trữ sổ sách đúng quy định, đồng thời hóa đơn, chứng từ và ghi chép không đầy đủ trên sổ sách sách kế toán, không kê khai đầy đủ doanh thu…thì cán bộ thuế khó có thể phát hiện ra đươc.

-Ngành thuế đã chủ động triển khai áp dụng đồng bộ và quyết liệt biện pháp quản lý thuế theo chức năng như: Công tác tuyên truyền hỗ trợ DN; Công tác kê khai kế toán thuế; Thực hiện nhiều biện pháp quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế; Công tác kiểm tra thuế....

-Do có sự đoàn kết thống nhất cao trong Đảng uỷ, Ban lãnh đạo Cục thuế đã tham mưu tích cực cho hội đồng nhân dân, UBND tỉnh. Chỉ đạo sát sao phòng kiểm tra thuế số 2 ngay từ khi nhận được kế hoạch thu ngân sách hàng năm, cộng với sự quyết tâm cố gắng cao độ của toàn thế cán bộ công nhân viên chức phòng kiểm tra thuế số 2 trong công tác quản lý chống thất thu thuế nói chung và quản lý chống thất thu thuế GTGT nói riêng đối với các DN NQD..

-Năng lực của cán bộ công chức thuế: Cán bộ, công chức thuế trong các phòng ban của Cục thuế nói chung và trong phòng kiểm tra thuế số 2 nói riêng luôn luôn có tinh thần nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp , thông thạo về kế toán, biết sử dụng vi tính thành thạo, phù hợp với sự phát triển của ngành và đáp ứng được yêu cầu quản lý ngày càng cao trong tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ ngày càng đa dạng phong phú. Luôn có đạo đức tốt là cơ sở nền tảng cho việc quản lý thuế chống thất thu thuế, để nhạy bén hơn trong công tác, xử lý triệt để những đối tượng có hành vi trốn thuế.

Cục thuế đã xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu về đối tượng nộp thuế.

Các căn cứ quan trọng để xây dựng cơ sở dữ liệu về Đối tượng nộp thuế đó là: Báo cáo quyết toán thuế; hồ sơ khai thuế hàng kỳ. Cục thuế đã xây dựng cơ sở dữ liệu về ĐTNT dựa vào cơ sở dữ liệu ở trên của các đơn vị. Qua đó, có thể đối chiếu, so sánh qua các năm, từ đó tìm ra chênh lệch, sai số phục vụ hữu ích cho công tác kiểm tra.

Cụ thể, tất cả cơ sở dữ liệu của các DN đều được nhập đầy đủ trên hệ thống máy tính qua các năm (có đơn vị từ năm 1999 đến nay vẫn còn lưu). Việc quản lý các dữ liệu của các đơn vị này được quản lý theo mã, trên mỗi máy tính tại phòng, chỉ cần mở mã 1 đơn vị bất kỳ là ta có thể có được hết sức đầy đủ dữ liệu về đơn vị đó, rất thuận lợi cho công tác kiểm tra.

Nhờ xây dựng cơ sở dữ liệu về đối tượng nộp thuế, quản lý có hiệu quả, tiền đề cho công tác quản lý thu thuế các đối tượng nộp thuế nên đã đem lại những kết quả tốt.

-Ứng dụng công nghệ thông tin.

Trong vài năm gần đây, các hành vi liên quan đến việc sử dụng hoá đơn bất hợp pháp, các doanh nghiệp đã bỏ trốn, mất tích mua bán hoá đơn đã và đang trở thành một vấn đề bức xúc.Càng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong việc quản lý sử dụng hóa đơn chứng từ của DN, có thể tra cứu trên hệ thống phần mềm hỗ trợ tra cứu việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp. Đó cũng là nguyên nhân cần phải quan rlys tốt về hóa đơn GTGT chống thất thu thuế cho NSNN.

Cục thuế Bắc Ninh đã đưa vào khai thác, sử dụng công cụ hỗ trợ kiểm tra phát hiện hoá đơn doanh nghiệp bỏ trốn mất tích với yêu cầu đơn giản dễ sử dụng, dữ liệu về doanh nghiệp bỏ trốn trong toàn quốc được cập nhật đầy đủ, kịp thời, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý thuế: hoàn thuế, kiểm tra tờ khai, kiểm tra thuế.

Trao đổi trực tiếp với ông Nguyễn Thế Phương phòng kiểm tra thuế số 2 cho biết một số cán bộ thuế trong quản lý thu thuế đối với DN NQD cũng đã áp dụng các công cụ hỗ trợ cho công quản lý thu thuế đối với DN như công cụ tra cứu hoá đơn của các doanh nghiệp bỏ trốn, các phần mềm phân tích tài chính doanh nghiệp.Tra cứu các DN bỏ địa chỉ kinh doanh, việc thông báo phát hành và sử dụng hóa đơn thuế GTGT trên hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành thuế để từ đó hạn chế việc khai man trốn thuế của các DN NQD. Tuy nhiên, vẫn còn một số công chức , chưa ứng dụng được nhiều công nghệ tin học công tác quản lý thuế, vì vậy chưa phát hiện ra được việc hạch toán sai so với chuẩn mực kế toán; thực hiện chưa đúng các quy định của pháp luật nên vẫn bỏ qua, bỏ sót các sai phạm của DN.

- Công tác quản lý kê khai thuế, nộp thuế của công chức thuế chưa được sâu sát, cụ thể. Một số cán bộ công chức còn chưa phân tích chuyên sâu các hồ sơ khai thuế của DN đã gửi cho cơ quan thuế.Chưa rà soát phân tích triệt để bảng kê mua vào bán ra mà NNT đã kê khai. Nên chưa phát hiện được hết các dấu hiệu rủi ro về thuế, chưa phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật thuế của DN.

- Tác động của hoạt động kiểm tra của cơ quan thuế đối với ý thức chấp hành Pháp Luật thuế của DN NQD.

Qua kết quả điều tra khảo sát có thể thấy ý thức của DN NQD về việc chấp hành quản lý thuế sau khi được cơ quan thuế kiểm tra thuế được thể hiện qua bảng số liệu sau đây:

Bảng 3.28. Kết quả điều tra DN NQD về hoạt động kiểm tra thuế của cơ quan thuế tác động đến các DN

Địa bàn	Số DN điều tra	Chấp hành tốt hơn Luật QLT, hạn chế việc trốn thuế		Tìm cách để lách thuế, trốn thuế		Không tác động gì nhiều	
		Số DN	Tỷ lệ (%)	Số DN	Tỷ lệ (%)	Số DN	Tỷ lệ (%)
Tổng cộng	**592**	**528**	**89,2**	**39**	**6,6**	**22**	**4,2**
DN trong KCN	320	308	96,3	7	2,2	5	1,5
DN trong CCN	150	130	86,7	12	8	8	5,3
DN ngoài khu, CNN	90	65	72,2	15	16,7	10	11,1
DN làng nghề	32	25	78,1	5	15,6	2	6,3

(Nguồn: Kết quả phiếu điều tra)

Qua bảng trên ta vẫn còn một phần nhỏ các DN vẫn tìm cách lách thuế, trốn thuế sau khi đã bị phát hiện, truy thu thuế và xử phạt.

> Về vấn đề này, trao đổi trực tiếp với **ông Nguyễn Văn Lợi** (chủ DNTN ở Từ Sơn cho biết các DN đều muốn nộp thuế ít nên luôn tìm cách trốn thuế, khi phát hiện ra thì họ chấp nhận truy thu và xử phạt, vì tiền phạt theo mức hiện nay là không lớn.

Có thể thấy quy định về mức xử phạt hiện nay là chưa cao, hơn nữa các DN NQD hầu như không bị khởi tố, truy tố do trốn thuế, truy thu thuế nên việc xử phạt chưa đủ sức răn đe.

Tuy nhiên cũng thấy rằng nhận thức của DN NQD sau khi được cơ quan thuế tuyên truyền, quản lý, kiểm tra sâu sát hơn đã được nâng cao và đa số DN có ý thức

hơn trong việc chấp hành chính sách pháp luật về thuế. Hoạt động kiểm tra của cơ quan thuế đã hạn chế được rất nhiều tình trạng trốn thuế của các DN.

Trao đổi với **ông Vũ Thanh Sơn** , Giám đốc 1 DN NQD ở KCN Tiên Sơn cho biết: doanh nghiệp đã coi việc đơn vị tự kê khai thuế, tự tính thuế, tự nộp thuế là quyền lợi và trách nhiệm của DN trong quá trình hoạt động SXKD. Đồng thời việc kiểm tra của cơ quan thuế cũng vừa là nghĩa vụ vừa là quyền lợi của DN. Có năm DN đã chủ động đề nghị Cục thuế thực hiện kiểm tra DN, để Sau khi được kiểm tra, DN thực hiện chấn chỉnh được công tác kế toán, chấn chỉnh công tác quản lý nội bộ, rút kinh nghiệm, khắc phục các vấn đề còn tồn tại trong hạch toán kế toán, khắc phục những lỗi DN vô tình mắc phải mà đã gây thiệt hại nhiều cho DN, cũng như rút kinh nghiệm việc kê khai, quyết toán thuế của DN.

Như vậy có thể thấy rằng những DN NQD có ý thức chấp hành Luật thuế rất cao, họ đã mong cơ quan thuế kiểm tra để khắc phục những sai sót họ vô tình mắc phải, mà những sai sót này có thể gây thiệt hại rất lớn cho DN.

Sự phối hợp với các ban ngành chức năng.

Thuế là một trong những chính sách lớn của Đảng,Nhà nước, là công cụ quan trọng để nhà nước quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Do đó thực hiện chính sách thuế không phải là công việc của riêng ngành thuế.Cần có sự phối hợp với các ban ngành đoàn thể và các cơ quan khác để triển khai đồng bộ việc thi hành chính sách thuế với các chính sách khác và quản lý kinh tế xã hội trên địa bàn.

Phối hợp với cơ quan cấp đăng ký kinh doanh để kịp thời xác định NNT đăng ký thuế, ngừng hoạt động, giải thể...tránh hiện tượng doanh nghiệp thành lập nên để mua bán hóa đơn trái phép, bất hợp pháp dẫn đến thất thoát tiền thuế, thất thu cho NSNN.

Phối hợp với các ngân hàng trong việc nộp thuế tạo điều kiện cho NNT được nộp thuế nhanh tiện, không mất thời gian. Đồng thời cũng phối hợp với các ngân hàng trong việc kiểm soát các luồng tiền luân chuyển của DN NQD, để xác định đúng điều kiện khấu trừ thuế GTGT.

Ý thức chấp hành chính sách pháp luật về thuế của người nộp thuế

Các chính sách chế độ, luật, pháp lệnh về thuế chỉ có thể thực thi một cách đầy đủ, thống nhất khi công tác phổ biến giáo dục được triển khai sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Mọi tổ chức, cá nhân đều cần phải biết đầy đủ các quy định, những việc phải làm và mức độ xử lý đối với các hành vi trốn thuế, không chấp hành nghiêm việc kê khai, đăng ký thuế, vi phạm về sử dụng hóa đơn chứng từ, sổ sách kế toán, dây dưa nợ đọng thuế... Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp

luật về thuế còn có ý nghĩa nâng cao tính tự giác, ý thức về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với Nhà nước và sự kiểm tra giám sát của xã hội đối với việc thực thi các chính sách, pháp luật về thuế, đảm bảo tính công khai, công bằng xã hội.

3.5.2. Các yếu tố khách quan

- Hệ thống chính sách, pháp luật thuế.

Hệ thống chính sách, pháp luật thuế được áp dụng thống nhất đối với mọi thành phần kinh tế phải đảm bảo được sự động viên đóng góp bình đẳng và thực hiện công bằng xã hội.Trong giai đoạn từ năm 2012 đến 2014 hệ thống các văn bản chính sách pháp luật về thuế của nhà nước liên tục thay đổi, sửa đổi bổ sung dẫn đến làm cho công chức thuế cũng như NNT phải thường xuyên cập nhật kịp thời về chính sách có thay đổi để phù hợp với công tác quản lý kê khai nộp thuế.

Hệ thống thuế mang tính chấp vá, chồng chéo, thiếu căn cứ kinh tế, có thể vừa gây lạm thu, vừa gây thất thu lớn cho ngân sách nhà nước. Ngược lại, hệ thống chính sách thuế khoa học, đơn giản, dễ hiểu và ổn định trong thời gian dài tạo điều kiện nâng cao hiểu biết và nhận thức về nghĩa vụ công dân đối với thuế, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ rộng rãi của các tầng lớp dân cư và tự giác chấp hành luật thuế, từ đó tác dụng thúc đẩy hạch toán kinh tế, thực hiện nghiêm chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ.

Về công tác tuyên truyền, hỗ trợ DN

Bảng 3.29. Kết quả điều tra hiểu biết của DN về thực hiện chính sáh pháp luật về thuế

Địa bàn	Số DN điều tra	hiểu biết		hạn chế		không rõ	
		Số DN	Tỷ lệ (%)	Số DN	Tỷ lệ (%)	Số DN	Tỷ lệ (%)
Tổng cộng	**592**	**566**	**60,8**	**20**	**35,8**	**20**	**3,4**
Sản xuất	195	120	61,5	72	37	3	1,5
Xây dựng	133	80	60,2	48	36	5	3,8
Thương mại dịch vụ	150	90	60	52	34,7	8	5,3
Khác	114	70	61,4	40	35,1	4	3,5

(Nguồn: Kết quả phiếu điều tra)

Qua dữ liệu trên ta thấy tỷ lệ hiểu biết về thuế của các DN chưa cao (chỉ chiếm 60,8%), có 35,8% DN hiểu biết còn hạn chế và 3,4% không hiểu vềchính sách pháp luật về thuế. DN thương mại là loại hình có nhận thức hạn chế nhất trong các doanh nghiệp.

Về công tác tuyên truyền, hỗ trợ DN, trao đổi trực tiếp với ông Nguyễn Thọ Lập trưởng phòng Tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế, cho biết: Công tác tuyên truyền, hỗ trợ DN của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh trong những năm vừa qua được tăng cường và nâng cao cả về chất lượng và số lượng, Cục thuế tỉnh Bắc Ninh đã có chuyên mục "thuế và cuộc sống" phát thường xuyên hàng tuần trên Đài truyền hình tỉnh Bắc Ninh và đã tổ chức được nhiều cuộc hội thảo với DN để giải đáp vướng mắc về chính sách và đã tổ chức các buổi tập huấn cho DN về chính sách mới, vì vậy công tác tuyên truyền hỗ trợ DN đã đạt được kết quả nhất định. Tuy nhiên Công tác tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế còn chưa sáng tạo, chưa đa dạng, chưa vận động được nhiều cán bộ thuế, người dân tham gia viết bài tuyên truyền về thuế, việc tổ chức tập huấn cho DN và tổ chức hội thảo với DN chưa được thường xuyên, liên tục, công tác tuyên truyền chưa tập trung cao độ vào các khu vực am hiểu ít về Luật thuế.

Nhân tố khác:

Ngoài các nhân tố trên trong quá trình quản lý và chống thất thu thuế GTGT còn phải kể đến các nhân tố ảnh hưởng như: Việc DN kê khai nộp thuế GTGT hàng tháng còn tình trạng DN kê khai âm thuế nhiều, kéo dài .

Doanh nghiệp sử dụng, mua bán hóa đơn bất hợp pháp để kê khai khấu trừ thuế....

Có thể nói, công tác quản lý thuế có nhiều nhân tố tác động đến công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT,không nên bỏ qua những nhân tố khác về kinh tế - xã hội và tác động của môi trường.

3.6. Đánh giá chung về công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh

3.6.1. Những kết quả đạt được

Trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2014 công tác quản lý thuế GTGT và chống thất thu thuế GTGT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã có những bước chuyển biến rõ rệt, để nâng cao hiệu quả quản lý chống thất thu thuế GTGT tại Cục thuế tỉnh Bắc Ninh, bộ phận một cửa được gắn với Phòng Tuyên truyền hỗ trợ NNT. Mọi công việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ được thực hiện theo đúng quy định và có hiệu quả, bước đầu giảm thiểu được chi phí, phiền hà cho người nộp thuế. Đẩy mạnh cải cách hành chính thuế theo hướng đơn giản, minh bạch, dễ thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện tốt nghĩa vụ với NSNN.

Các thủ tục đăng ký thuế, kê khai nộp thuế, thanh tra, kiểm tra được công khai trên các kênh thông tin đại chúng, tại trụ sở cơ quan thuế, tạo điều kiện cho NNT biết và giám sát việc thực hiện của cán bộ thuế.Trong thời gian vừa qua thực hiện công tác chỉ đạo chung của ngành thuế Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện công tác triển khai kê khai thuế và nộp thuế điện tử tới tất cả các DN và đặc biệt là tuyên truyền sâu rộng tới các DN NQD vì đây là loại hình DN chiếm tương đối lớn trong tổng số DN trên địa bàn. Từ đó giúp DN NQD hiểu được những tiện lợi trong việc kê khai nộp thuế điện tử, giảm thiểu tối đa các khoản chi phí cho DN. Bên cạnh đó ngành thuế nói chung, Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh nói riêng cũng như ủy ban nhân dân dân Tỉnh Bắc Ninh đã trang bị cổng thông tin điện tử để giúp DN có thể ở tại DN mình tra cứu được tất cả các thông tin liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ thuế của DN đối với nhà nước. Từ đó hạn chế tối đa việc vi phạm các quy định về kê khai, nộp thuế...hạn chế việc thất thu thuế cho NSNN.

Việc giải quyết hồ sơ khai thuế được thực hiện theo quy trình về tiếp nhận, luân chuyển, xử lý tờ khai đảm bảo việc nhập, xử lý tờ khai đúng thời gian, phát hiện và thông tin kịp thời những sai sót đến NNT, do vậy số lượng tờ khai sai đã giảm hẳn. Bên cạnh đó công tác xử phạt nộp chậm HSKT theo quy định của Luật Quản lý thuế được thực hiện nghiêm minh góp phần nâng cao ý thức chấp hành việc kê khai, nộp HSKT của NNT đặc biệt là hồ sơ khai thuế GTGT.

Công tác kiểm tra thuế được thực hiện tập trung có trọng điểm dựa trên cơ sở áp dụng phân tích rủi ro, tránh việc thanh tra, kiểm tra tràn lan, kém hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực của cơ quan thuế, gây phiền hà cho NNT. Do đó đã góp phần đáng kể trong công tác chống thất thu ngân sách, hướng cho NNT luôn có ý thức tuân thủ Pháp Luật, góp phần ngăn chặn, xử lý các vi phạm, đảm bảo cho việc thực thi Pháp luật được nghiệm minh, công bằng.

Đã đẩy mạnh công tác đào tạo mới các kỹ năng quản lý thu thuế nói chung và thu thuế GTGT nói riêng hiện đại, coi trọng giáo dục đạo đức nghề nghiệp, kỷ cương kỷ luật và văn hóa ứng xử cho đội ngũ cán bộ thuế nhằm nâng cao năng lực phục vụ cho NNT và hiệu quả quản lý thu thuế. Rà soát đánh giá cán bộ, điều động, luận chuyển, luân phiên cán bộ; bổ nhiệm lại các cán bộ lãnh đạo, thường xuyên kiểm tra kiến thức cán bộ để đánh giá, phân loại cán bộ có biện pháp bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo có hiệu quả.

Trong những năm qua cùng với việc Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục thuế ban hành các luật thuế, chính sách thuế mới như NĐ 209/2013/NĐ-CP, thông tư 219/TT-BTC, thông tư 119, thông tư 156... về thuế GTGT Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh đã thường xuyên mở các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ công chức thuế, cho các DN trên địa bàn để kịp thời nắm bắt, hiểu rõ hơn về chính sách pháp luật thuế mới áp dụng có hiệu quả trong công tác quản lý thuế chống thất thu thuế.

Thường xuyên phối hợp với các báo đài và các cơ quan có liên quan trong công tác tuyên truyền phổ biến các chính sách thuế mới.

Công tác thanh tra kiểm tra thuế cũng được lãnh đạo Cục thuế thường xuyên quan tâm vì qua đó giúp doanh nghiệp phát hiện những sai sót trong quá trình thực hiện áp dụng chính sách thuế ,để từ đó giúp doanh nghiệp hạn chế những rủi ro, hạn chế vi phạm tránh bị phạt ....

Bên cạnh đó ý thức chấp hành pháp luật thuế của NNT đã có chuyển biến tích cực, nhiều DN ở các khu công nghiệp phát sinh số thuế lớn có ý thức tự giác nộp thuế, nộp đúng thời gian quy định như: Công ty CP Tiến Hưng, Công ty TNHH thực phẩm Á Châu, Công ty ALS Bắc Ninh, Công ty cổ phần Catalan, Công ty sữa đậu nành Vinasoy, Công ty tập đoàn Hanaka, Công ty Nhật Linh Lioa…

3.6.2. Tồn tại và nguyên nhân

Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT tại cục thuế trong năm qua vẫn còn nhiều hạn chế như:

- Tình trạng thất thu thuế GTGT vẫn còn xảy ra.
- Các doanh nghiệp chưa tự giác kê khai đúng doanh thu, chi phí thực tế trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình. Nhất là trong lĩnh vực kinh doanh ô tô, vận tải tư nhân, xây dựng dân dụng…
- Tình trạng dây dưa, nợ đọng thuế còn tiếp diễn, chưa khắc phục được triệt để.
- Tình trạng doanh nghiệp bán hàng không xuất hóa đơn, giá ghi trên hóa đơn thấp hơn giá thanh toán của khách hàng, dùng hóa đơn của các doanh nghiệp bỏ trốn để hợp thức hóa đầu vào vẫn còn nhiều.
- Công tác kiểm tra mặc dù được đẩy mạnh nhưng do số lượng cán bộ có hạn, số lượng doanh nghiệp phải quản lý nhiều nên chỉ tiến hành kiểm tra các doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm còn các doanh nghiệp khác thì chưa có điều kiện để tiến

hành. . Chức năng và quyền hạn của kiểm tra thuế còn bị bó hẹp, chưa trở thành công cụ có hiệu lực để chống thất thu ngân sách và răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm về thuế. Đội ngũ cán bộ công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế còn mỏng, trình độ còn hạn chế không được đồng đều, đây cũng là một nguyên nhân cần phải khắc phục trong thời gian tới để công tác quản lý thuế, nhất là quản lý chống thất thu thuế GTGT được hiệu quả hơn.

-Công tác tuyên truyền chính sách pháp luật về thuế còn nghèo nàn, hình thức và nội dung tuyên truyền chưa phong phú đa dạng, nên chưa thu hút sự chú ý của đại đa số người dân.

- Việc ứng dụng công nghệ tin học vào công tác quản lý thuế còn có những vướng mắc, mô hình thuế hiện tại mới tự động hóa một số khâu tính thuế và chưa thống nhất quy trình xử lý thông tin các loại thuế. Việc kết nối trao đổi thông tin với các cơ quan chức năng khác vẫn chưa thực sự phát huy được hiệu quả. Việc khai thác, sử dụng các chương trình ứng dụng tin học ở một số cán bộ còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hóa ngành thuế.

Nguyên nhân

Số doanh nghiệp sau khi thành lập chưa thực hiện kê khai và nộp hồ sơ khai thuế GTGT còn nhiều.

Cán bộ được phân công theo dõi doanh nghiệp chưa thực sự tích cực, chủ động trong việc phân tích hồ sơ khai thuế gắn với thực trạng, quy mô hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Còn nhiều doanh nghiệp kê khai không có số nộp, âm thuế kéo dài hoặc số nộp thấp nhưng chưa đánh giá được nguyên nhân thỏa đáng.

Chưa kiên quyết xử lý đối với những trường hợp không kê khai thuế, nộp chậm hồ sơ khai thuế hoặc khai không chính xác theo quy định của luật quản lý thuế.

Chưa phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai sai, các trường hợp điều chỉnh tăng, giảm có nghi vấn trên tờ khai.

Các trường hợp doanh nghiệp có phát sinh chứng từ nộp thuế tỉnh ngoài nhưng không kê khai doanh thu.

Các trường hợp doanh nghiệp tỉnh ngoài có phát sinh hoạt động xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh chưa rà soát kịp thời và đưa vào phải thu.

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp còn chưa sâu rộng nhiều người nộp thuế còn không nắm bắt được chính sách thuế dẫn đến việc kê khai còn nhiều sai sót, vi phạm.

Công tác hoàn thuế GTGT tại phòng kiểm tra thuế số 2 là chưa thực hiện kiểm tra được 100% số hồ sơ hoàn thuế trong năm hoàn mà thường kéo dài, có doanh nghiệp đã được hoàn thuế nhưng đến khi hết năm quyết toán mới kết hợp để kiểm tra. Nên không kịp thời phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm về thuế.Đó cũng là nguyên nhân dẫn đến thất thu cho NSNN về thuế GTGT.

Công tác phối hợp chưa được thường xuyên và chưa chặt chẽ giữa bộ phận kiểm tra và các bộ phận khác trong cơ quan thuế, giữa cơ quan thuế và các ngành như: Công an, Viện kiểm sát …

Công tác lập kế hoạch kiểm tra còn mang tính chất cảm tính, chưa có sự phân tích chuyên sâu, việc phân loại các đối tượng rủi ro về thuế để đưa vào kế hoạch kiểm tra còn hạn chế, việc phân tích hồ sơ doanh nghiệp trước khi tiến hành kiểm tra chưa thực sự hiệu quả, vì vậy khi tiến hành kiểm tra chưa đúng trọng tâm, trọng điểm.

Ngoài ra, còn bởi một phần nguyên nhân chủ quan từ người tiêu dùng không đòi hỏi hoá đơn khi mua hàng hoá, dịch vụ hoặc không quan tâm đến nội dung của hoá đơn. Việc này đã vô tình đã tiếp tay cho các doanh nghiệp trốn, lậu thuế và gây khó khăn cho công tác quản lý thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Việc để xảy ra tình trạng thất thu thuế không những không đảm bảo công bằng giữa các doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, làm ảnh hưởng không tốt tới uy tín của cục thuế mà còn làm cho các doanh nghiệp coi thường luật pháp vì vậy một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong năm tới là cục thuế cần phải đẩy mạnh công tác chống thất thu thuế đặc biệt là đối với công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT.

Chơng 4
GIẢI PHÁP TĂNG CƠỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHỐNG THẤT THU THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH TẠI CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH

4.1. Quan điểm và phơng hớng tăng cơờng quản lý chống thất thu thuế GTGT của Nhà nớc và của Tỉnh Bắc Ninh

4.1.1. Quan điểm

Quan điểm cơ bản về quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với DN NQD trong giai đoạn tới tại Cục thuế tỉnh Bắc Ninh:

Việc áp dụng các biện pháp quản lý thu thuế GTGT phải đảm bảo đúng luật, đúng chủ trương, chính sách kinh tế xã hội và Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung Luật Quản lý thuế và phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội của đất nước trong từng giai đoạn lịch sử.

Quản lý thuế GTGT và chống thất thu thuế phải phát huy tối đa vai trò của sắc thuế này. Vì đây là một sắc thuế mà NNT dễ lợi dụng một số kẽ hở của chính sách để lách luật trốn thuế. Phải đảm bảo bao quát được nguồn thu, thu đúng, thu đủ thu kịp thời vào NSNN. Tập trung lực lượng kiểm tra tại bàn có hiệu quả, tập trung vào các DN có phát sinh doanh thu lớn, có dấu hiệu rủi ro cao. Nhất là các DN NQD có dấu hiệu mua bán sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để kê khai khấu trừ thuế và hoàn thuế GTGT. Gây thất thoát cho NSNN, tránh hình thức, đảm bảo về số lượng doanh nghiệp và số thuế sau kiểm tra; đôn đốc nộp kịp thời vào ngân sách số thuế truy thu và phạt.

Tiếp tục cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế, tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT ở tất cả các khâu, các bộ phận, các lĩnh vực. Tiếp tục rà soát lại toàn bộ đối tượng quản lý để có số liệu chính xác về NNT nhằm hoàn thiện công tác xây dựng cơ sở dữ liệu toàn ngành. Thường xuyên rà soát phát hiện sai sót về thông tin hồ sơ khai thuế phải nộp của DN để điều chỉnh, đảm bảo thông tin các loại tờ khai thuế phải nộp chính xác. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt dự án kê khai thuế qua mạng đạt 100% các doanh nghiệp thực hiện; đồng thời thực hiện triển khai nộp thuế điện tử hiệu quả; phối hợp chặt chẽ với cơ quan như Hải Quan, Ngân hàng, Kho Bạc trong công tác quản lý thu thuế.

Tiếp tục thực hiện tốt chương trình phòng và chống tham nhũng, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm; tiếp tục học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ. Tăng cường

công tác quản lý nội bộ ngành, thắt chặt kỷ cương kỷ luật, đổi mới phương pháp làm việc, củng cố nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

Lãnh đạo Tỉnh Bắc Ninh và Lãnh đạo Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh thường xuyên tổ chức các cuộc họp báo, giao ban trực tuyến để nắm bắt kịp thời những thuận lợi khó khăn trong công tác quản lý thu thuế. Nắm bắt những tâm tư nguyện vọng, ý kiến của DN nói chung của người dân nói riêng trong công cuộc xấy dựng phát triển SXKD, phát triển kinh tế , chấp hành nghĩa vụ thuế với nhà nước để trên cơ sở đó có biện pháp tháo gỡ cho DN, đặc biệt là DN NQD gặp nhiều khó khăn. Có cơ sở để chỉ đạo điều hành công tác thu NSNN trên địa bàn Tỉnh Bắc Ninh được tốt hơn.

4.1.2. Phương hướng

Ngành thuế Bắc Ninh tập trung phấn đấu quyết liệt để hoàn thành dự toán pháp lệnh Bộ Tài chính, Hội Đồng Nhân Dân và UBND tỉnh giao. Mục tiêu cụ thể: Năm 2015 ước thực hiện 7.900 tỷ đồng, tăng 15% so với dự kiến thu 2014.

- Hoàn thành và hoàn thành vượt tiến độ đối với những đề án cải cách hiện đại hoá, những công việc đã đề ra đến năm 2015, làm tiền đề, động lực quan trọng góp phần hoàn thành thắng lợi Chiến lược phát triển ngành Thuế giai đoạn 2011-2020.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT ở tất cả các khâu, các bộ phận, các lĩnh vực, trong đó tập trung hỗ trợ thuế, cung cấp dịch vụ khai và nộp thuế điện tử, đồng thời đẩy mạnh công tác xã hội hoá hoạt động hỗ trợ NNT thuế.
- Tăng cường công tác quản lý thuế, nhất là quản lý chống thất thu thuế GTGT nhằm tập trung, huy động đầy đủ, kịp thời số thu cho ngân sách Nhà nước, bao quát hết nguồn thu; Chú trọng bồi dưỡng, phát triển nguồn thu ngân sách nói chung và thuế GTGT nói riêng; Đôn đốc các DN nộp tờ khai thuế GTGT đúng thời hạn; Yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh chế độ kế toán, chế độ lập hoá đơn, chứng từ theo quy định; Tiến hành kiểm tra và quản lý thu thuế đối với các hoạt động còn tình trạng thất thu và nợ đọng thuế lớn; Phát huy tốt nhất vai trò của thuế trong nền kinh tế.
- Thuế phải góp phần điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng khuyến khích xuất khẩu, thúc đẩy kinh tế phát triển, đảm bảo bình đẳng, công bằng giữa các thành phần kinh tế khác nhau, đảm bảo tính rõ ràng, đơn giản, ổn định, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, nâng cao tính hiện đại hóa của hệ thống thuế đối với các DN và người tiêu dùng.
- Triển khai và thực hiện một cách nghiêm túc các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Chính Phủ, Bộ Tài Chính, Tổng cục Thuế và UBND tỉnh ; Tổ chức chỉ đạo

thực hiện tốt các quy trình quản lý, nghiệp vụ thuế; Tiếp tục cải cách quản lý hành chính thuế, cải tiến quy trình nghiệp vụ thu theo hướng tôn trọng và đề cao trách nhiệm trước pháp luật của NNT.

- Nâng cao năng lực bộ máy quản lý thuế và hoàn thiện quy trình, thủ tục hành chính thuế cho phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý thuế trong thời đại mới nhằm tăng cường sự chấp hành nghĩa vụ của NNT đối với NSNN; Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống tin học nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý thuế. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, tiết kiệm, hiệu quả, hiện đại.
- Tham mưu cho UBND Tỉnh ban hành các chỉ thị, chính sách có liên quan đến thuế nhằm khuyến khích đầu tư, ổn định phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo môi trường bình đẳng trong cạnh tranh, và tạo điều kiện để phát triển nguồn thu cho NSNN.
- Tập trung lực lượng cán bộ thuế để đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn các gian lận về thuế, chống thất thu ngân sách, đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế giữa các thành phần kinh tế. Tăng cường kiểm tra khai thác nguồn thu, làm cho thuế GTGT thực sự đi vào cuộc sống.
- Tăng cường công tác quản lý hoá đơn, ấn chỉ góp phần lành mạnh hoá thị trường, chống gian lận thương mại và tăng thu cho NSNN.
- Đẩy mạnh công tác thi đua tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn chính sách thuế, phí và lệ phí cho mọi tầng lớp nhân dân và phát triển dịch vụ hỗ trợ NNT, dịch vụ tư vấn thuế.

4.2. Các giải pháp nhằm tăng cợờng công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT đối với các DN NQD tại Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh

Từ thực trạng công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT của phòng kiểm tra thuế số 2, căn cứ vào sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND Tỉnh, UBND Tỉnh Bắc Ninh, dựa vào phương hướng, nhiệm vụ của Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh trong thời gian trước tới, tôi mạnh dạn đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện công tác quản lý chống thất thu thuế GTGT tại Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh như sau:

4.2.1. Về đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế

Tăng cường kiểm tra, rà soát những trường hợp kinh doanh nhưng không đăng ký thuế để trốn thuế, gian lận thuế.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, rà soát viêc kê khai thuế GTGT, phát hiện ngay các trường hợp kê khai không đúng, không đủ số thuế phải nộp vào ngân sách,

có biện pháp chấn chỉnh và xử lý vi phạm kịp thời để nâng cao tính tự giác tuân thủ Pháp luật thuế; theo dõi chặt chẽ việc kê khai thuế của DN có số thu lớn, yêu cầu kê khai số phát sinh, kiên quyết không để xảy ra nợ đọng thuế do kê khai không đúng, không đủ.

Bên cạnh đó, phải đôn đốc doanh nghiệp nộp tờ khai thuế GTGT, đảm bảo đúng hạn và hạn chế sai sót. Chậm nhất là ngày 20 hàng tháng đơn vị phải nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế GTGT và nộp ngay tiền thuế GTGT phát sinh vào NSNN. Nếu có sai sót thì phải tiến hành chỉnh sửa kịp thời. Hàng tháng kiểm tra và phát hiện kịp thời các trường hợp cố tình vi phạm và có biện pháp xử lý nghiêm minh.

Phối hợp với chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở phối hợp với các báo đài địa phương thông báo công khai các trường hợp doanh nghiệp không nộp hồ sơ khai thuế, không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh bacninh.gdt.gov.vn, trang Tổng Cục Thuế www.gdt.gov.vn để tránh rủi ro cho các doanh nghiệp khác.

Giảm bớt các thủ tục hành chính trong việc kê khai thuế, hiện đại hóa nghiệp vụ kê khai thuế qua mạng internet; thực hiện tốt những nội dung đổi mới về kê khai thuế GTGT theo Thông tư 151/2014/TT-BTC, thông tư 26/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính nhằm tiết kiệm chi phí về thời gian, nhân lực, tiền bạc cho DN và cơ quan quản lý thuế, từng bước nâng cao chất lượng quản lý hiệu quả, hiện đại để phục vụ cho công tác quản lý điều hành thu, đáp ứng phù hợp trong giai đoạn mới.

Nâng cao chất lượng phân tích hồ sơ kê khai thuế GTGT bằng cách sau khi nhập tờ khai phát hiện thấy các trường hợp kê khai sai, tăng giảm đột biến số thuế phát sinh, hoặc doanh nghiệp có chứng từ nộp thuế ở tỉnh ngoài nhưng không kê khai doanh thu, hoặc các trường hợp điều chỉnh tăng giảm có nghi vấn trên tờ khai, thì bộ phận kê khai chuyển phiếu phối hợp cho phòng kiểm tra để kiểm tra xem xét, sau đó thông báo lại cho phòng kê khai để phối hợp theo dõi và đôn đốc.

Các phòng thuộc cục thuế cần kết hợp kiểm tra việc kê khai, nộp thuế, hóa đơn chứng từ, phát hiện và xử lý nghiêm những DN vi phạm chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ, những DN khai khống giá trị mua bán hàng hóa không lập hóa đơn hoặc lập nhưng ghi giá thấp hơn giá thực tế thanh toán nhằm trốn lậu thuế GTGT.

Ngoài ra, cần phối kết hợp với các ngành chức năng như công an, quản lý thị trường… nhằm tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát, xử phạt nghiêm các trường hợp vi phạm sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ, thực hiện đối chiếu chéo

hóa đơn trên phần mềm của Tổng Cục Thuế nhằm phát hiện các trường hợp không phát hành hóa đơn đã sử dụng, hóa đơn của doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh, doanh nghiệp rủi ro cao về thuế...

Về công tác quản lý thu thuế GTGT, các phòng quản lý thu có trách nhiệm đôn đốc doanh nghiệp nộp thuế đúng hạn, đảm bảo thu đủ số thuế phát sinh; duy trì, đẩy mạnh kết nối, tích hợp, trao đổi thông tin với các cơ quan trong việc thu thập thông tin quản lý NNT; tăng cường phối hợp với ngân hàng thương mại để phát triển hình thức nộp thuế điện tử đơn giản, nhanh, thuận tiện cho người nộp thuế. Hiện nay Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh đã phối hợp với 17 ngân hàng trong việc thực hiện nộp thuế điện tử. Tạo điều kiện tốt nhất cho DN hoạt động phát triển kinh tế, chấp hành nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Căn cứ vào các công văn chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tổng cục thuế quản lý rủi ro về thuế, để giảm thiểu và ngăn chặn nguy cơ rủi ro có thể xảy ra trong quá trình quản lý thu thuế cần phải tiến hành phân tích, đánh giá, nhận dạng rủi ro, phân loại rủi ro để có biện pháp quản lý phù hợp, khoa học và hiệu quả nhất.Đặc biệt chú trọng đến công tác phân tích rủi ro theo quy trình kiểm tra mới nhất QĐ 746/2015/TCT.

Việc áp dụng cơ chế quản lý rủi ro trong quản lý thu thuế GTGT bao gồm: thu thập thông tin, dữ liệu liên quan đến người nộp thuế; xây dựng các bộ tiêu chí quản lý thuế; đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế; đề xuất, áp dụng các biện pháp quản lý thuế;

4.2.2. Đối với công tác hoàn thuế

Đẩy mạnh kiểm tra hoàn thuế GTGT, kiểm tra 100% hồ sơ hoàn thuế tồn đọng, tập trung kiểm tra đối với những doanh nghiệp có số hoàn thuế tăng đột biến. Đối với các trường hợp hoàn trước kiểm sau thì chậm nhất là 6 tháng sau khi hoàn thuế phải được thực hiện kiểm tra nhằm phát hiện các sai phạm trong kê khai của doanh nghiệp lợi dụng để chiếm đoạt tiền NSNN.

Thực hiện đúng, nghiêm túc quy trình, thủ tục hoàn thuế để đảm bảo việc hoàn thuế đúng đối tượng, đúng chính sách pháp luật của Nhà nước. Khi phát hiện các trường hợp đề nghị hoàn thuế sai phải có biện pháp truy thu ngay tiền thuế vào ngân sách Nhà nước, nếu có yếu tố cấu thành tội phạm thì chuyển cơ quan có chức năng điều tra truy cứu trách nhiệm hình sự.

Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung chỉ đạo của Bộ Tài Chính, Tổng Cục Thuế về hoàn thuế đối với các trường hợp hoàn thuế do xuất khẩu qua biên giới đất liền, hoàn thuế đối với hàng xuất khẩu là nông, lâm sản.

Phối hợp chặt chẽ với cơ quan Hải quan về hồ sơ xuất khẩu, xác nhận thực xuất đối chiếu với hợp đồng để phát hiện các sai phạm như hợp đồng có thể là giả, doanh nghiệp xuất khẩu qua nhiều cửa khẩu, nhiều tỉnh khác nhau, đối chiếu nợ thuế khâu Hải quan để yêu cầu đơn vị khi hoàn thuế phải thực hiện bù trừ nợ NSNN với số thuế đề nghị hoàn, cơ quan Ngân hàng trong việc đối chiếu chứng từ thanh toán tiền hàng xuất khẩu trả qua tài khoản vãng lai, về tình hình nợ thuế với cơ quan Hải quan khi xác định số thuế GTGT được hoàn.

4.2.3. Tăng cường công tác thanh tra và kiểm tra thuế

Với cơ chế doanh nghiệp tự khai, tự nộp thuế hiện nay thì công tác hậu kiểm của cơ quan thuế là rất quan trọng, do đó để nhằm tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về thuế thì cần nhiều giải pháp cụ thể.

- Công tác thanh tra, kiểm tra thuế giá trị gia tăng cần tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

Thanh tra, kiểm tra doanh thu nhằm chống thất thu về doanh thu tính thuế giá trị gia tăng.

Đối với các doanh nghiệp cho thuê kho, xưởng thường thu tiền thuê một lần cho thời gian dài nhưng chỉ xuất hóa đơn từng kỳ (theo tháng, năm) nên sẽ thiếu doanh thu tính thuế GTGT và thuế GTGT đầu ra do đó khi kiểm tra các DN này phải kiểm tra điều kiện trong hợp đồng, chứng từ thanh toán để xác định.

Đối với các doanh nghiệp xây dựng cần kiểm tra thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình xem việc xuất hóa đơn GTGT và kê khai thuế GTGT đã phù hợp chưa, để xác định doanh thu tính thuế GTGT và thuế GTGT đầu ra

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh thương mại như xe máy, đồ gỗ... khi kiểm tra cần xác định hàng tồn kho thực tế đối chiếu với sổ sách để xác định các trường hợp bán hàng chưa xuất hóa đơn để xác định doanh thu và thuế GTGT còn thiếu.

Kiểm tra điều kiện để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, hiện nay quy định hóa đơn đầu vào có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên phải thanh toán qua ngân hàng và doanh nghiệp phải đăng ký các tài khoản tại các ngân hàng với cơ quan thuế, vì vậy khi kiểm tra cần kiểm tra kỹ các chứng từ thanh toán qua ngân hàng về số tiền và tài khoản thanh toán.

Đối với các hóa đơn GTGT đầu vào có giá trị lớn, mua của nhiều đơn vị mới thành lập khác nhau, mua của các DN kinh doanh thương mại đa ngành nghề, khi kiểm tra cần thực hiện xác minh hóa đơn về nguồn gốc hàng hóa và kiểm tra xem có phải hóa đơn bất hợp pháp hay không.

Thanh tra, kiểm tra việc sử dụng hoá đơn, ấn chỉ vì đây là nội dung rất quan trọng bởi chứng từ hoá đơn thuế là cơ sở rất quan trọng quyết định số thuế GTGT mà cơ sở sản xuất kinh doanh phải nộp vì có trường hợp xuất hóa đơn liên giao cho khách hàng rồi nhưng liên lưu lại báo cáo xóa bỏ với cơ quan thuế.

Thực hiện đối chiếu chéo hóa đơn, xác minh hóa đơn nhằm phát hiện các trường hợp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, hóa đơn hết giá trị sử dụng để kê khai khấu trừ thuế, hoàn thuế.

Trong thời gian tới Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh phải tăng cường, củng cố đội ngũ cán bộ thuế làm công tác thanh tra, kiểm tra về số lượng và chất lượng, đảm bảo đội ngũ này phải có lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, trong sạch về đạo đức, lối sống, giỏi về nghiệp vụ chuyên môn từ đó mới đáp ứng được nhiệm vụ đầy khó khăn và phức tạp này.

Tổ chức kiểm tra theo chuyên đề như các doanh nghiệp âm thuế thường xuyên, doanh nghiệp không có số thuế nộp ngân sách, doanh nghiệp hoàn thuế lớn. Ngoài ra tập trung kiểm tra các doanh nghiệp có độ rủi ro cao về thuế, thường xuyên rút ra các kinh nghiệm bài học, tổ chức hội thảo, tập huấn về công tác thanh kiểm tra. Tăng cường thảo luận, trao đổi kỹ năng nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra NNT, các văn bản chính sách pháp luật mới ban hành bằng nhiều hình thức đối với công chức trong các phòng Thanh tra và phòng Kiểm tra. Trong thời gian vừa qua phòng kiểm tra thuế số 2 - Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện triển khai công tác kiểm tra tại DN theo các chuyên đề.

4.2.4. Tăng cường công tác tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chống thất thu thuế GTGT

Cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền và giáo dục nhằm nâng cao trình độ hiểu biết của DN về thuế. Nhằm mục đích tăng sự hiểu biết của DN về thuế, về tầm quan trọng của những khoản đóng góp từ thuế, nâng cao sự hiểu biết, tính tự giác của các DN, tập trung cao vào các địa bàn am hiểu về luật thuế kém kém như DN NQD ở các làng nghề như làng nghề sản xuất sắt thép ở Đa Hội - Châu Khê, SXKD gỗ Đồng Ky, Từ Sơn , SX đúc đồng Đại Bái- Gia Bình , đúc nhôm Văn Môn -Yên Phong, DN ngoài KCN...

Hiện nay tại Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh các DN NQD đã thực hiện khai thuế qua mạng (100%) do đó mỗi khi có các chính sách về thuế mới hoặc các văn bản hướng dẫn ngoài việc tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, các

buổi tập huấn thì thực hiện gửi qua hòm thư điện tử cho NNT để có thể cập nhật kịp thời, giảm chi phí cho người nộp thuế.

Bộ phận tin học của Cục Thuế phải có các lớp đào tạo, hướng dẫn cán bộ thuế để thành thạo khai thác phần mềm quản lý thuế tập trung (TMS), vì phần mềm này mới được Tổng Cục Thuế đưa vào sử dụng trong năm 2014 Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh là một trong những tỉnh được Tổng cục thuế chọ làm thí điểm triển khai công tác quản lý thu thuế trên phần mềm mới (TMS) do đó còn có nhiều điểm mới và khó thực hiện dẫn đến nhiều cán bộ thuế chưa nắm vững, chưa thể khai thác được sẽ hạn chế cho công tác quản lý thuế.

4.2.5. Công tác quản lý thu nợ thuế

Với mục tiêu năm 2015 giảm tỷ lệ nợ đọng thuế đến mức thấp so với những năm trước, Cục thuế Bắc Ninh cần thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện đúng các quy định về quản lý nợ theo các quy trình quản lý nợ thuế như phân công, phân loại nợ thuế... kiên quyết xử lý các trường hợp cố tình chây ỳ nợ thuế.Thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế ...
- Phối hợp chặt chẽ với công tác thanh tra, kiểm tra để tăng cường hiệu quả trong việc áp dụng các biện pháp thu nợ thuế.

4.3. Một số kiến nghị

4.3.1. Một số kiến nghị với Nhà nước

Công tác quản lý thuế GTGT theo cơ chế tự khai tự nộp dựa trên nền tảng hệ thống pháp luật của Nhà nước (chính sách thuế và các chính sách có liên quan), vì vậy những bất cập, hạn chế trong hệ thống pháp luật cần được bổ sung và hoàn thiện. Một số hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nhà nước có liên quan tới công tác quản lý thu thuế GTGT đối với doanh nghiệp NQD:

** Hoàn thiện chính sách thuế GTGT*

Chính sách thuế nói chung và chính sách thuế GTGT nói riêng là cơ sở để doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ với NSNN, đồng thời chính sách thuế cũng là cơ sở để Nhà nước kiểm tra sự chấp hành pháp luật thuế của doanh nghiệp. Vì vậy, để hạn chế tình trạng doanh nghiệp trốn thuế thông qua việc lợi dụng kẽ hở của chính sách thì hệ thống chính sách về thuế GTGT cần có sự hoàn thiện hơn cụ thể là:

+ Cần quy định rõ hơn về chứng từ thanh toán, đối tượng thanh toán khi mua bán hàng hóa.

+ Quy định rõ về phương pháp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hay trực tiếp để cho cơ quan thuế và NNT không bị hiểu sai cách xác định.

** Sửa đổi, bổ sung Luật doanh nghiệp*

Để thực thi tốt chính sách thuế GTGT bên cạnh hệ thống chính sách thuế GTGT cần sửa đổi,bổ sung thì các chính sách có liên quan cũng cần có sự hoàn thiện, điển hình là Luật doanh nghiệp. Trong thời gian tới, Luật doanh nghiệp cần hoàn thiện theo các hướng sau:

+ Luật doanh nghiệp cần quy định chặt chẽ hơn điều kiện thành lập doanh nghiệp, các điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như trụ sở, địa điểm, ngành nghề kinh doanh...

+ Quy định về địa điểm kinh doanh hay địa điểm đặt trụ sở cũng cần chặt chẽ hơn, tránh tình trạng như hiện nay doanh nghiệp không có hiện diện tại địa điểm quản lý kinh doanh quá nhiều hoặc khai không đúng địa điểm kinh doanh dẫn đến cơ quan thuế không quản lý được.

+ Quy định cụ thể, rõ ràng về mức xử phạt vi phạm hành chính khi tự ý chấm dứt kinh doanh mà không thông báo với cơ quan thuế và cơ quan cấp đăng ký kinh doanh.

4.3.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính - Tổng Cục thuế

Trên cơ sở các chính sách về thuế mà Chính phủ ban hành , đề nghị Bộ Tài chính, Tổng Cục thuế có các văn bản hướng dẫn cụ thể các cơ chế chính sách thu thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng theo hướng công bằng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong việc thực hiện đúng pháp luật thuế.

Hiện tại Bộ Tài chính đã triển khai ứng dụng trao đổi thông tin thuế và Kho bạc , Ngân hàng để trao đổi dữ liệu về thu, nộp vào NSNN giảm bớt các thủ tục hành chính đối với cả người nộp thuế và cán bộ thuế. Đề nghị Bộ Tài chính, Tổng Cục thuế tiếp tục triển khai ứng dụng trao đổi thông tin trong ngành tài chính thuế - Kho bạc, Ngân hàng thường xuyên hơn nữa đến các Cục thuế để công tác quản lý thu thuế GTGT được tốt hơn hạn chế thất thu về thuế GTGT.

4.3.3. Kiến nghị với UBND tỉnh Bắc Ninh và Cục thuế tỉnh Bắc Ninh

Tăng cường công tác phối hợp với báo Bắc Ninh, Đài phát thanh và truyền hình Bắc Ninh tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng: tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân; chính sách pháp luật về thuế ; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội; tuyên truyền sâu rộng các Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước trong trợ giúp phát triển doanh nghiệp. Tiếp tục

phối hợp với Đài phát thanh truyền hình Bắc Ninh thực hiện chương trình Thuế với cuộc sống để mọi người dân cùng nắt bắt và hiểu sâu rộng hơn về các chính sách pháp luật về thuế.

Rà soát, điều tra, tổng hợp, phân loại, cung cấp thông tin về doanh nghiệp NQD trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Triển khai kịp thời các giải pháp của Chính Phủ về tháo gỡ khó khăn cho DN ,tăng cường rà soát, nắm chắc đối tượng, nguồn thu ngân sách trên địa bàn; quản lý chặt chẽ công tác hoàn thuế GTGT, cũng như phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế với cơ quan chức năng trong công tác quản lý thu thuế GTGT , chống thất thu ngân sách Nhà nước và xử lý nợ đọng thuế.

Chú trọng công tác phân tích, đánh giá và dự báo nguồn thu, đặc biệt phân tích cụ thể nguyên nhân tác động của công tác quản lý thu thuế GTGT tới công tác thu nộp NSNN theo từng địa bàn, từng lĩnh vực thu, từ đó tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu và dự báo thu hàng tháng, hàng quý sát đúng với thực tế phát sinh. Xác định các lĩnh vực còn thất thu thuế để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý có hiệu quả, Thường xuyên tổ chức các hội nghị đối thoại, khen thưởng NNT, tập huấn chính sách thuế,... nhằm tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, cá nhân, góp phần cải thiện nâng cao hiệu lực quản lý thu thuế; lên án mạnh mẽ các hành vi trốn thuế, gian lận thuế, vi phạm pháp luật thuế, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của xã hội về công tác thuế.

Thường xuyên tổ chức, triển khai các hoạt động thi nghiệp vụ, giáo dục, đào tạo cán bộ thuế nhằm nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ thuế. Từ đó, làm tăng hiệu quả thực hiện các chính sách thuế, những chủ trương mới của Nhà nước đề ra.

KẾT LUẬN

1/ Nội dung quản lý chống thất thu thuế GTGT là một trong những hoạt động mang tính chất kinh tế, chính trị, xã hội hơn nữa còn là sự nghiệp của Nhà nước trong quá trình xây dựng và phát triển. Chống thất thu thuế GTGT là cuộc đấu tranh lâu dài và bền bỉ mà cơ quan Thuế có trách nhiệm chính.

Nội dung của công tác quản lý chống thất thuế GTGT bao gồm: công tác đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế và thanh kiểm tra về thuế. Những nội dung này nhằm mục đích quản lý về thuế giá trị gia tăng của các DN NQD tại Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh.

2/ Thực trạng quản lý chống thất thu thuế GTGT của các DN NQD tại Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh cho thấy:

- Việc đăng ký thuế GTGT: vẫn còn các trường hợp không thực hiện đăng ký thuế GTGT, đặc biệt là các trường hợp doanh nghiệp tỉnh ngoài thực hiện các hoạt động kinh doanh xây dựng vãng lai, bán hàng ngoại tỉnh...Trong thời gian vừa qua tại Tỉnh Bắc Ninh có một số DN của các Tỉnh khác đến xây dựng bán hàng vãng lai nhưng không thực hiện đăng ký nộp thuế vãng lai nhất là các DN đang thực hiện tại các Khu công nghiệp.đó cũng là nguyên nhân thất thoát nguồn thu cho Tỉnh.

Từ năm 2012 đến 2014 trong số doanh nghiệp thành lập có 52 doanh nghiệp chưa kê khai, nộp thuế GTGT.

- Quản lý kê khai thuế, nộp thuế GTGT: phòng kiểm tra thuế số 2 thực hiện đúng quy định về kê khai và nộp thuế GTGT. Đến năm 2012 số lượng tờ khai thuế GTGT đã nộp là 9550 hồ sơ, năm 2013 số lượng tờ khai thuế GTGT đã nộp là 9000 hồ sơ, năm 2014 số lượng tờ khai thuế GTGT đã nộp là 9080 hồ sơ. Tỷ lệ nợ đọng thuế GTGT dưới 5%, tỷ lệ nợ đọng năm 2012 là 2,8 %, năm 2013 là 2,7%, năm 2014 là 2,4%.Qua tỷ lệ trên cho ta thấy được tình hình nợ thuế GTGT của các DN NQD có chiều hướng giảm đi.

- Công tác hoàn thuế giá trị gia tăng: Công tác hoàn thuế tại Cục Thuế được tiến hành theo đúng quy định, năm 2013 đã hoàn đối với các trường hợp xuất khẩu, đầu tư mới, đầu tư mở rộng và âm 3 tháng liên tục . Thực hiện kiểm tra sau hoàn thuế, kiểm tra trước hoàn thuế sau theo đúng quy định.năm 2013 số thuế hoàn là 474.249 triệu đồng, năm 2014 là 595.591 triệuđồng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra về thuế: Cục Thuế đã lập kế hoạch và tiến hành thanh, kiểm tra tại trụ sở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, số doanh nghiệp được

kiểm tra năm sau cao hơn năm trước, số doanh nghiệp có vi phạm về thuế GTGT cao, số truy thu tiền thuế GTGT năm 2012 là 15.553 triệu đồng trong đó truy thu do thanh tra là 7.903 triệu đồng, do kiểm tra là 7.650 triệu đồng. Năm 2013 là 20.556 triệu đồng trong đó truy thu do thanh tra là 10.8563 triệu đồng, do kiểm tra là 9.700 triệu đồng. Năm 2014 là 22.837 triệu đồng trong đó truy thu do thanh tra là 5.837 triệu đồng, do kiểm tra là 17.000 triệu đồng.

-Công tác tuyên truyền chính sách, hỗ trợ NNT trong giai đoạn 2012-2014 của Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh : Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh thường xuyên phối hợp cộng tác với Đài phát thanh truyền hình Tỉnh, Báo Bắc Ninh thực hiện các chương trình " Thuế với cuộc sống", tuyên truyền các chính sách pháp luật thuế mới trên các thông tin đại chúng, tuyên truyền lưu động....để giúp nhân dân nắm bắt và hiểu rõ về chính sách pháp luật thuế, quyền lợi và nghía vụ thuế với Nhà nước.Tổng số từ năm 2012 đến 2014 phát 3000 tờ rơi hướng dẫn chính sách về thuế, phát thanh tuyên truyền trên đài phát thanh và đài truyền hình là 120 lượt, đăng báo Bắc Ninh là 40 lượt, Làm biển Pano là 40 biển, tuyên truyền lưu động bằng ô tô là 130 buổi.

Công tác quản lý nợ thuế: trong giai đoạn 2012-2014 tình hình quản lý đôn đốc các DN NQD kê khai nộp thuế GTGT vào NSNN của Cục thuế Tỉnh Bắc Ninh cho thấy việc kê khai nộp thuế của các DN NQD kịp thời, dẫn đến tỷ lệ nợ động thuế GTGT các năm dưới 5%.

3/ Các giải pháp nhằm tăng cường quản lý chống thất thu thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Cục Thuế Bắc Ninh quản lý gồm các nhóm giải pháp về đăng ký, kê khai, nộp thuế; giải pháp về công tác hoàn thuế giá trị gia tăng; nhóm giải pháp về thanh, kiểm tra về thuế GTGT và nhóm giải pháp tăng cường công tác tuyền truyền và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế từ đó nâng cao chất lượng kê khai thuế; tăng cường công tác hậu kiểm để đảm bảo việc hoàn thuế; mỗi cán bộ thuế phải thực sự là một tuyên truyền viên về thuế đối với mọi người dân; Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện tốt việc thu nộp tiền thuế vào NSNN và đôn đốc tiền thuế còn nợ, hạn chế số thuế nợ đọng, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức thuế giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có đạo đức tốt, luôn là người bạn đồng hành với người nộp thuế , coi người nộp thuế là khách hàng quan trọng

, tạo hình ảnh người cán bộ thuế trong sach, liêm khiết, minh bạch trong mỗi người dân Việt Nam nói chung và nhân dân tỉnh Bắc ninh nói riêng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2011). Thông tư 28/2011/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2012). Thông tư số 06/2012/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, Hà Nội.
3. Bộ Tài chính (2013). Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng, Hà Nội.
4. Bộ Tài chính (2013). Thông tư 156/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Hà Nội.
5. Bộ tài chính (2014) . Thông tư 119/2014/TT-BTC
6. Chính Phủ (2010). Nghị định của Chính phủ số 43/2010/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp, Hà Nội.
7. Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (2012). Tổng kết công tác thuế năm 2012, phương hướng và các giải pháp thu NSNN năm 2013, Bắc Ninh.
8. Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (2013). Tổng kết công tác thuế năm 2013, phương hướng và các giải pháp thu NSNN năm 2014, Bắc Ninh.
9. Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (2014). Tổng kết công tác thuế năm 2014, phương hướng và các giải pháp thu NSNN năm 2015, Bắc Ninh.
10. Cục thuế Hà Nội (2012). Báo cáo tổng kết nhiệm vụ công tác thuế năm 2012, Hà Nội.
11. Cục Thống kê Bắc Ninh (2013). Niên giám thống kê 2012.
12. Luật và vai trò của thuế giá trị gia tăng (2013)
13. Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Thị Liên (2007). *Giáo trình thuế*, Nhà xuất bản Tài chính.
14. Quốc hội (2006). Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11, Hà Nội.
15. Quốc hội (2008). Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12, Hà Nội.
16. Quốc hội (2013). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế GTGT số 31/2013/QH13, Hà Nội.
17. Tổng Cục Thuế (2008). Quyết định số 528/QĐ-TCT ngày 29/05/2008 về việc ban hành Quy trình kiểm tra thuế, Hà Nội.

18. Tổng cục Thuế (2010). Quyết định số 108/QĐ-TCT ngày 14/1/2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế v/v quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng cục thuế, Hà Nội.
19. Tổng cục Thuế (2010). Quyết định số 502/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế v/v quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng trực thuộc Cục thuế, Hà Nội.
20. Tác giả Phan Bích Hà (2014), "giáo trình tài chính doanh nghiệp"
Website,địachỉ:http://voer.edu.vn/c/khai-niem-va-thanh-phan-cua-khu-vuc-kinh-te-ngoai-quoc-doanh/ff80210b/7f945f39.
21. Tổng cục thuế (2013). Quyết định số 688/QĐ-TCT ngày 22/4/2013 của Tổng Cục thuế về việc ban hành hệ thống chỉ số đánh giá hoạt động Quản lý thuế.

PHỤ LỤC

PHIẾU ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP

1. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA DOANH NGHIỆP (DN)

1.1. Thông tin chung

- Tên DN:.....
- Địa chỉ:.....
- Năm thành lập:.....
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:.....
- Vốn điều lệ: ……..
- Loại hình doanh nghiệp:……

1.2. Thông tin về chủ DN

Họ và tên:.....Tuổi:.....

- Giới tính:..... Trình độ văn hoá:.....

2. NỘI DUNG ĐIỀU TRA:

2.1. Ông/bà kê khai thuế GTGT bị sai sót thường do nguyên nhân nào?

☐ Kê khai đầy đủ sẽ phải nộp thuế nhiều hơn

☐ Biểu mẫu kê khai phức tạp, nhiều thông tin

☐ Thủ tục nộp hồ sơ khai thuế chưa thuận lợi

☐ Chính sách thuế thay đổi nhiều

2.2. Theo ông/bà, thủ tục hoàn thuế GTGT hiện nay như thế nào:

☐ Nhanh

☐ Chậm, thủ tục rườm rà

2.3. Ông/ Bà hiểu biết về Luật quản lý thuế và các vấn đề liên quan đến công tác kê khai, nộp thu ế như thế nào?

☐ Hiểu biết tường tận

☐ Biết nhưng hạn chế

☐ Không biết

2.4. Theo ông (bà) công tác kiểm tra của cơ quan thuế tác động đến doanh nghiệp như thế nào?

☐ Doanh nghiệp có ý thức hơn trong việc chấp hành Luật quản lý thuế, kê khai thuế, đồng thời hạn chế việc cố tình trốn thuế của doanh nghiệp

☐ Doanh nghiệp sẽ tìm mọi cách để lách thuế

☐ Không có tác động gì nhiều

- Ý kiến khác: …….....

…….....

2.5. Xin ông (bà) cho biết ngành thuế trong công tác kiểm tra thuế đã đảm bảo công bằng chưa?

Công bằng ☐ Chưa công bằng ☐

Nếu chưa công bằng, xin nói rõ lý do:.....

.....2.6.

Công tác kế toán của doanh nghiệp được quan tâm như thế nào?

1/Quan trọng ☐ 2/ Bình thường ☐ 3/ Không quan trọng ☐

2.7. Các ý kiến khác (nếu có).....

.....

Ghi chú: Ông/ bà đánh dấu (X) vào các ô ☐ được lựa chọn với mỗi câu hỏi

Xin chân thành cảm ơn Ông/bà!

Ngày.....tháng. năm2014

Doanh nghiệp được điều tra

(Ký và ghi rõ hộ tên)